

K.S HỒ XUÂN HẠNH



Nghệ thuật chữ

TRANG TRÍ & QUẢNG CÁO



K.S. Hồ Xuân Hạnh

Nghệ thuật chữ trang trí và quảng cáo



Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật

MỤC LỤC

LỜI TÁC GIẢ

PHẦN MỘT : NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT

TRIỂN CỦA CHỮ QUỐC NGỮ 7

- I. Nguồn gốc hình thành chữ Latinh 7
- II. Chữ mang dáng nghệ thuật cổ Hy Lạp và La Mã 13
- III. Chữ mang dáng nghệ thuật các Tôn giáo 14
- IV. Chữ mang dáng nghệ thuật thời kỳ Văn Nghệ Phục Hưng 24
- V. Chữ mang dáng nghệ thuật thời kỳ Cận đại 30
- VI. Chữ mang dáng nghệ thuật Cổ điển 30
- VII. Chữ mang dáng nghệ thuật thời kỳ Hiện đại 39

PHẦN HAI : CẤU TRÚC CHỮ 46

- I. Các thành phần của chữ 46
- II. Cấu trúc chữ lớn 51
 - A - Cấu trúc chữ lớn không nét chân 55
 - B - Cấu trúc chữ lớn có nét chân 68
 - C - Cấu trúc chữ viết 82
- III. Cấu trúc chữ con 92
- IV. Cấu trúc chữ số : 97

| | |
|---|-----|
| A - Chữ số La Mã | 97 |
| B - Chữ số A Rập | 98 |
| V. Cấu trúc và bố trí mũ, dấu, râu trong chữ Quốc ngữ | 101 |
| PHẦN BA : SỰ BIẾN HÓA CỦA DÁNG CHỮ | 107 |
| I. Khái niệm về sự biến hóa của dáng chữ | 107 |
| II. Các dạng biến hóa của dáng chữ | 108 |
| III. Ấn ngữ của các dạng trang trí chữ | 133 |
| PHẦN BỐN : PHƯƠNG PHÁP KẸ VẼ CHỮ TRÊN GIẤY | 137 |
| I. Công tác chuẩn bị | 137 |
| II. Trình tự vẽ | 140 |
| III. Bố trí khoảng trống giữa các chữ trong từ | 141 |
| IV. Sử dụng màu sắc trong kẻ chữ | 145 |
| A - Khái niệm về màu sắc và cách pha màu trong hội họa | 145 |
| B - Những yếu tố của màu sắc | 148 |
| C - Ấn ngữ của màu sắc | 152 |
| PHẦN NĂM : MỘT SỐ GỢI Ý VỀ SỬ DỤNG CHỮ | 155 |
| I. Nguyên tắc chung trong việc sử dụng chữ | 155 |
| II. Đặc tính cơ bản của các kiểu chữ | 155 |
| III. Kiểu chữ phục vụ các đối tượng | 158 |

| | |
|--|-----|
| A - Kiểu chữ phục vụ cho sách báo | 158 |
| B - Kiểu chữ phục vụ cho các công việc thông thường và quảng cáo, kinh doanh | 160 |
| IV. Phối hợp sử dụng các kiểu chữ | 164 |
| LỜI BẠT | 172 |

PHỤ LỤC :

- I. Một số kiểu chữ tiêu biểu ở cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX được ưa chuộng
- II. Một số kiểu chữ xuất hiện trong những thập kỷ 60 - 80 ngành in đang dùng phổ biến
- III. Một số kiểu chữ quảng cáo.

LỜI TÁC GIẢ

Chữ Quốc ngữ của chúng ta xuất xứ từ chữ Latinh hình thành từ cuối thế kỷ XVIII. Nhưng qua hơn hai thế kỷ, chữ Quốc ngữ không được thông dụng trong nhiều lĩnh vực.

Từ sau Cách mạng tháng Tám, chữ Quốc ngữ mới thật sự là "Quốc gia văn tự".

Nhiều nước trên thế giới cũng dùng chữ Latinh làm Quốc ngữ. Ở mỗi nước chữ Latinh xuất hiện nhiều kiểu dáng theo chiều dài lịch sử và lan tràn ra khắp thế giới.

Lâu nay, chúng ta chưa có nhiều tài liệu nói về sự hình thành và phát triển của chữ Quốc ngữ, các kiểu dáng của nó xuất hiện qua các thời kỳ lịch sử, cách cấu trúc chữ, nghệ thuật kẻ và dùng chữ. Hơn nữa, hiện nay nước ta đang trong giai đoạn phát triển kinh tế thị trường, trong lĩnh vực trang trí, quảng cáo, kinh doanh cần nhiều kiểu chữ hấp dẫn, phù hợp nội dung công việc, mà chữ Latinh đã và đang du nhập vào nước ta nhiều kiểu dáng, nên sử dụng vào trường hợp nào cho đúng nơi, đúng chỗ.

Quyển sách này, nếu đáp ứng cho bạn đọc ít nhiều các vấn đề nêu trên, thì chúng tôi vô cùng vui sướng.

Khi biên soạn chắc còn nhiều thiếu sót, mong bạn đọc chỉ giáo. Chúng tôi xin chân thành ghi nhận những đóng góp bổ ích.

Hồ Xuân Hạnh

PHẦN MỘT



NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỮ QUỐC NGỮ

I. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH CHỮ LATINH

Chữ là những nét đồ họa, là hình vẽ mang tính chất ký hiệu, dùng thay lời nói của con người, phục vụ cho nhận thức của con người qua thị giác.

Thuở xưa, khi loài người chưa có chữ, thì cảm nghĩ của con người chỉ có thể biểu hiện bằng lời nói. Nhưng lời nói phụ thuộc sự gặp gỡ giữa người nói và người nghe, là âm thanh bị tiêu ngay trong không gian, bị lãng quên qua thời gian, không đáp ứng được yêu cầu ngày càng đòi hỏi của con người về mặt ghi chép lưu lại cho đời sau những kinh nghiệm sản xuất, chiến đấu, cải tạo thiên nhiên, bảo vệ giống nòi, những tác phẩm văn thơ quý giá, cho nên loài người đã sáng tạo ra chữ để qui ước cách giữ lại lời nói.

Chữ hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người. Lúc ban đầu, con người vẽ hình lên vách đá, lá cây, thanh tre, xương thú... để ghi lại những diễn biến trong sinh hoạt cá nhân và xã hội. Từ đơn giản này đến cách điệu kia, chồng chất lên nhau qua nhiều thế hệ, loài người mới đi đến chỗ dùng một số nét ngang, đứng, nghiêng, cong ghép lại thành chữ, dưới một qui thức nhất định.


Từ loại Cổ tự Ai Cập (hiéroglyphes)* gồm 700 hình khác nhau, biểu thị người, vật, cỏ cây là hệ thống chữ cổ xưa nhất. Trước tiên Cổ tự Ai Cập mang tính chất tượng hình, như muốn chỉ con bò, con chim, bàn tay... người ta vẽ ngay hình dạng của chúng. Ví dụ: hình  chỉ mặt trời, hình  chỉ cái miệng.

* Năm 1823, François Champollion là người Pháp đầu tiên đọc được những bản văn viết bằng chữ hiéroglyphes.

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|---|-------|-----|-------|-----|
| | K K K | K X | X X X | X |
| | A A A | 4 9 | 9 9 Z | Y |
| | 7 1 | 1 1 | 1 | 人 |
| | △ | △ 9 | 4 7 | 4 |
| | 3 3 | 3 3 | 3 3 1 | 7 |
| | Y Y | Y 4 | 4 1 | 2 |
| | I | 5 I | I 1 | I |
| | 日 日 | 日 日 | 日 日 日 | H |
| | 2 | Z Z | Z 3 Z |) |
| | v v | y y | y 3 y | y |
| | L L L | L L | L L 5 | b |
| | 5 5 5 | 5 5 | 5 5 | 5 5 |
| | 5 | 5 5 | 5 5 | 5 3 |
| | 0 0 | 0 0 | 0 y | y |
| | 1 1 | 1 1 | 1 1 | 3 |
| | | φ φ | φ φ φ | 5 5 |
| | ▽ | 4 4 | 4 4 | U |
| | w 3 | w w | w w w | w |
| | + + | X X | X X | 5 |

| 6 | 7 | 8 | Chú thích |
|---|---|---------------------------------------|---|
| Δ Δ Δ Δ | A Λ Λ | A | 1. Cổ tự Ai Cập xuất hiện khoảng 3.000 năm TCN |
| Β Β Β Β | B B | B | 2. Chữ của dân tộc Phéniciens ở thế kỷ XIII-X TCN. |
| Γ Δ Ε Ζ Η Θ Ι Κ Λ Μ Ν Ξ Ο Π Ρ Σ Τ Υ Φ Χ Ψ Ω | Λ C D E E II F F II H I K P Q R R S S T T X | C D E F G H I K L M N O P Q R S T V X | 3. Chữ của dân tộc Sémistes ở thế kỷ X-VIII TCN |
| | | | 4. Chữ của dân tộc Hébreux. |
| | | | 5. Chữ của dân tộc Palmyréniens. |
| | | | 6. Chữ của người Hylap ở thế kỷ VI TCN. |
| | | | 7. B. Chữ của người Lamia ở thế kỷ I TCN - thế kỷ II. |

Hình 1-1a. Sự hình thành và phát triển chữ Latinh từ cổ tự Ai Cập

Phát triển cao hơn, hình vẽ được giản lược dần và ngoài việc tượng hình, còn có thêm tính chất biểu thị ý. Ví dụ: hình  không những chỉ mặt trời, mà còn chỉ ngày và rộng hơn nữa là chỉ các khái niệm liên quan đến thời gian. Hình cái chân còn nói lên ý đi, đứng....

Đến giai đoạn cao hơn, mỗi hình chỉ một vần. Ví dụ: hình cái miệng chỉ vần RA, hình tia nước chỉ vần MI....

Cuối cùng, mỗi hình chỉ một chữ. Ví dụ: hình cái miệng chỉ chữ R, hình đầu con bò chỉ chữ A....

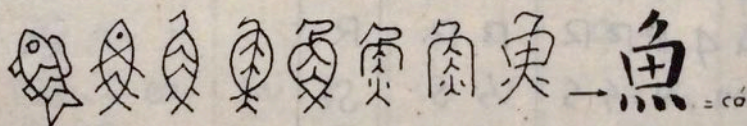
Từ đó, chữ Latinh* mà ngày nay chúng ta dùng làm Quốc ngữ xuất hiện.

Chữ hình cái đinh (Cunéiforme) ở Cận Đông (HI-1b) và chữ Hán ở Trung Quốc (HI-1c) cũng có quá trình chuyển hóa từ hình vẽ cụ thể đến con chữ hiện đang sử dụng.

Từ khi chữ xuất hiện, loài người đã đạt được tiến bộ bước đầu là đã có chữ để ghi chép những tâm tư, tình cảm của mình, nhưng vẫn chưa toại nguyện. Qua mỗi giai đoạn kinh tế phát triển, tư duy con người được mở rộng, khoa học ngày càng tiến bộ, nhu cầu cấp thiết



Hình I-1b



Hình I-1c

* Latinh là vùng xung quanh thành La mã (nước Ý)

của đời sống đòi hỏi con người phải luôn luôn nghĩ cách giải quyết làm sao chữ được giản đơn, dễ viết, dễ nhớ, viết được nhanh, được rõ, có nhiều khả năng diễn đạt được nội dung cần thiết. Cho nên dáng chữ luôn luôn được đổi mới. Nhiều kiểu chữ không ngừng xuất hiện.

Hiện nay, trên thế giới có khoảng 3.000 thứ tiếng nói đã được nhận biết, trong đó số lớn đã có chữ, hình thành từ cổ xưa, hoặc mới được đặt ra trong thời gian gần đây.

Ở nước ta, vào thế kỷ XVIII, có ba thứ chữ viết cùng tồn tại. Triều đình Nhà Nguyễn lấy chữ Hán làm "Quốc gia văn tự". Giấy tờ giao dịch đối nội, đối ngoại, học hành, thi cử, làm thơ, viết văn bằng chữ Hán. Chữ Nôm, một thứ chữ cũng khối vuông như chữ Hán, nhưng ghi âm được tiếng Việt cũng được sử dụng rộng rãi. Các nhà Nho, ngoài việc làm thơ, viết văn bằng chữ Hán, đều có sáng tác văn thơ Nôm. Bên cạnh đó, các giáo sĩ phương Tây, trong khi tiến hành truyền giáo tại Việt Nam, đã dùng chữ Latinh để ghi lại tiếng Việt*. Kể từ khi phôi thai cho đến cuối thế kỷ XIX, loại chữ này được hoàn thiện dần từng bước và được sử dụng thành Quốc ngữ. Vì vậy muốn hiểu biết và sử dụng tốt chữ Quốc ngữ, ta cần tìm hiểu chữ Latinh.

Nhiều kiểu chữ Latinh người ta dùng trước đây và ngày nay, nhìn bề ngoài chỉ là những đường nét ghép lại, nhưng về mặt cấu trúc, nó mang tính nghệ thuật của từng giai đoạn lịch sử của xã hội loài người. Nghệ thuật là một hình thái của ý thức xã hội, nó mượn những hình tượng, những âm thanh, những đường nét, màu sắc.....để gây cảm xúc và để biểu hiện tình cảm tư duy của con người. Chữ là một biểu hiện bằng đồ họa của tư tưởng. Cho nên việc tạo dáng chữ, cấu trúc chữ và việc sử dụng chữ đều chịu ảnh hưởng của nghệ thuật đương thời. Thời đại nào, nghệ thuật ấy. Trong các hình nghệ thuật thì nghệ thuật tạo dáng chữ thường có sự tương tự với nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, trang trí. Đối với kiến trúc truyền thống của mỗi dân tộc, mỗi vùng lãnh thổ còn có những mối quan hệ chặt chẽ với thiên nhiên, với vật liệu xây dựng và những quy định về phong tục, tập quán, tình cảm và tâm lí của từng dân tộc.

* Năm 1651, Alexandre De Rhodes đã biên soạn cuốn từ điển Annam - Lusifan - Latinh (thường gọi là từ điển Việt - Bồ - Latinh) xuất bản tại La Mã.

A B C
D E F G H I L
M N O P
Q R S T
V X

Hình 1-2. Kiểu chữ Romain ở cột trụ Trajanus

II. CHỮ MANG DÁNG NGHỆ THUẬT CỔ HY LẠP VÀ LA MÃ

Ở thời kỳ Cổ Hy Lạp và La Mã, kiểu chữ Romain của người La Mã là kiểu chữ viết mẫu mực ở châu Âu, điển hình là kiểu chữ khắc trên cột kỷ niệm vua Trajanus ở La Mã năm 113. Hồi đó bộ chữ cái Latinh chưa có các chữ H, J, K, U, Y, Z, W.



Hình 1-3. Đền Parthénon còn lại dấu vết

Dáng chữ trang nghiêm, phong nhã, đường nét hài hòa, làm cho dáng chữ nhẹ nhàng, thanh thoát. Kiểu chữ mang đặc trưng của phong cách nghệ thuật kiến trúc Dorique, Ionique và Corinthe* của nền văn hoá cổ đại huy hoàng ở Hy Lạp và La Mã. Kiến trúc Cổ Hy Lạp là mẫu mực cho kiến trúc thế giới bằng vẻ đẹp đúng đắn, thanh nhã, có tỷ lệ hài hoà giữa các thành phần kiến trúc và giữa công trình với con người.

Công trình kiến trúc đẹp nhất và là đỉnh cao của nghệ thuật kiến trúc Cổ Hy Lạp là đền Parthénon xây dựng ở thế kỷ thứ V trước Công nguyên, thờ nữ thần Athéné ở Athènes, dưới sự hướng dẫn của kiến trúc sư nổi tiếng Ictinus và nhà điêu khắc thiên tài Phidias. Xung quanh đền có hàng cột lớn bằng đá hoa trắng lợt. Mỗi chiều dài của nền nhà có 17 cột, mỗi chiều ngang có 8 cột, mỗi cột cao 17,95m. Trên các cột và vách tường có chạm nổi những cảnh diễn tả sự tích lấy trong thần thoại hay trong sinh hoạt xã hội của người Athènes thời bấy giờ. Trong đền có nhiều pho tượng cẩm thạch, có cái cao 12m. Suốt 2.000 năm, qua nhiều biến cố lịch sử, nhất là trận động đất năm 1894, đền Parthénon chỉ còn nền nhà và những hàng cột đá.

Công trình kiến trúc nổi tiếng của người La Mã có khái hoàn môn Constantin Đại đế (Arc de Constantin le Grand) và trường đấu Colisée ở La Mã đều có kiểu kiến trúc, điêu khắc, trang trí như người Hy Lạp. Trường đấu Colisée là một lâu đài cao 4 tầng, xây dựng năm 80 bởi kiến trúc sư Titus có sức chứa trên 50.000 khán giả.

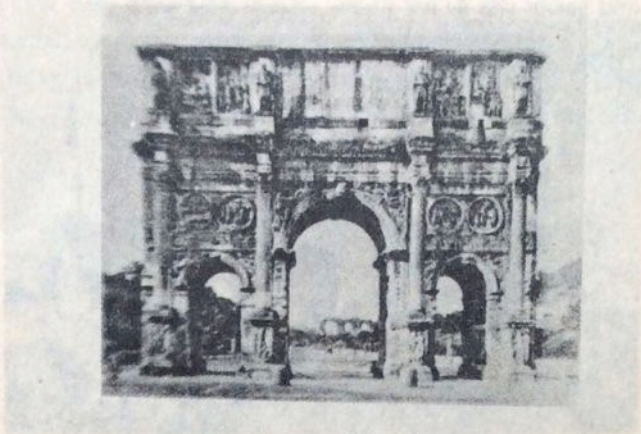
III. CHỮ MANG DÁNG NGHỆ THUẬT TÔN GIÁO

Tới thời kỳ Trung đại (thế kỷ V đến thế kỷ XV), nghệ thuật kiến trúc châu Âu theo dáng nghệ thuật các tôn giáo: Byzantine, Arabe, Roman, Mérovingienne, Carolingienne, Gothique .

* Dorique có cột cao 16 module (module là bán kính đáy cột),
đài đầu cột đơn giản.

Ionique có cột cao 18 module, đài đầu cột có hai vòng cuốn.

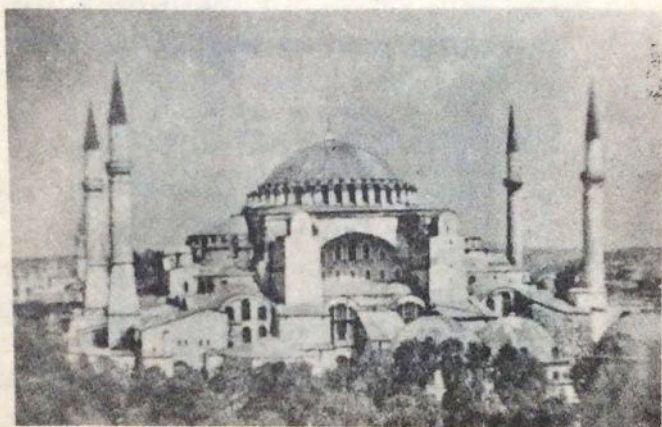
Corinthe có cột cao 20 module đài đầu cột có hình tàu lá uốn.



Hình 1-4. Khải hoàn môn Constantin Đại đế

Nghệ thuật kiến trúc theo phong cách Byzantine (395-1460) như kiểu nhà thờ Saint Sophie ở Constantinople (tức Istanbul) của Thổ Nhĩ Kỳ, có mái vòm dựa trên 4 trụ chính nằm giữa nhà thờ, phía trong cao 55m. Xung quanh vòm có 40 cửa, ánh sáng hắt vào khiến người ở trong có cảm giác vòm treo lơ lửng giữa trời. Bên trong nhà thờ có trang trí những cột bằng đá hoa, những bức tranh sơn màu, những bức khảm giát bằng đá màu, bằng thủy tinh màu và vàng bạc ngọc ngà quý giá. Có những bức bích họa, những tranh khảm sắc sảo, mang nhiều sắc thái thể tục, như vẽ chim chóc, động vật, cỏ cây, những cảnh sinh hoạt bình thường của nhân dân.

Nghệ thuật kiến trúc theo phong cách Arabe (622-1258). Đạo hồi, không cho tạc tượng. Trang trí thì toàn dùng những đường giao nhau có tính chất hình học, tạo thành những hình tượng trung cho hoa, lá, chữ, phối hợp nhau thành những tác phẩm tuyệt tác. Cung điện, đền đài Arabe thường có mái vòm theo kiểu Byzantine, cột thon nhỏ theo kiểu Batu, cửa cuốn hình bầu dục, hình móng ngựa, hoặc có mũi

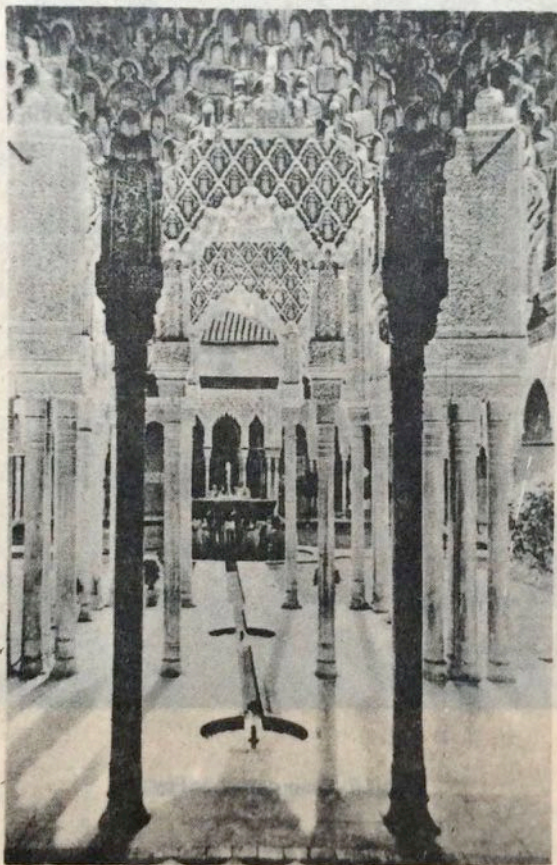


Hình I-5. Nhà thờ St.Sophie

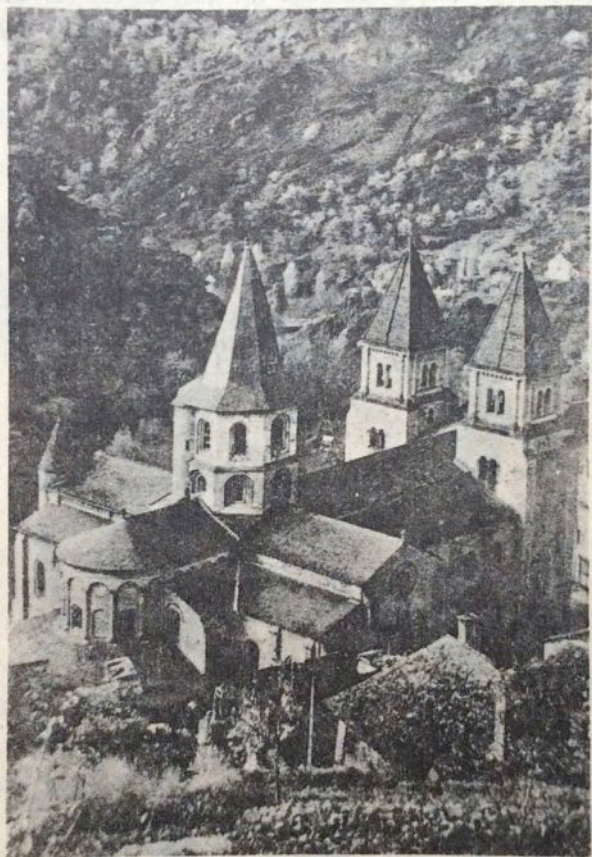
nhọn. Công trình kiến trúc tiêu biểu cho kiểu Arabe thời bấy giờ có đền Alhambra ở Grenade do dân tộc Maures xây dựng năm 1133, dài 28,50m, rộng 17,50m trên đồi cao 150m. Ở các hành lang của ngôi đền có đến 128 cột bằng đá trắng. Xung quanh đền có vườn cây, nước tưới quanh năm. Trước kia Alhambra là thủ đô của Tây Ban Nha.

Nghệ thuật kiến trúc theo phong cách Roman (thế kỷ IX đến thế kỷ XI) bắt chước theo kiểu La Mã, chủ yếu là dùng cổng vòm, nhưng không được hoàn hảo bằng kiến trúc La Mã, hơi thô và nặng nề. Kiến trúc theo kiểu Roman thường phối hợp với kiểu kiến trúc quân sự. Tường bằng đá dày, cột lớn chắc chắn, nhưng hơi thô. Mái vòm không cao, cửa sổ thấp nhỏ. Nhìn chung nặng nề, tối tăm, nhưng có ưu điểm là vững chắc, phù hợp với yêu cầu phòng ngự chiến tranh thời bấy giờ. Công trình kiến trúc có trang trí tranh tượng dân gian khắc đá, màu sắc rực rỡ. Một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu cho phong cách Roman thời bấy giờ có giáo đường Saint Foy ở Aveyron, nước Pháp.

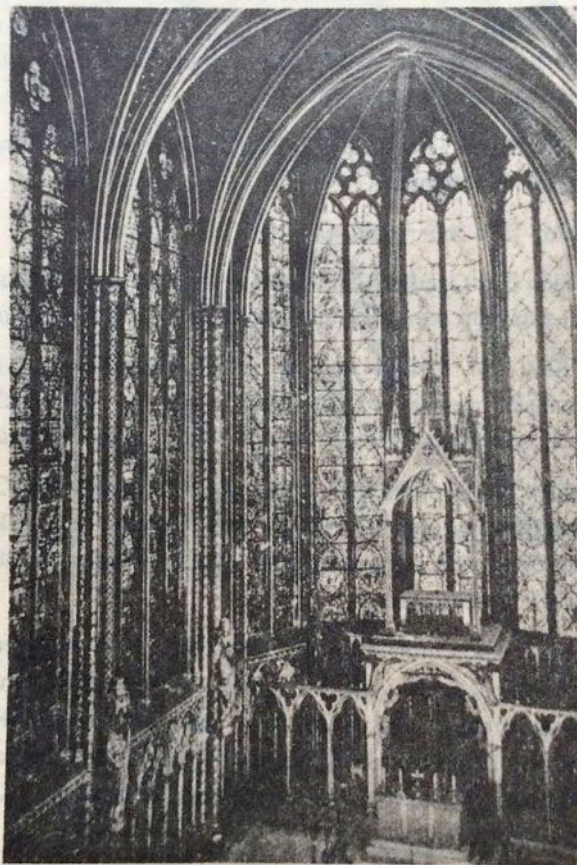
Nghệ thuật kiến trúc theo phong cách Gothique (1150-1500) không chắc chắn bằng kiểu Roman, nhưng vui và nhẹ nhàng hơn. Nhà thờ Saint Chapelle ở Paris là một thành tựu xuất sắc của nền kiến trúc theo phong cách Gothique vào thế kỷ XIII. Nhà thờ dài 36m, rộng 17m, cao 42m. Bên trong nhẹ nhàng thánh thoát, sáng sủa, có nhiều



Hình 1-6. Dền Alhambra



Hình 1-7. Giáo đường St.Foy



Hình 1-8. Nhà thờ St.Chapelle.

cột cao duyên dáng, nhiều cửa hình tròn cuốn nhọn, có kính hoa, vẽ những hình ảnh trong kính thánh, với nhiều màu sắc rực rỡ. Có những tượng, những hình chạm nổi đủ mọi hình thù. Riêng ở các cửa kính hoa người ta đếm có đến 1134 hình ảnh. Bên ngoài nhà thờ có tháp chuông cao vút, cửa ra vào lớn, đặc biệt ở chính diện có trang trí nhiều tượng điêu khắc với trình độ nghệ thuật cao.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, nhà thờ Đức Bà có lối kiến trúc theo phong cách Gothique.

Những kiểu chữ ra đời trong thời gian này có:

1. Kiểu chữ Quadrata đại để không khác kiểu chữ Romain mấy, có điều nét chữ mập hơn, dáng vuông vức hơn, góc chữ mềm mại hơn.

2. Kiểu chữ Rustica xuất xứ từ kiểu chữ Romain viết tháu (*écriture romaine cursive*), có nét thanh mảnh, nét ngang ngắn, dáng chữ thon dài, mình hẹp. Với kiểu chữ này người ta viết có nhanh hơn.

3. Kiểu chữ Onciale hình thành trên cơ sở kiểu chữ Quadrata và kiểu chữ Romain. Chữ Onciale tròn trịa, nét mập đều, là kiểu chữ được thông dụng nhất trong sách chép tay gần 600 năm từ thế kỷ III đến thế kỷ IX ở châu Âu.

4. Kiểu chữ Caroline ra đời dưới triều đại Carolingienne thời Charlemagne ở Pháp. Kiểu chữ này không khác kiểu chữ Romain mấy, nên người ta cũng gọi chữ Caroline là kiểu chữ Romain. Kiểu chữ Caroline được phổ biến khắp châu Âu, nó thay dần các kiểu chữ đã có trước và chiếm địa vị thống trị gần 200 năm, từ thế kỷ IX đến thế kỷ XI. Nó có cả chữ con.

5. Kiểu chữ Gothique: Từ kiểu chữ Romain, thân dần dần co hẹp lại, dài ra, ép sát vào nhau, có góc, có cạnh sắc nhọn, có nét thanh, nét mập. Kiểu chữ Gothique được sử dụng rộng rãi suốt ba thế kỷ. Nó lấn át hoàn toàn các kiểu chữ có trước trong sách chép tay cũng như trong sách in sau đó. Kiểu chữ này đến thời kỳ Cận đại người Đức vẫn còn dùng.

QUADRATA

Hình I-9. Kiểu chữ Quadrata

LA
SEMAINE
DE
VILLA

Hình I-10. Kiểu chữ Rustica

A B C D
E F G H
I K L Q N
O P Q R
S M T U
X Y Z

Hình I-11. Kiểu chữ Onciale

A B C D E F
G H I K L M
N O P Q R S
T U V W X Y

abcde

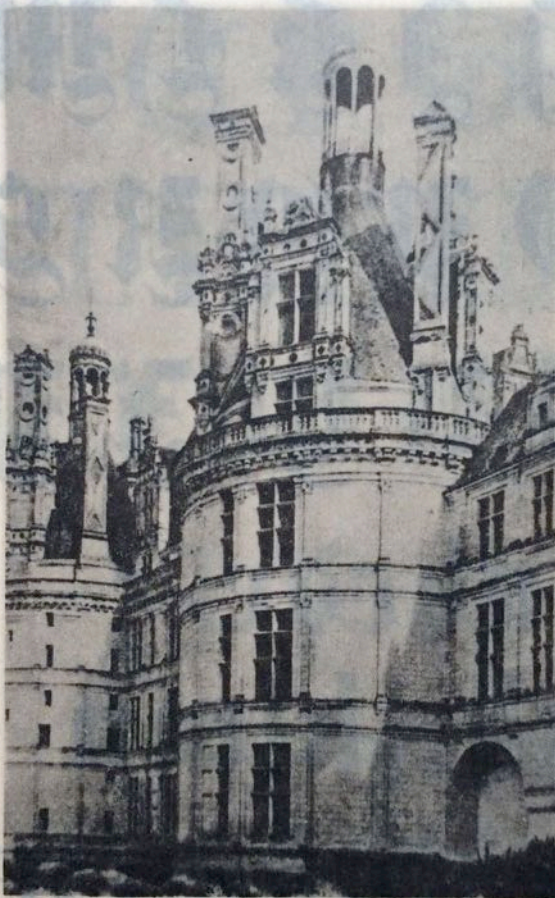
fgijklmn

opqrstuvwxyz

Hình I-12. Kiểu chữ Gothique

IV. CHỮ MANG DÁNG NGHỆ THUẬT THỜI KỲ VĂN NGHỆ PHỤC HƯNG

Tới thời kỳ Văn Nghệ Phục Hưng (thế kỷ XV đến thế kỷ XVII) người ta không những muốn khôi phục lại nền văn hóa Hy Lạp, La Mã mà còn muốn phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của nhân loại đã



Hình 1-13. Lâu đài Chambord

bị các giáo hội và các triều đại phong kiến kìm hãm, vùi dập gần mười thế kỷ. Nghệ thuật kiến trúc bấy giờ mang phong cách mới. Những đường nét hạn chế, gãy khúc, cách trang trí đơn điệu, hình ảnh nặng nề thô kệch, bộ mặt thiếu náo, màu sắc sắc sỡ hoặc âm đạm, đều được thay bằng những công trình có bề mặt rộng rãi, khoáng đạt, sáng sủa, chắc chắn, bề thế, với những vòm lớn, cột trụ cao, có

trang trí những phù điêu, cửa lắp kính. Xung quanh mỗi công trình kiến trúc có vườn cây, thảm cỏ, vòi phun nước, hồ nhân tạo, làm cho nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật phong cảnh, nghệ thuật trang trí quyện vào nhau một cách hài hòa.

Kiến trúc Phục Hưng chú ý đến tỷ lệ hài hòa với tầm vóc con người. Thường dùng số học và hình học để xác định tỷ lệ của công trình.

Công trình kiến trúc nổi tiếng thời bấy giờ có nhà thờ Saint Pierre ngay cạnh tòa Vatican ở La Mã, do kiến trúc sư Bramante và Michel Augelo Baramotti xây dựng. Nhà thờ St.Pierre là nhà thờ lớn nhất trong các nhà thờ Thiên chúa giáo trên thế giới. Người ta còn gọi nhà thờ St.Pierre là thủ đô của thế giới Thiên chúa giáo.

Lâu đài Chambord ở Pháp, thời vua François Đệ nhất cũng rất nổi tiếng. Lâu đài này chiếm một mặt bằng dài 156m, rộng 117m. Mỗi mặt lâu đài có những tháp canh to tròn, mái nhọn. Trên mỗi tháp lại có bốn tháp canh nhỏ. Kiểu kiến trúc này phỏng theo kiểu kiến trúc Roman thời Trung đại, nhưng không có ý nghĩa phòng ngự như kiểu kiến trúc Roman. Lâu đài nằm giữa vườn cây rộng 5.500 ha, có tường bao vây. Nhìn lâu đài, thấy vươn lên một rừng ống khói, tháp chuông nóc nhọn, với nhiều cửa sổ, làm cho du khách có cảm giác như một đô thị treo.

Hơn nữa thời kỳ này, sản xuất công nghiệp phát triển, ngành in đã ra đời và phát triển rộng khắp ở châu Âu, công nghiệp làm giấy có nhiều tiến bộ. Sách chép tay được thay bằng in máy. Vì vậy, dáng chữ cũng phải được biến đổi để thuận tiện cho việc đúc hàng loạt sắp vào máy in. Nhiều kiểu chữ mới từ các kiểu chữ đã có trước, được cải tiến, không ngừng xuất hiện. Các kiểu chữ này có nét trơn tru, không có góc, có cạnh sắc nhọn, dễ đúc khuôn, dễ đọc, mang phong cách trang trọng, thánh thoát, có công thức cấu trúc, chúng được gọi là chữ in Romain.

Nổi tiếng năm 1509 có kiểu chữ của Luca Pacioli, người Ý, năm 1525 có kiểu chữ của Albert Dürer, người Đức, năm 1529 có kiểu chữ

ABC

DEFGHIKL

MNOPQR

STVYZ

Hình 1-14. Kiểu chữ Dürer

AC
BD

EG
FH

PT
RS

ON
KM
LQ

VX
YZ

Hình 1-15. Kiểu chữ Tory

A B C
D E F G
H I J K L M
N O P Q
R S T V
X Y Z

Hình I-16. Kiểu chữ Le Bé

A B C D E F G H I
J K L M N O P Q R S
T U V W X Y Z

a b c d e f g h i j k l m
n o p q r s t u v w x y z

Hình 1-17. Kiểu chữ Italique

của Geoffroy Tory, năm 1539 có kiểu chữ của Claude Garamont, năm 1555 có kiểu chữ của Le Bé, đều là người Pháp. Cũng thời kỳ này, ở Ý xuất hiện kiểu chữ Italique nét thanh nhả, hơi nghiêng về phía phải. Tên kiểu chữ này về sau trở thành danh từ chung cho tất cả các kiểu chữ có hướng nghiêng.

Các kiểu chữ in Romain được sử dụng rộng rãi và cuối cùng thay thế kiểu chữ Gothique.

Như vậy thời kỳ Văn Nghệ Phục Hưng đã mở màn cho nghệ thuật chữ in và đã đưa nghệ thuật chữ sang một bước ngoặt mới.

V. CHỮ MANG DÁNG NGHỆ THUẬT THỜI KỲ CẬN ĐẠI

Tới thời kỳ Cận đại, nghệ thuật Baroque và Rococo thịnh hành (1650-1790) với lối kiến trúc, điêu khắc, trang trí tỉ mỉ, công phu, với nhiều khối uốn chuyển, nhiều đường nét uốn lượn, gây cảm giác sức mạnh, gây kích thích bất ngờ, tạo những không gian phức tạp, cường điệu sự tương phản sáng tối; gây ảo giác không thật về to nhỏ, phở trương, kiêu kì và đặc biệt tốn kém. Kiến trúc Baroque để lại những công trình cực kỳ lộng lẫy như Cung điện Mùa Hè của các Nga hoàng ở Tsarskoïé Sélo gần Leningrad.

Những kiểu chữ thi nhau xuất hiện thời bấy giờ mang phong cách tương tự. Kiểu chữ xây dựng rất cầu kì. Nét chữ có trang trí hình hoa lá, cành cây, hoặc đường nét gãy cong, chỗ to, chỗ nhỏ.

VI. CHỮ MANG DÁNG NGHỆ THUẬT CỔ ĐIỂN

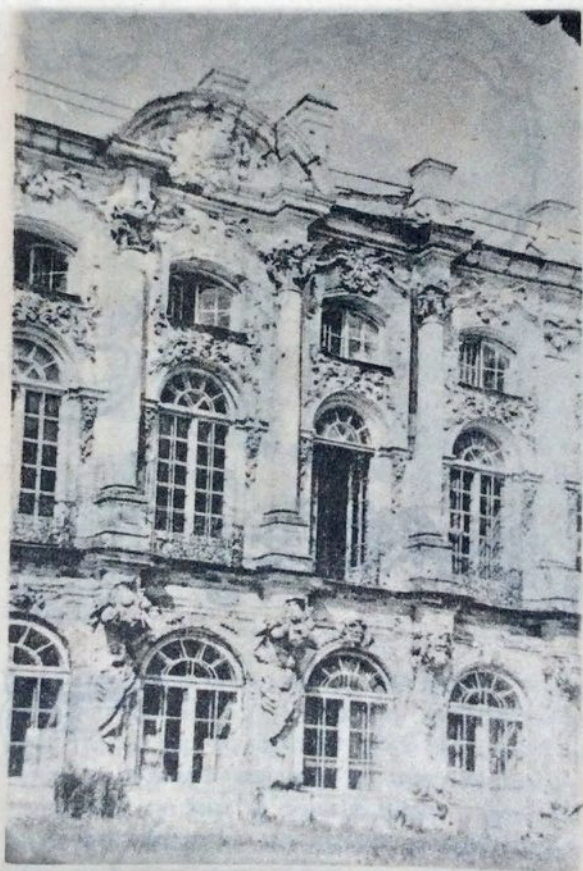
Từ thế kỷ XVIII trở đi, nghệ thuật Baroque nhường bước cho nghệ thuật Cổ điển (1770-1830). Khuynh hướng nghệ thuật lúc này là trở về với những cốt cách, dáng dấp của nền nghệ thuật cổ truyền, với đặc trưng trong sáng, thanh cao, giản dị, hài hòa, có phong cách lộng lẫy, trang nghiêm, với kiểu mặt nhà tam giác, có trang trí tỉ mỉ, công phu, cột trụ cao thanh, khái hoàn môn đồ sộ. Những gì rườm rà, nặng nề, thô kệch đều bị tước bỏ.

Tiêu biểu cho nền kiến trúc thời bấy giờ có Khải hoàn môn tại quảng trường Étoile ở Paris cao 50m, to gấp đôi Khải hoàn môn Constantin Đại đế ở La Mã thời Cổ đại. Khải hoàn môn này hiện nay là một thắng cảnh của thủ đô Paris.

Như lâu đài Valmarana ở Vicence (Ý) soi bóng lung linh trên hồ nước, giữa vườn hoa xinh đẹp, do kiến trúc sư nổi tiếng người Ý

Andrea Palladio xây dựng. Hai trăm năm sau khi ông mất, các lâu đài ở quảng trường Concorde ở Paris, lâu đài Capitolet cạnh tòa Bạch Ốc ở Whasington đều được xây dựng phỏng theo lối kiến trúc của ông.

Thời kỳ này có các kiểu chữ xuất hiện đáng chú ý ở châu Âu, là kiểu chữ của François Ambroise Didot, người Pháp, sáng tác năm



Hình I-18. Cung điện mùa hè ở Leningrad

A B C D E F

I

O

G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z

Hình 1-19. Vai dạng chữ Baroque.

1775, có nét rất thanh, nét chân và nét đầu chữ chỉ là vạch nhỏ, kiểu chữ của Giambatista Bodoni ở ngành in nước Ý, sáng tác năm 1818, với nét thanh, nét mập phối hợp nhau rất khéo, theo một tỷ lệ vừa phải (nét thanh bằng $1/5-1/6$ nét mập) khiến cho toàn bộ chữ nổi bật hẳn lên, trông đậm đà, duyên dáng. Ở Anh, năm 1782 cho ra đời kiểu chữ Baskerville, năm 1816 ra đời kiểu chữ William Caslon đều là kiểu chữ Romain có nét chân cạnh lòng chấu, mang phong cách trang nghiêm, thánh thoát, đến nay ngành in vẫn đang dùng. Năm 1825 ra đời kiểu chữ Egypte có nét đầu và nét chân mập bằng nét đứng, gọi lên những hình ảnh kiến trúc cổ xưa của người Ai Cập, với những cột trụ đồ sộ của đền Karnak, hình khối nặng nề của Kim Tự tháp. Kiểu chữ này là nguồn gốc kiểu chữ dùng trong máy đánh chữ. Các kiểu chữ thời kỳ Cổ điển



Hình 1-20. Lâu đài Valmarana

A B C D
E F G H I J K L M
N O P Q R S T
U V W X Y Z

Hình I-21. Kiểu chữ Didot

ABCD
EFGHIJK
LMNOPQ
RSTUV
XYZ

Hình 1-22. Kiểu chữ Bodoni

AB
CD

EG
HK
UV
XY

Z
M
N
O
W

PR
ST

Hình 1-23. Kiểu chữ Baskerville.

ABC

DEFGHIJKLM

NOPŌRSTU

VWXYZ

Hình 1-24. Kiểu chữ Caslon.

A B C D

E F G H I J K L

M N O P

Q R S T U V W

X Y Z

1 2 3 4 5 6 7 8 9

thường gọi là kiểu chữ classique.

Thời kỳ này, kiểu chữ không nét chân sau hơn 300 năm bị lãng quên, lại được hồi sinh và được sử dụng rộng rãi trong ngành in.

VII. CHỮ MANG DÁNG NGHỆ THUẬT THỜI KỲ HIỆN ĐẠI

Từ cuối thế kỷ XIX trở đi, bước sang thời kỳ hiện đại, nền công nghiệp của nhiều nước trên thế giới phát triển vượt bậc với máy móc chính xác. Trong sản xuất đã áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa. Vật liệu xây dựng có chất lượng cao đã được sử dụng phổ biến. Nhất là từ cuối thế kỷ XX, kỹ thuật điện tử đã được sử dụng rộng rãi. Vệ tinh nhân tạo, con tàu vũ trụ lần lượt chiếm lĩnh không gian. Nhiều công trình có tính chất thế kỷ ra đời khắp nơi, như nhà chọc trời, đường xe

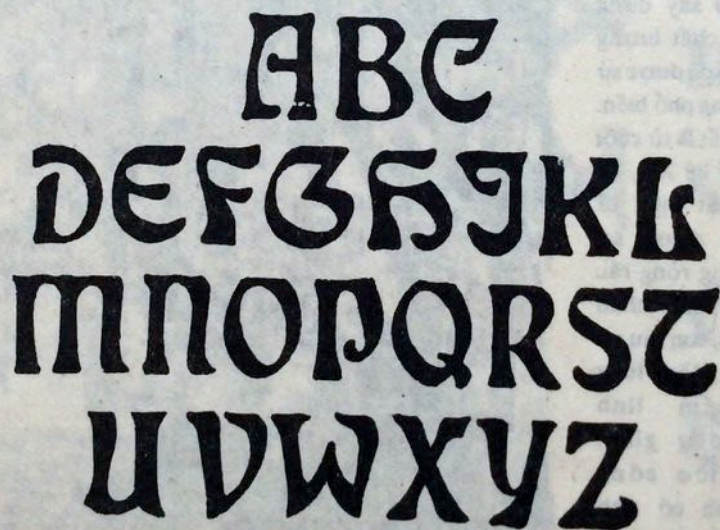


Hình I-26. Khu Manhattan

chạy ngầm dưới đất, sân bóng đá chứa trên 100.000 khán giả, cầu vượt sông biển dài hàng chục ngàn mét....

Nghệ thuật kiến trúc theo lối nhà hộp, mái bằng, tường kính, với những hình khối cao to, chắc khỏe, đơn giản, phóng khoáng. Những gì rườm rà, cầu kì trong lối kiến trúc, trang trí xưa kia đều được sửa đổi hay tước bỏ. Như Manhattan, khu trung tâm kinh doanh sầm uất nhất của New York, với những nhà chọc trời Empire State cao 320m, Chrysler Building cao 317m. Nhìn thành phố ta thấy nhà cửa, đường sá tạo thành những đường ngang, góc thẳng. Năm 1967, ở Matxcova đã xây một tháp truyền hình cao 533m. Ở độ cao 340m là một tòa nhà 10 tầng làm các tầng kỹ thuật và nhà hàng 280 chỗ.

Nghệ thuật kiến trúc còn kết hợp phương Đông và phương Tây, kết hợp cổ xưa với tìm tòi sáng tạo những hình nghệ thuật mới, làm cho nghệ thuật kiến trúc càng phong phú, đa dạng. Như Leningrad,



Hình 1-27. Kiểu chữ của Đức năm 1900

thành phố tập hợp các nền nghệ thuật kiến trúc cổ, kim, Đông, Tây với những lâu đài tráng lệ, với những tượng đài nguy nga.

Nhưng từ những năm 70 trở lại đây, ở châu Âu, châu Mỹ người ta đã phản ứng và phê phán kiến trúc hiện đại, vì con người cảm thấy mỏi mệt, tẻ nhạt, khô khan, với sự lặp lại khắp nơi những cái hộp kính giống nhau. Sống trong những ngôi nhà chọc trời, con người cảm thấy như bị tách rời khỏi cuộc sống ở mặt đất. Tường kính tỏa nhiệt trên mười lần tường gạch và không giải quyết được lạnh. Nhà chọc trời còn bị gió xoáy, gió mạnh hút qua lỗ hổng.....Các kiến trúc sư bậc thầy của kiến trúc hiện đại đã sử dụng những đường cong, hình xoắn ốc, đối lập với nguyên tắc của kiến trúc hiện đại là hình khối, mặt phẳng, trang trí giản đơn, báo hiệu một trào lưu kiến trúc mới ra đời: kiến trúc hậu hiện đại.

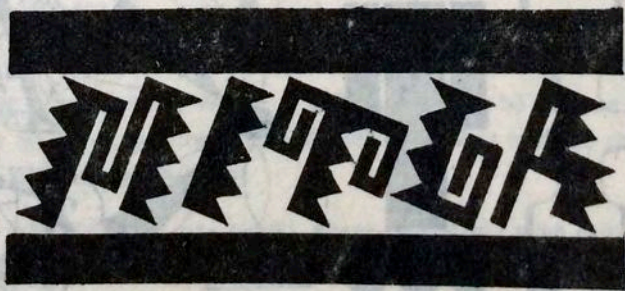
Thời kỳ này nhiều trào lưu nghệ thuật nối tiếp nhau xuất hiện: lãng mạn, ấn tượng, tượng trưng, biểu hiện, siêu thực, hiện thực....Nhiều kiểu chữ mới nối tiếp nhau xuất hiện không ngừng trong mỗi nước và trên thế giới. Nhiều kiểu chữ mang tính chất trang trí. Trang trí giữa nét chữ, xung quanh nét chữ, trang trí giữa mình chữ, xung quanh chữ. Trang trí theo lối nhìn trên xuống, nhìn dưới lên, nhìn từ cạnh sang. Có kiểu chữ nét được thay bằng các hình hình học, các dạng họa tiết, các mẫu trang trí, thậm chí được thay bằng hình người, bóng ma quái. Có kiểu chữ được xây dựng theo lối nhìn lập thể, nhìn trừu tượng. Nhiều kiểu chữ mang tính thẩm mỹ cao, hợp thị hiếu. Song cũng có nhiều kiểu chữ trang trí quá mức, mất cả tính thẩm mỹ, tính thông tin của chữ giảm sút, thậm chí có kiểu chữ xây dựng quá cầu kỳ, nhìn chữ đọc không ra.

Tuy nhiên, những hiện tượng kể trên chỉ có tính tạm thời, hoặc chỉ tồn tại trong một lĩnh vực nào đó rất hẹp trong viết, vẽ, in, ấn. Khuyên hướng chủ đạo của nghệ thuật tạo dáng chữ, kể từ nửa thế kỷ XX trở đi, xét trên phạm vi toàn thế giới là trở về với những mẫu mực cấu trúc của thời xưa. Các kiểu chữ trước kia cấu trúc có công thức được sàng lọc, chính lý để hoàn thiện. Vì vậy các kiểu chữ cổ điển

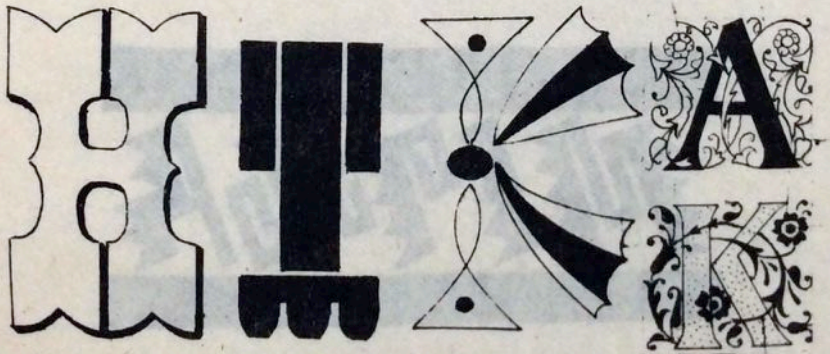
càng đẹp thêm về dáng, phong phú về kiểu cách, vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối, được phổ biến rộng rãi và được ưa chuộng khắp nơi như các kiểu chữ tiêu biểu ở phần I của phụ lục.

Đồng thời các kiểu chữ mới luôn luôn được tìm tòi, sáng tạo không ngừng. Hơn nữa, ngày nay, sự giao lưu giữa các nước trên thế giới không mấy khó khăn, các kiểu chữ được sáng tạo ở khu vực này mau chóng "di cư" sang khu vực khác và ở đó, chúng được cải tiến, biến hóa thành nhiều kiểu chữ mới khác, làm cho tập gia phả kiểu chữ của thế giới và trong mỗi nước càng dày thêm.

Ngày nay, ở các nước tiên tiến, con người thích cảm nhận nhanh, ngại đọc, ngại cảm thụ màu sắc chói chang, rườm rà, cho nên, các kiểu chữ mới ra đời mang tính trong sáng, hài hòa, cân đối, giản đơn, dễ đập vào mắt, không đau đầu bởi khó đọc, không nhức mắt bởi trang trí rườm rà, đã được ưa chuộng và được sử dụng rộng rãi mà chúng tôi mới giới thiệu một số kiểu tiêu biểu ở phần II của phụ lục.



Hình 1-29. Một số kiểu chữ trang trí, trừu tượng, lập thể.



Hình 1-28. Một số kiểu chữ trang trí, trừu tượng, lập thể

PHẦN HAI

CẤU TRÚC CHỮ

I. CÁC THÀNH PHẦN CỦA CHỮ

1. **Thân chữ:** Thân chữ gồm các bộ phận của chữ, kể từ đầu chữ đến chân chữ.

Ở chữ lớn, tức chữ hoa (majuscule, capitale) thì thân chữ gồm : đầu, bụng, chân, đuôi, mỏ, gót.

Ở chữ con (minuscule) có thân trên, thì phần dưới có bụng, như các chữ b, h, d, k. Ở chữ con có thân dưới, thì phần trên có ngực, như các chữ g, p, q, y. Thân trên và thân dưới có khi là nét sổ, hoặc đuôi. Chữ f có kiểu vừa có thân trên vừa có thân dưới.

2. **Mình chữ:** Là bề ngang của chữ. Mình chữ thường là hẹp (étroit, serré), vừa (demi), hoặc rộng (large).

Trong một bộ chữ, không phải tất cả các chữ đều có mình bằng nhau, mà có chữ rộng, chữ hẹp. Những nhóm chữ có mình bằng nhau thường là L E F, N H, hoặc E F L H N P T U, B C D K M S A O G Q R V X Y, hoặc B E K L P R S. Riêng các chữ A M O Q W có lúc rộng hơn, hoặc rộng quá cỡ.

Mình chữ của nhóm chữ thuộc bộ chữ của tác giả này cũng không giống mình chữ của nhóm chữ đó, mà thuộc bộ chữ của tác giả khác. Số lượng chữ trong nhóm có mình bằng nhau trong bộ chữ này, cũng khác của bộ chữ khác.

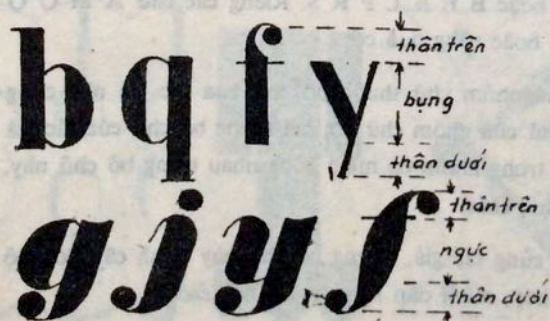
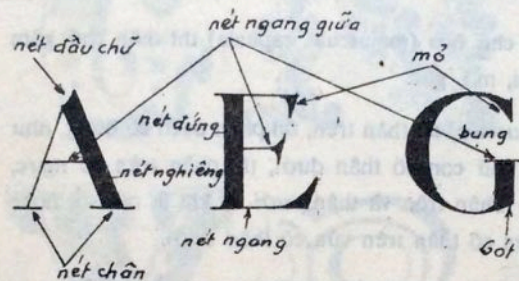
Có kiểu chữ cùng tác giả, nhưng bộ chữ này mình cân đối, bộ chữ khác mình thu hẹp, mình dãn rộng, mình nở cao.

3. **Bụng chữ:** Có nhiều dạng: tròn, bầu dục, vuông, quả tim, quả trám, quả trứng, vuông có góc tròn, chữ nhật có góc tròn....

4. Nét chữ: Trong chữ có nét đứng, nét ngang, nét nghiêng, nét cong.

a) *Nét đứng*: Là nét có hướng thẳng đứng, hoặc hướng nghiêng (nếu là chữ hướng nghiêng). Nét đứng cao bằng khoảng cách từ đầu chữ đến chân chữ, cũng là chiều cao của chữ.

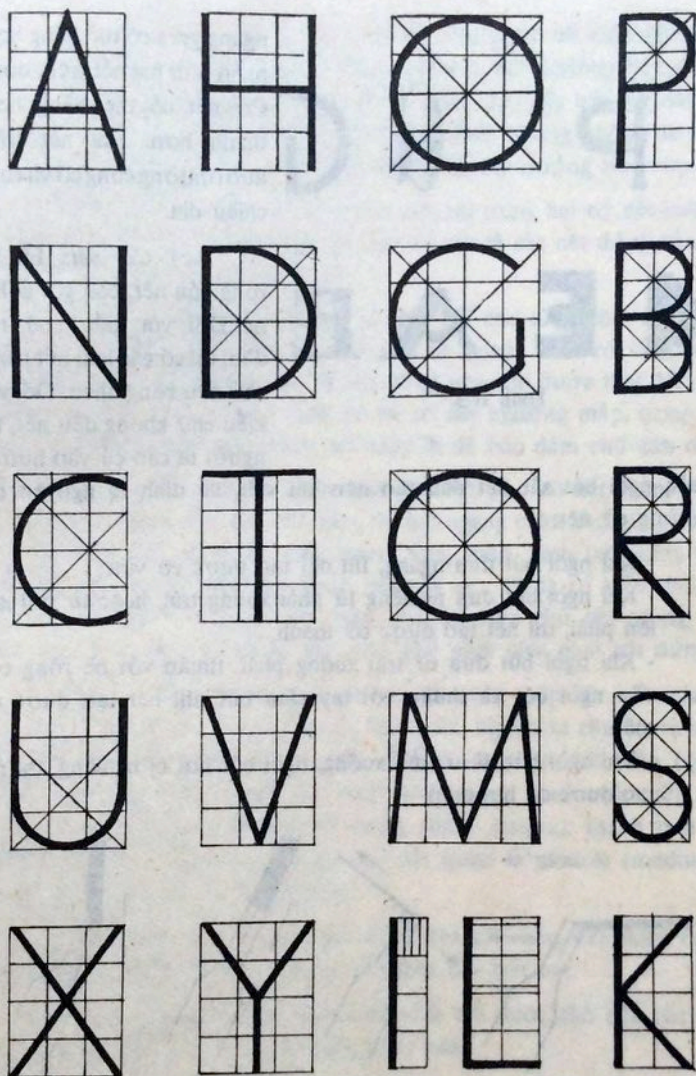
b) *Nét ngang*: Có nét ngang trên, giữa, dưới. Ở các chữ A, E, F, H, L, T, Z thì các nét ngang của chữ là khẳng định. Còn ở các chữ



Hình II-1. Các thành phần của chữ

B, D, R, P lúc mình chữ hẹp thì các nét tròn của chữ tiếp giáp thẳng với nét đứng. Lúc mình chữ rộng thì phải có nét ngang để nối tiếp, vì nét tròn của chữ không tiếp liền với nét đứng được. Ở chữ G, nét ngang giữa có kiểu chỉ giống như vạch nét chân, hoặc không có. Ở chữ A E, với kiểu chữ nét thật mập. nét ngang giữa có khi thay bằng nét tròn, hình tam giác, hoặc nét uốn lượn như dấu ngã.

Ở chữ E, tùy kiểu chữ mà chiều dài nét



Hình II-2. Số nhóm chữ có mình bằng nhau trong bộ chữ Kabel

P P G G

ngang giữa có thể bằng hoặc ngắn hơn hai nét trên, dưới. Cỡ nét có thể bằng hoặc thanh hơn. Hai nét trên, dưới thường cùng cỡ và cùng chiều dài.

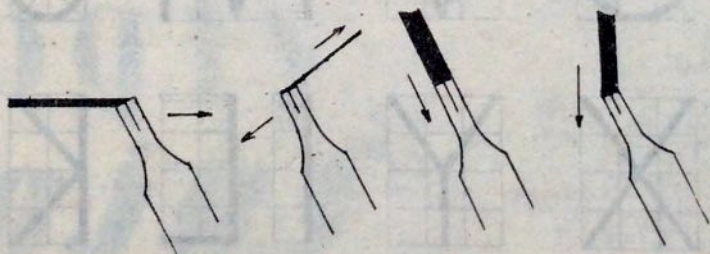
A E A E

Hình II-3.

c) *Cỡ nét*: Là bề rộng của nét, còn gọi là lực nét. Đối với kiểu chữ nét đều, thì cỡ các loại nét trong chữ đều bằng nhau. Đối với kiểu chữ không đều nét, thì người ta căn cứ vào hướng

đi của ngòi bút sắt để tạo nên khi viết, để định ra nguyên tắc cho từng cỡ nét:

- Khi ngòi bút đưa ngang, thì nét tạo được cỡ vừa
- Khi ngòi bút đưa nghiêng từ phải xuống trái, hoặc từ trái xóc lên phải, thì nét tạo được cỡ thanh.
- Khi ngòi bút đưa từ trái xuống phải, thuận với bề rộng của đầu ngòi bút và thuận với tay cầm bút, thì nét tạo được cỡ mập.
- Khi ngòi bút đi từ trên xuống, ngòi bút hơi bị nghiêng, thì nét tạo được cỡ hơi mập.



Hình II-4. Các trường hợp ngòi bút tạo nên các cỡ nét

Ví dụ: chữ A có hai nét nghiêng giao nhau và một nét ngang giữa, thì nét nghiêng bên trái là nét cỡ thanh, nét nghiêng bên phải là nét cỡ mập và nét ngang giữa là nét cỡ vừa. Tuy lấy bốn cỡ nét trên làm cơ sở cho việc qui định cỡ nét trong chữ, nhưng không áp dụng máy móc, mà có sự linh hoạt thay đổi trong các trường hợp sau:

- Để cấu trúc chữ in đỡ phức tạp, thì trong hai cỡ nét mập và hơi mập, người ta chỉ lấy cỡ mập. Do đó tất cả các nét đứng của chữ in đều dùng một cỡ nét mập.

- Để bảo đảm sự hài hòa và cân đối cho từng chữ và cho cả bộ chữ, thì trong chữ N hai nét đứng là cỡ thanh, hoặc cỡ vừa và nét nghiêng là cỡ mập, trong chữ M nét đứng bên trái được thay bằng cỡ thanh, hoặc cỡ vừa, vì bên cạnh nó đã có nét nghiêng mập, trong chữ Z nét nghiêng được thay bằng nét mập là để bảo đảm chữ cân đối.

d) *Nét đầu chữ, nét chân chữ*: Đối với chữ có nét chân, thông thường nét ngang đầu chữ thế nào, thì nét ngang chân chữ cũng tương tự. Nét chân chữ có nhiều kiểu: thanh, vừa, mập, hình tam giác, hình tam giác lòng chảo, nét gấp khúc, nét tỏa ra... Cũng có kiểu chữ chỉ có nét đầu chữ, không có nét chân chữ, có kiểu chữ nét ngang đầu chữ nằm phía trái nét đứng, nét chân chữ nằm phía phải nét đứng.

d) *Nét chính*: Thường để chỉ các nét đứng mập, các nét nghiêng mập, các nét mập ở các chữ O, G, D, C, Q.. Người ta căn cứ vào lực của nét chính để đánh giá lực nét của bộ chữ: mập, 1/4 mập (quart gras), mập vừa (demi gras), 3/4 mập (trois quart gras), mập vừa quá cỡ (extra demi gras), thanh, rất thanh (ultra maigre), thanh quá cỡ (extra maigre)... Người ta còn gọi lực nét chính là module (module là tỷ số $1/h$, h là chiều cao của chữ).

5. *Gót chân chữ*: Chỉ có chữ G có nét gót chân. Có nhiều dạng, tùy kiểu chữ mà gót chân chữ G có thêm hay bớt nét.

6. *Mỏ chữ, đuôi chữ*: Tùy kiểu chữ mà đuôi, mỏ của các chữ C, G, K, Q, L, E, F, J, S có dạng khác nhau.

7. *Tên chữ*: Mỗi kiểu chữ ra đời đều được đặt tên gọi. Tên kiểu chữ thường được lấy tên tác giả, tên nhà in, tên xưởng đúc đã sáng tạo ra kiểu chữ, tên một nước, một địa phương, một thành phố nơi đã xuất hiện kiểu chữ. Người ta còn lấy tên vua, chúa, tên ngôi sao, tên

biểu thị một chuyên đề nào đó, tên biểu thị cấu trúc, phong thái, đặc tính kiểu chữ, làm tên chữ.

II. CẤU TRÚC CHỮ LỚN

Vào khoảng 700-800 năm trước Công Nguyên, ở Hy Lạp, Ý, Hunggari, Rumani, vùng Cận Đông, người ta đã tìm thấy nhiều dấu tích của chữ Latinh trên các bia văn, bản khắc, đồng tiền, trên các đồ dùng và di tích lịch sử khác, dưới dạng viết tay, khắc chìm, đắp nổi. Những chữ Latinh này còn ở dạng nét đều, không có nét chân và chưa đủ bộ như ngày nay. Qua sử dụng, người ta đã bổ sung thêm chữ, sửa đổi một số thành phần của chữ và kiểu chữ không nét chân đó đã trở thành kiểu chữ mẫu mực, được dùng rộng rãi ở nhiều nước châu Âu từ năm 250 trước Công Nguyên đến thế kỷ XIV, XV.

Đặc điểm kiểu chữ lúc này là: kiểu chữ còn thô sơ, đầu và chân bụ. Chân chữ R, mô chữ P lơ lửng. Nét ngang của chữ L hất lên. Chữ N hướng nghiêng. Chữ M mình quá rộng. Nét chữ không trau chuốt. Một số chữ có thêm đáng (Hình II-5).



Hình II-5

Vào khoảng thế kỷ IV trước Công Nguyên người Hy Lạp dựa vào dáng chữ đó sáng tạo ra bộ chữ có nét thanh, nét mập, chứ không còn nét đều như trước. Đầu và cuối nét đứng có nét ngang nhỏ gọi là nét chân chữ.

Khoảng giữa thế kỷ II trước Công Nguyên, chữ đó được nhập vào La Mã. Người La Mã đã bổ sung hình và nét, được gọi chữ của người La Mã tức chữ Romain và kiểu chữ Romain này cũng đã trở thành kiểu chữ mẫu mực.

Đặc điểm kiểu chữ Romain lúc này khác với kiểu chữ không nét chân mẫu mực trước kia là nét chữ thanh thoát,

các nét hất dờ dang, lơ lửng ở các chữ L, K, R nay được giải quyết theo thẳng hàng chữ, làm cho chiều cao của các chữ được đồng nhất. Hướng nghiêng của chữ N, mỏ chữ P, mình quá rộng của chữ M đã được sửa đổi. Tuy vậy còn một số chữ chưa được hài hòa, tính thẩm mỹ còn hạn chế. Các chữ H, J, K, U, Y lúc này chưa có. (Hình II.6)

Từ đó trở đi, qua từng giai đoạn lịch sử, từng nước đã lần lượt sáng tạo ra nhiều kiểu chữ. Các kiểu chữ được sáng tạo lúc đầu còn có tính chất chính lý chút ít kiểu chữ Romain đã có trước. Nhưng càng về sau, kiểu chữ xuất hiện càng nhiều. Từ kiểu chữ đã ra đời, được biến hóa cải tiến thành kiểu chữ mới. Kiểu chữ mới đó lại được biến hóa thành kiểu chữ mới khác nữa. Khi viết chỉ dùng tay. Nhưng khi ngành in ra đời, chữ được khắc và đúc để sắp vào máy in, thì người ta ra sức cải tiến các kiểu chữ, xây dựng những lý thuyết về tính cân đối của chữ, như tỷ lệ giữa chiều cao và mình chữ, tỷ lệ giữa các cỡ nét của chữ, xây dựng các công thức cấu trúc chữ. Người ta còn phân loại kiểu chữ phục vụ cho từng đối tượng, từng tính chất công việc. Do đó, mỗi kiểu chữ ra đời đều mang tính khoa học, phản ánh một nội dung riêng.

Cho đến nay, chữ Latinh được sáng tạo ra vô vàn kiểu. Nhiều kiểu chữ được sản xuất thành bộ, gồm chữ lớn, chữ con, chữ số, dấu chữ, dấu câu.

Dựa theo dáng chữ, người ta tạm chia các kiểu chữ thành 4 loại:

- Kiểu chữ không nét chân (chữ nét trơn)
- Kiểu chữ có nét chân
- Kiểu chữ viết
- Kiểu chữ kiểu cách (fantaisie)

Kiểu chữ có nét chân, không nét chân, kiểu chữ viết hiện đang được sử dụng rộng rãi trong in ấn, phần lớn đều có công thức cấu trúc, còn kiểu chữ kiểu cách là kiểu chữ được biến hóa từ ba kiểu chữ trên, hoặc được sáng tạo không theo một quy cách, một công thức nào chặt chẽ, có thể đủ bộ, cũng có thể không đủ bộ. Ở đây chúng tôi chủ yếu giới thiệu ba kiểu chữ không nét chân, có nét chân, chữ viết. Còn kiểu chữ kiểu cách thì không trình bày cụ thể cách cấu trúc, mà chỉ nêu một số nét về sự biến hóa của các thành phần của ba loại chữ trên, để bạn đọc tham khảo.

ABCD
EFGI
LMNNO
PQRS
TVX

Hình II-6. Kiểu chữ Romain đầu tiên

Khi cấu trúc chữ, đối với chữ lớn hướng đứng, người ta thường dùng một ô vuông chuẩn (OVC). Cạnh OVC là chiều cao của chữ. Lấy cạnh OVC đó chia làm 2, 4, 5, 7, 10... phần bằng nhau, tức chia OVC đó ra làm 4, 16, 25, 49, 100.... ô vuông nhỏ để làm chỗ dựa xây dựng chữ. Cạnh của ô vuông nhỏ này có thể là lực nét chính của chữ.

Đối với chữ hướng nghiêng, thì độ nghiêng của chữ so với đường thẳng đứng của ô vuông là $1/4$, $1/3$, $2/7$, thường là $1/2$ (60°) hoặc $3/7$ ($67^\circ 30'$).

Tùy cách cấu trúc của mỗi tác giả, mà hướng chữ, các thành phần của chữ, mình chữ, cỡ nét có nhiều chỗ khác nhau:

- Về hướng chữ có hướng đứng, hướng nghiêng
- Về mình chữ có vừa, hẹp, rộng
- Về cỡ nét có đều nét, hai cỡ nét, ba cỡ nét

Những chỗ khác nhau ở cách giải quyết, xử lý:

- Duôi chữ và chân các chữ R, Q, K
- Chỗ giao nhau của các nét nghiêng ở các chữ A, N, M, X, Y
- Duôi và mỏ các chữ C, G, E, F

Cùng một bộ chữ có chữ mang thêm dáng

Việc giải quyết tỷ lệ giữa mình chữ và chiều cao của chữ, tỷ lệ giữa các cỡ nét, là đặc điểm quan trọng góp phần làm tăng hay giảm giá trị nghệ thuật và phong cách của chữ.

Một kiểu chữ cân đối, hài hòa không phải tất cả chữ trong bộ chữ đều có mình bằng nhau, mà trong bộ chữ có những nhóm chữ có mình bằng nhau.

Trong bộ chữ, chủ I làm chuẩn cho kỹ thuật của bộ chữ. Mình của nó là cỡ của nét chính của các chữ trong bộ chữ. Nó có dáng cụ thể của nét đầu chữ, nét chân chữ, hướng đứng, hướng nghiêng của bộ chữ.

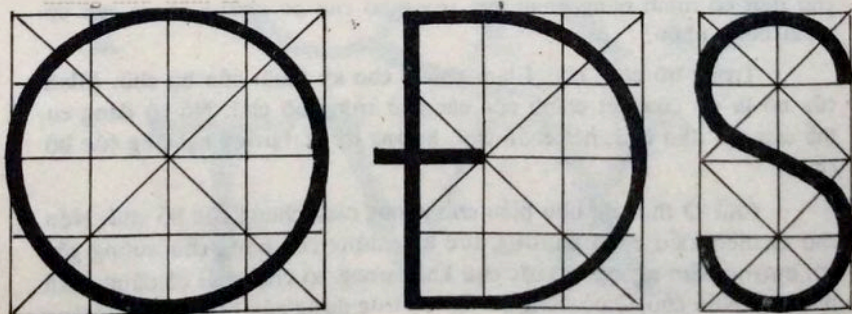
Chữ O thường tiêu biểu cho phong cách chung của bộ chữ. Nếu chữ O theo kiểu chân phương, tức trục đứng của bụng chữ vuông góc với đường nằm ngang, thì các chữ khác trong bộ chữ phải có dáng chân phương. Nếu chữ O có dáng éo lá, tức trục đứng của bụng chữ nghiêng về một bên phải hoặc trái, thì các chữ khác của bộ chữ cũng mang phong cách tương tự.

Ở chữ O chân phương hướng đứng nhiều cỡ nét thì chỗ mập nhất của hai nét cong phải, trái đều nằm tại trục ngang của chữ. Ở chữ O hướng nghiêng phải thì chỗ mập nhất của nét cong bên phải nằm trên trục ngang, chỗ mập nhất của nét cong bên trái nằm dưới trục ngang của chữ.

A. CẤU TRÚC CHỮ LỚN KHÔNG NÉT CHÂN

Chữ không nét chân ra đời sớm nhất. Nhưng từ khi chữ Romain, Onciale, Gothique xuất hiện, thì kiểu chữ không nét chân bị lãng quên một thời gian dài. Từ thế kỷ XVIII đến nay, chữ không nét chân lại được sử dụng rộng rãi. Kiểu chữ không nét chân mẫu mực xưa kia, nay đã có một số thay đổi về hình và dáng. Về mặt cấu trúc, chữ không nét chân có kiểu hướng đứng có kiểu hướng nghiêng. Về cỡ nét, có kiểu nét đều, có kiểu nhiều cỡ nét. Ở chữ nét đều, thì toàn bộ các nét trong chữ đều cùng một cỡ: hoặc thanh, hoặc vừa, hoặc mập. Kiểu chữ nét đều vừa, đều mập người ta thường gọi là kiểu chữ nét gậy (bâton), hoặc Antique. Kiểu chữ nét đều thanh, người ta thường gọi là kiểu chữ nét mảnh (filiforme, maigrette). Chữ có nhiều cỡ nét, thì trong chữ có hai hoặc ba cỡ nét: thanh, vừa, mập.

Đặc điểm cấu trúc chữ lớn không nét chân nét đều là đơn giản, chính xác, khoa học. Các nét thẳng được dùng thước để kẻ, các nét cong được dùng compa để quay, không phải thêm nét bằng tay. Người ta sử dụng OVC để làm chỗ dựa xây dựng chữ. Ví dụ: Chữ H do ba nét thẳng ghép lại, chữ O do vòng tròn của compa quay. Chữ D do nửa vòng tròn ghép với nét thẳng. Chữ S do hai cung tròn ghép với nét thẳng như hình II-7



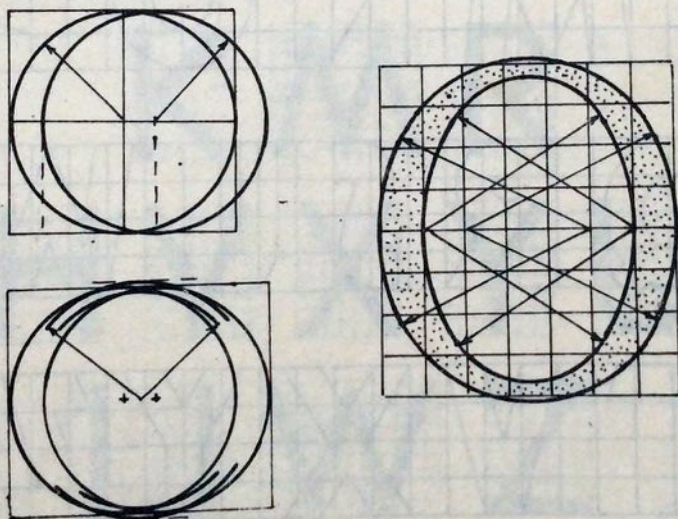
Hình II-7

Ở chữ có nhiều cỡ nét thì nét nhỏ thường bằng $1/2$, $1/3$, $2/3$nét lớn. Các nét cong vẫn dùng compa để giải quyết. Ví dụ: khi kẻ chữ O, trước tiên người ta quay hai vòng compa để mở bề ngang của chữ và hai nét lớn (Hình II-8a). Sau đó thêm hai vòng khác để giải quyết chỗ giáp nối của hai vòng tròn trước, đồng thời tạo nên hai nét nhỏ của chữ (Hình II-8b).

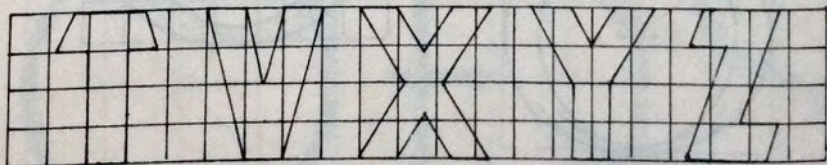
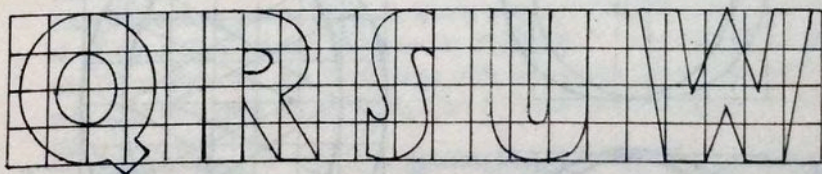
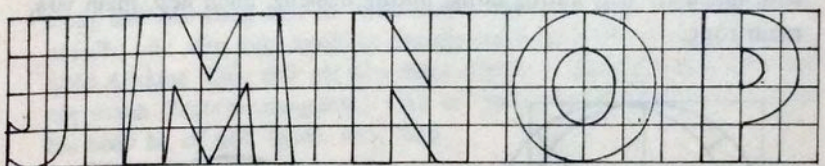
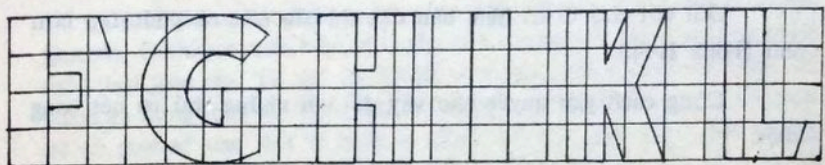
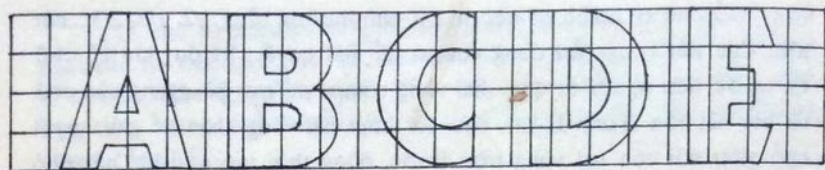
Đối với chữ O có hình bầu dục thì cấu trúc có phức tạp hơn như (Hình II-8c).

Cũng cách giải quyết như vậy đối với những chữ có nét cong khác.

Sau đây là cách cấu trúc một số kiểu chữ không nét chân nét đều, nhiều cỡ nét, hướng đứng, hướng nghiêng, mình hẹp, mình vừa, mình rộng.



Hình II-8a, b, c

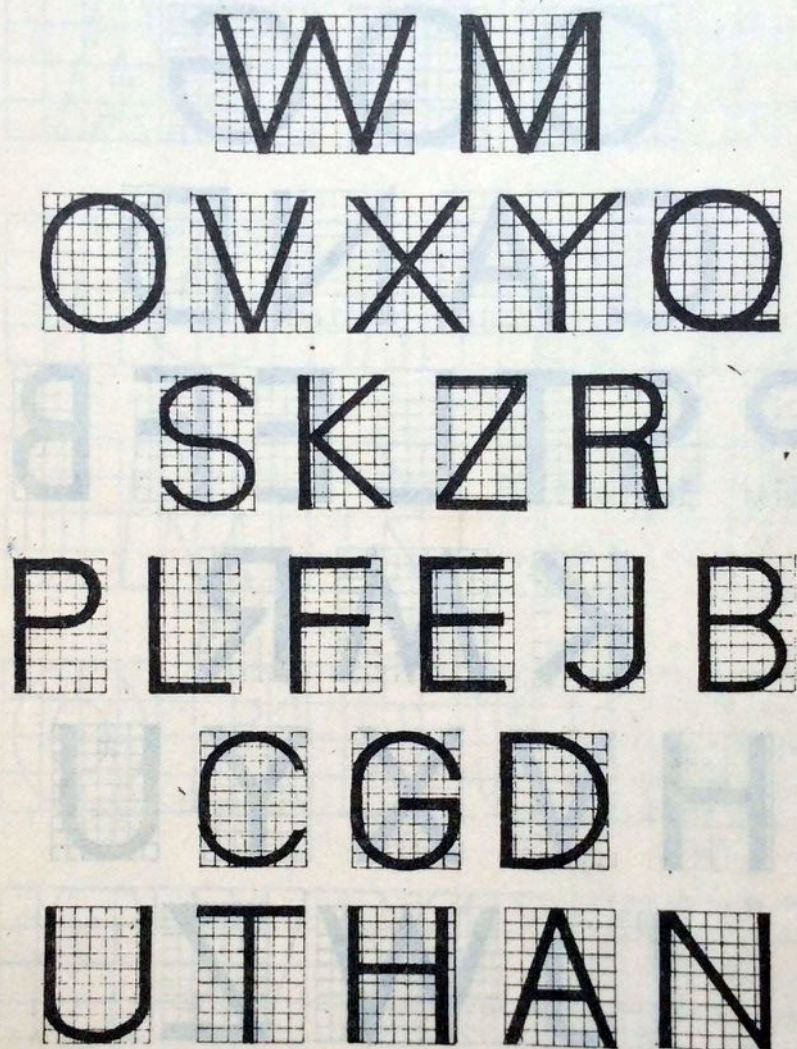


Hình II-9. Cấu trúc kiểu chữ Lodwick Kabel



Hình II-10. Cấu trúc kiểu chữ Europe vừa

CH 4



Hình II-11. Cấu trúc kiểu chữ Univers

A B L P S T V

H N

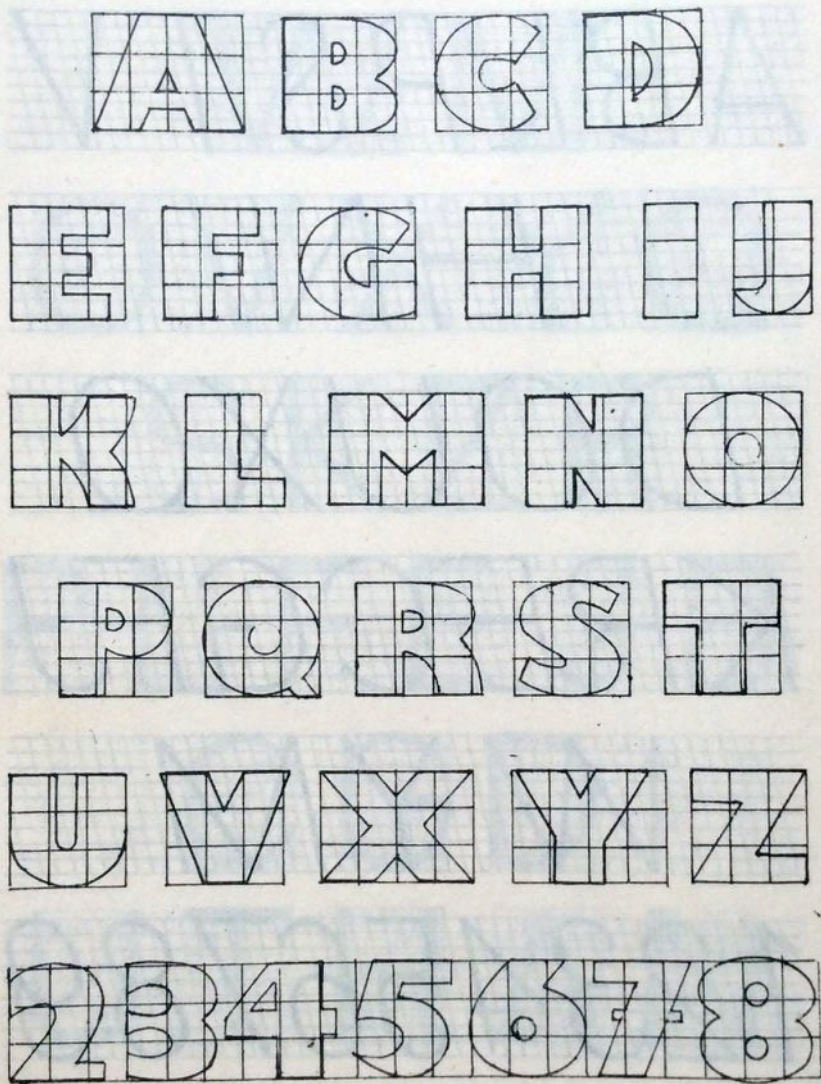
D O U X O

K R E C G F J

W Y M

1 2 3 4 5 6 7 8 9

Hình II-12. Cấu trúc kiểu chữ Univers Italice



Hình II-13. Cấu trúc kiểu chữ Gill mập

A B C D E F G H

J K L M N O P Q

R S T U W X Y Z

abcdefghijklmnopkl

mnopqrstuvwxyz

123456789

Hình II-14. Cấu trúc kiểu chữ Commercial

A B C D

E F G H J K

L M N

O P Q R

S T U V W

X Y Z

Hình II-15. Cấu trúc kiểu chữ Dorique



Hình II-16. Cấu trúc kiểu chữ Chambord mập

A B C D E F
G H I J
K L M N O P Q
R S T U
V W X Y Z
1 2 3 4 5 6 7 8 9

Hình II-17. Cấu trúc kiểu chữ Chambord hẹp

A B C D E

A B C D

F G H I J

E F G H

K L M N

I J K L M

N O P Q

O P Q R S

R S T U V

W X Y Z

T U V W

1 2 3 4

X Y Z

5 6 7 8 9

Hình II-18. Cấu trúc kiểu chữ Chambord Italique

BACFDE
GHJKLM
NOPRTS
UYIXWZ!

abcdegh
imjknloppq
rfswtxyz

ZUERICH

Hình II-19. Cấu trúc kiểu chữ không nét chân mình rộng

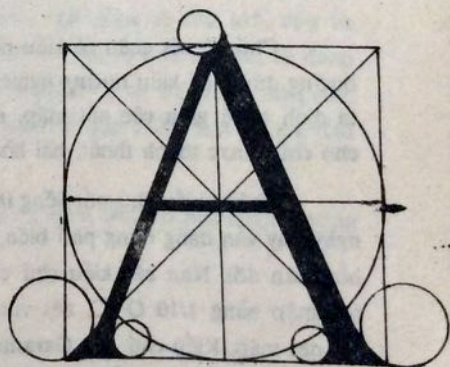
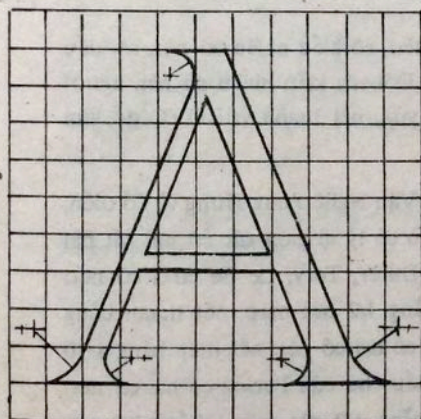
B. CẤU TRÚC CHỮ LỚN CÓ NÉT CHÂN

Cũng như chữ lớn không nét chân, chữ có nét chân đã xuất hiện rất nhiều kiểu.

Mặc dù trải qua một thời gian dài trên 18 thế kỷ, đã có biết bao nhiêu chữ dáng mới ra đời, song kiểu chữ có nét chân mẫu mực xưa kia - chữ Romain - vẫn được sử dụng rộng rãi khắp nơi. Các kiểu chữ mới ra đời, phần lớn đều từ kiểu chữ Romain biến hóa ra, chỉnh lý, sửa đổi, thêm bớt chi tiết của thành phần chữ, thêm dáng cho bộ chữ, làm cho kiểu chữ Romain càng thêm phong phú về phong cách, đẹp về dáng, giàu tính khoa học, tính thẩm mỹ, chứ chưa có kiểu chữ nào thay thế hẳn chữ Romain trong lĩnh vực viết, vẽ, in, ấn.

Cấu trúc chữ có nét chân phức tạp, tỉ mỉ, công phu hơn chữ không nét chân. Khi cấu trúc chữ, người ta sử dụng OVC để làm chỗ dựa xây dựng chữ và cũng dùng thước kẻ và compa để kẻ nét chữ. Cảnh OVC thường được chia làm 6, 7, 8, 9, 10 phần bằng nhau tức OVC được chia làm 36, 49, 64, 81, 100 ô vuông nhỏ.

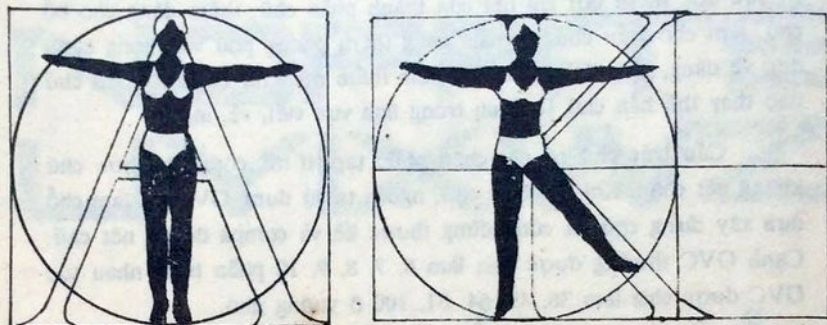
Có kiểu chữ, mỗi ô vuông nhỏ lại được chia nhỏ thêm để làm chỗ dựa dựng các vòng tròn, hình thuẫn, hình bầu dục (Hình II-20a)



Hình II-20a, b

Có kiểu chữ dùng trục dọc (tức đường trung tâm đứng của OVC) và trục ngang (tức đường trung tâm ngang của OVC) làm trung tâm chữ (Hình II-20b)

Có kiểu chữ xây dựng tỷ lệ giữa chiều cao và mình chữ bằng cách dùng thân thể con người và mặt người nằm trong một vòng tròn và OVC (Hình II-20c, d)



Hình II-20c, d

Chữ có nét chân có kiểu nét đều, có kiểu nhiều cỡ nét, có kiểu hướng đứng, có kiểu hướng nghiêng. Đối với kiểu nhiều cỡ nét, người ta định tỷ lệ giữa các nét mập, nét vừa, nét thanh với OVC để làm cho chữ được thanh thoát, hài hòa.

Những kiểu chữ nổi tiếng thời Văn Nghệ Phục Hưng và Cổ điển, ngày nay vẫn đang dùng phổ biến, đều có tỷ lệ giữa các cỡ nét rất hài hòa, cân đối. Như các kiểu chữ của Dürer, Tory, Le Bé có 3 cỡ nét: nét mập bằng $1/10$ OVC, nét vừa bằng $1/2$ nét mập, nét thanh bằng $1/3$ nét mập. Kiểu chữ của Garamont có hai cỡ nét: nét mập bằng $1/10$ OVC, nét thanh bằng $1/3$ nét mập. Kiểu chữ của Pacioli có hai cỡ nét: nét mập bằng $1/9$ OVC, nét thanh bằng $1/2$ nét mập. Kiểu chữ của Didot có hai cỡ nét: dù nét mập có mập đến đâu, nét thanh vẫn chỉ

ở mức đủ làm sao bảo đảm có nét chữ là được. Những kiểu chữ cũng nổi tiếng ở Ý thời bấy giờ có:

- Nét mập bằng $\frac{1}{8}$ OVC, nét vừa bằng $\frac{1}{3}$ nét mập, nét thanh bằng $\frac{1}{2}$ nét vừa.

- Nét mập bằng $\frac{1}{8}$ OVC, nét vừa bằng $\frac{1}{2}$ nét mập, nét thanh bằng $\frac{1}{3}$ nét mập.

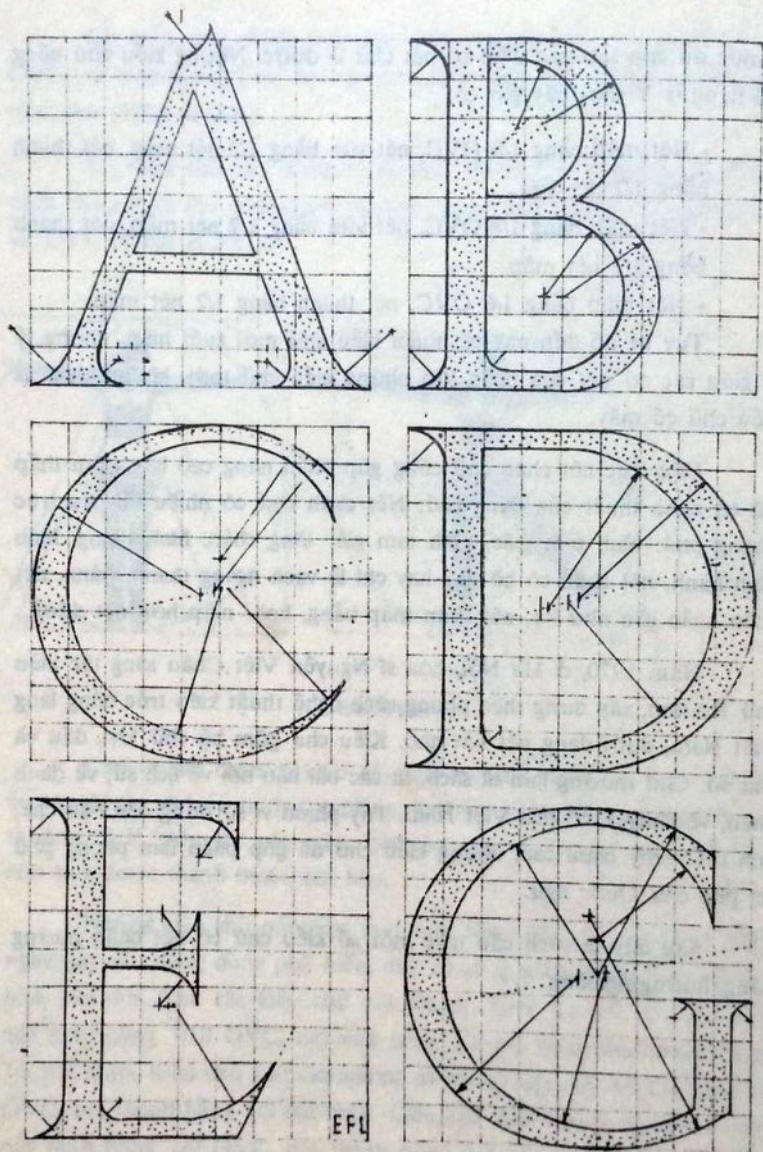
- Nét mập bằng $\frac{1}{6}$ OVC, nét thanh bằng $\frac{1}{2}$ nét mập.

Tuy từ đó đến nay có nhiều kiểu chữ mới xuất hiện, nhưng tỷ lệ giữa các cỡ nét của phần lớn những kiểu chữ mới, không khác xa kiểu chữ cũ mấy.

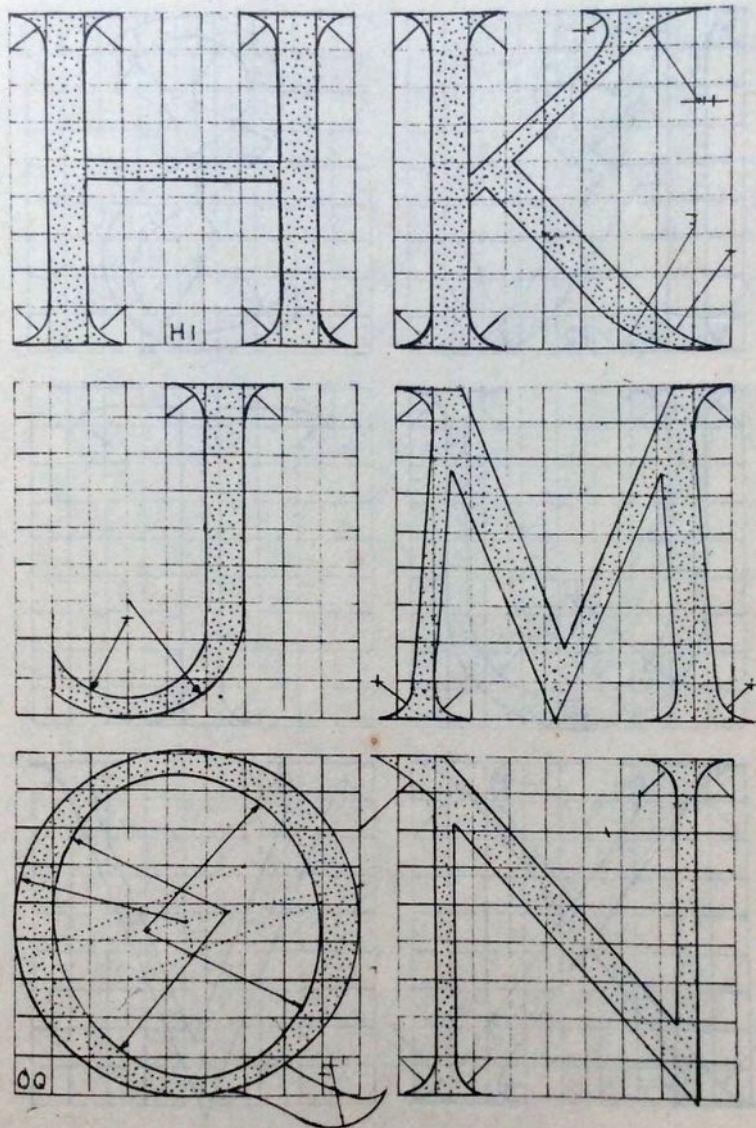
Cấu trúc nét chân chữ cũng góp phần nâng cao hay giảm thấp giá trị nghệ thuật của dáng chữ. Nét chân chữ có nhiều lối cấu trúc phong phú: hình tam giác, hình tam giác lòng chảo, hình thang, hình bình hành, nét chân có bề dày hay chỉ là vạch ngang thanh mảnh, nét chân ngắn gần như bụi, nét chân mập bằng, hoặc mập hơn nét đứng...

Năm 1970, ở Hà Nội, họa sĩ Nguyễn Việt Châu sáng tác kiểu chữ Rôôm, xây dựng theo phong cách nghệ thuật kiến trúc cổ làng Việt Nam, dưới dạng nét bút nhỏ. Kiểu chữ gồm bộ chữ lớn, dấu và chữ số. Chữ thường làm tít sách, tít các bài báo nói về lịch sử, về danh nhân, về chuyện cổ tích Việt Nam. Tuy phạm vi sử dụng còn hạn chế, tính thẩm mỹ chưa cao, nhưng kiểu chữ đã góp phần làm phong phú gia phả chữ Quốc ngữ.

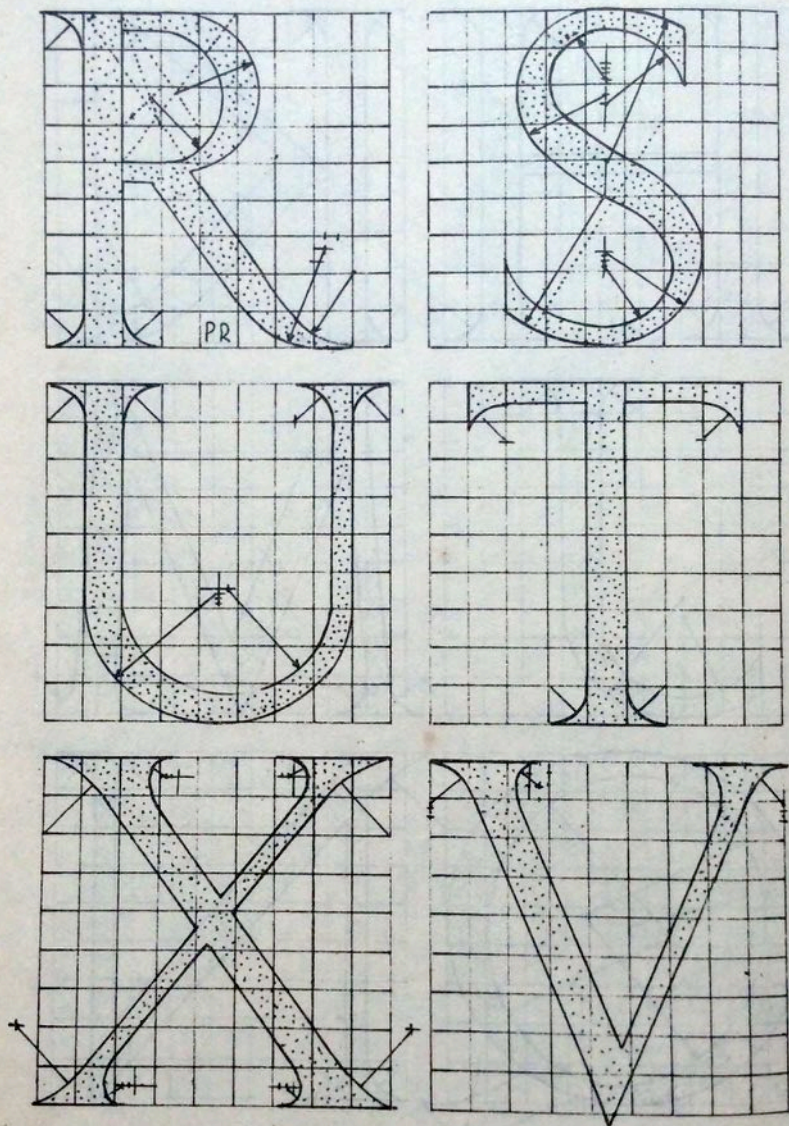
Sau đây là cách cấu trúc một số kiểu chữ có nét chân hướng đứng, hướng nghiêng.



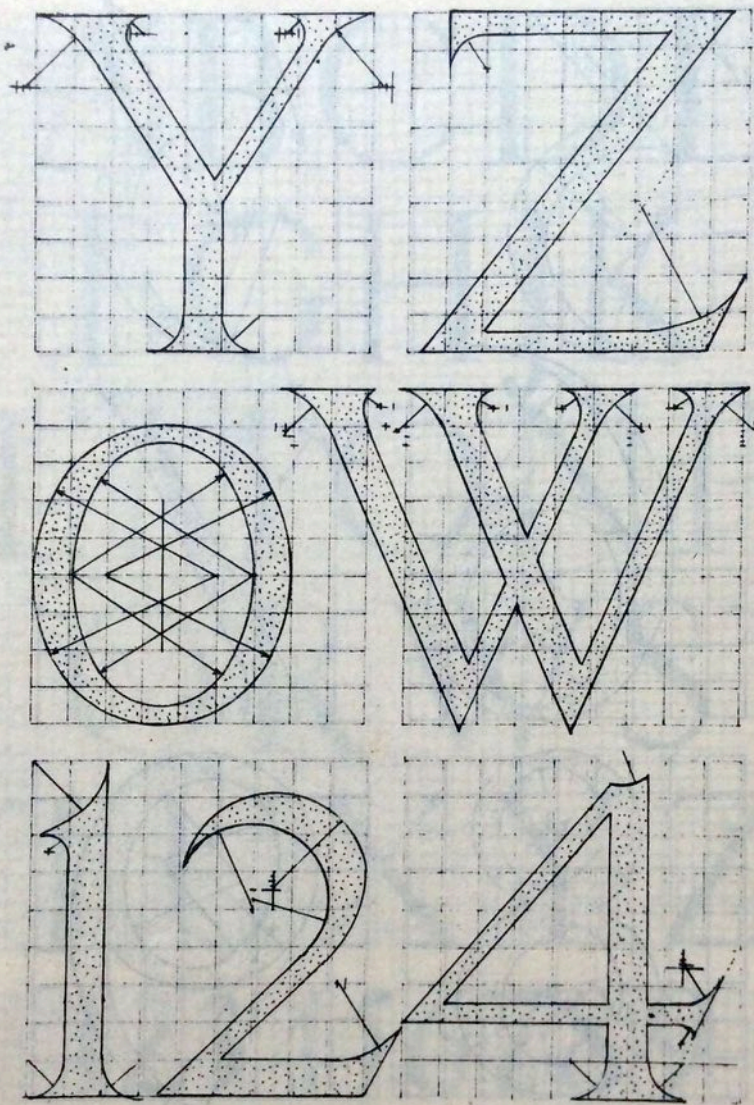
Hình II-21a. Cấu trúc kiểu chữ Pacioli



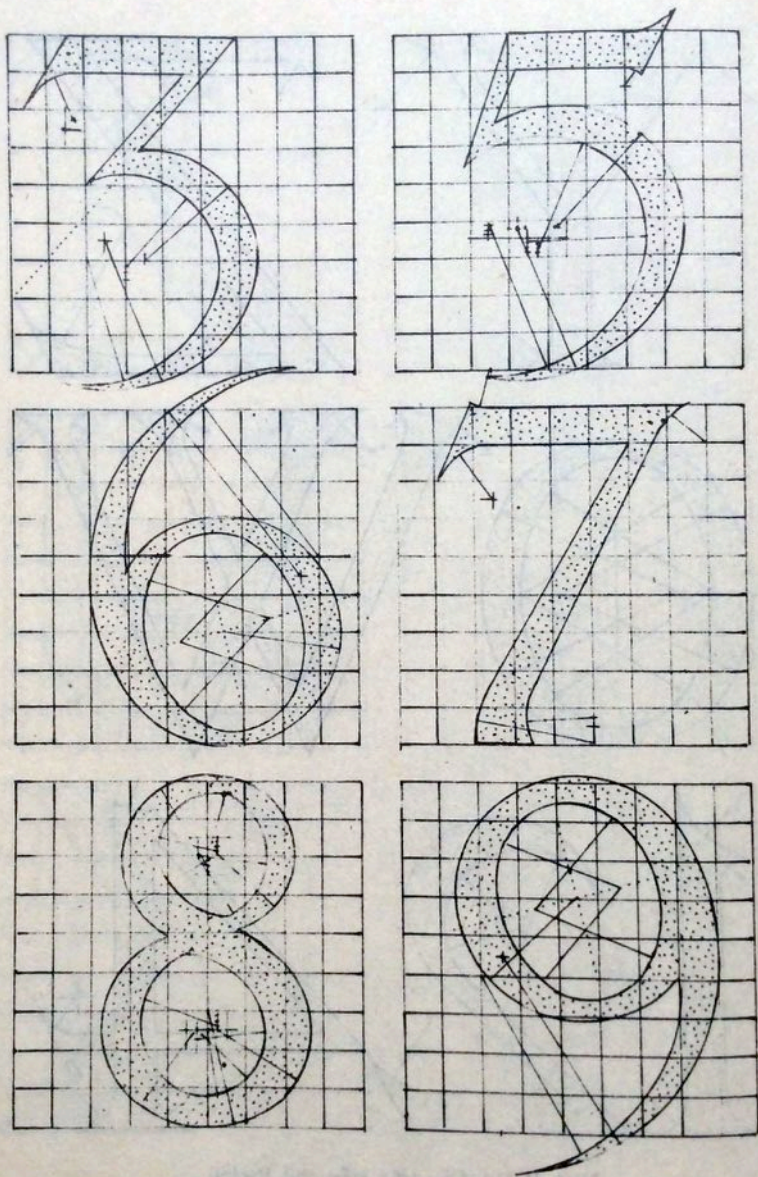
Hình II-21b. Cấu trúc kiểu chữ Pacioli



Hình II-21c. Cấu trúc kiểu chữ Pacioli



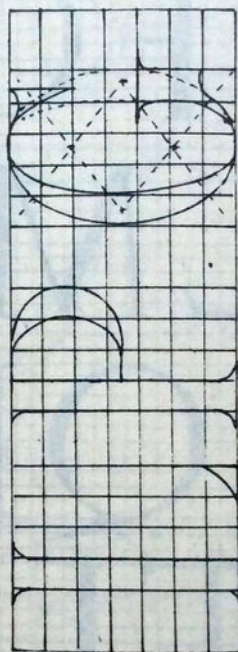
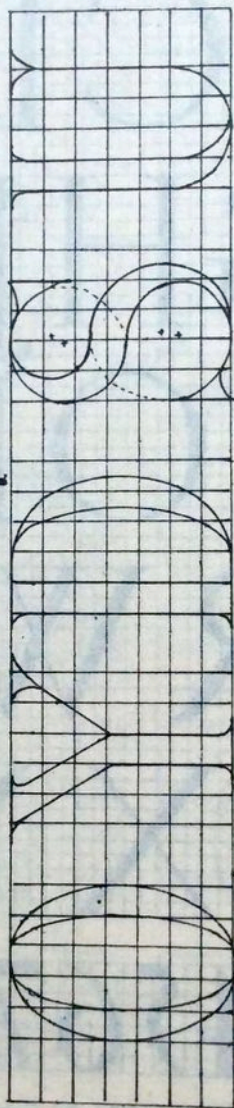
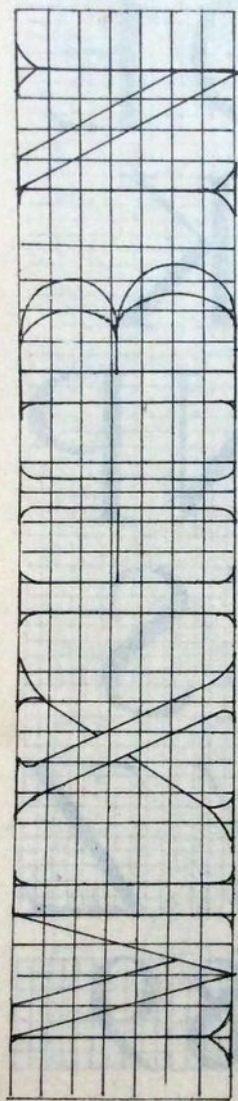
Hình II-21d. Cấu trúc kiểu chữ Paciolian



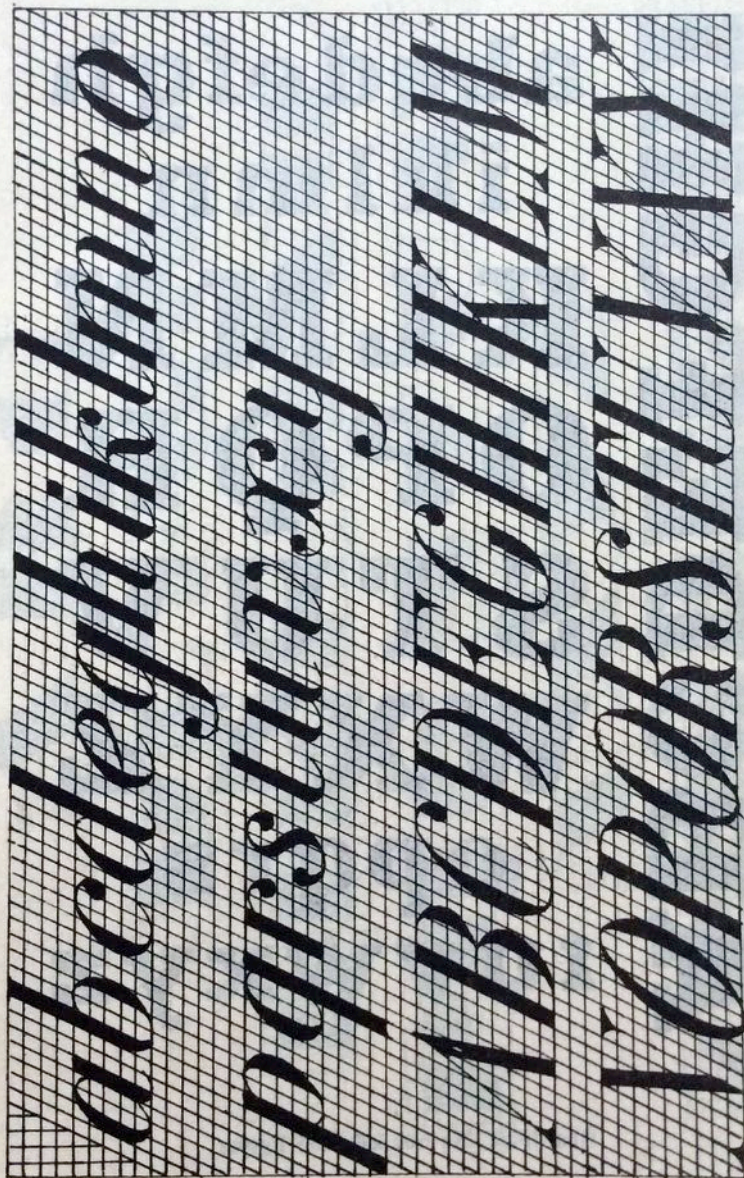
Hình II-21d. Cấu trúc kiểu chữ Pacioli



Hình II-22. Cấu trúc kiểu chữ Garamont



Hình II-23. Cấu trúc kiểu chữ Romain



Hình II-24. Cấu trúc kiểu chữ Italic

A B C D E F G H I

**abcde fgh
i k l m n**

K L M N

O P Q R

S T U V

W X Y Z

**o p q r s
t u v w x y z**

Hình II-25. Cấu trúc kiểu chữ Egypte

A B C

D E F G H


I J K L M N O

P Q R S T U V

W X Y Z

1 2 3 4 5 6 7 8 9

Hình II-26. Cấu trúc kiểu chữ Didot



PHẬT KỶ
TRONG TỬ

Hình 11-27. Cấu trúc kiểu chữ Rônôm

C. CẤU TRÚC CHỮ VIẾT

Khi ngành in chưa ra đời, máy đánh chữ chưa có, thì mọi ghi chép lưu ký đều phải viết bằng tay. Chữ ra đời đánh dấu một bước ngoặt trong tiến trình phát triển văn hóa của loài người. Muốn phát huy mạnh mẽ tác dụng của chữ, ngoài việc phải giải thoát chữ ra khỏi sự khống chế của các chế độ vua chúa và của các giáo hội, còn phải tìm ra những vật liệu, dụng cụ để kiếm, rế tiền cho hoạt động của chữ.

Trước khi có giấy, người ta viết chữ bằng cách tạc vào đá, khắc vào đất rồi phơi khô nung cứng, khắc trên xương thú, trên mai rùa, trên sừng, trên vỏ cây, trên tấm gỗ, trên lá cọ, trên da thuộc, đến trên loại giấy thô sơ là papyrus.

Bút để viết là kim nhọn, que nhọn để vạch hoặc xăm, lông ngỗng, lông gà.

Mực để chấm là bồ hóng hoặc than bùn hòa với keo và nước, hoặc đá son mài với nước.

Buổi đầu chữ lớn Romain, Onciale, Gothique là các loại chữ được dùng rộng rãi trong một thời gian dài để sao chép sách. Nhưng trong giao dịch thì chưa tiện, vì cần phải viết gọn hơn, nhanh hơn. Với giấy, bút, mực ngày càng được cải tiến, khi người ta viết cũng tích lũy được kinh nghiệm, nên chữ viết cũng thay đổi về hình thể và kiểu dáng. Song song với việc sử dụng chữ lớn để viết sách, người ta đã tạo ra kiểu chữ viết tháu, bằng cách sửa chữa những nét có góc, có cạnh thành những nét uốn lượn theo đường tròn và viết các thành phần của chữ một cách liên tục. Phần cuối của chữ có xu hướng sắc sảo liên kết với chữ tiếp theo.

Qua quá trình sử dụng, kiểu chữ được hoàn thiện dần và trở thành kiểu chữ viết thông dụng khắp châu Âu. Đồng thời, nhiều kiểu chữ viết có tính chất khu vực, hoặc quốc gia không ngừng xuất hiện trong đó có các kiểu chữ nổi tiếng ở Pháp như kiểu chữ Palace do Bauer vẽ 1895. Kiểu chữ này giống kiểu chữ viết trước đây nước ta dùng dạy trong trường học. Như kiểu chữ Ronde hướng đứng và kiểu chữ Batarde hướng nghiêng, viết bằng ngòi bút dẹt đầu. Ở Anh có kiểu chữ Anglais hướng nghiêng, dáng mềm mại, uyển chuyển viết bằng ngòi bút nhọn đầu.

Về sau, có nhiều kiểu chữ viết bằng bút lông, bút sắt, cỡ nét mập, nét thanh xuất hiện không ngừng. Như các kiểu chữ viết Banville. Étoile, Domino, Park Vina, Amazone, Mistral....hiện nay ngành in đang sử dụng.

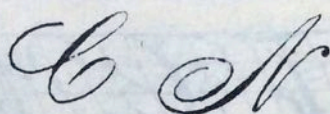
Năm 1964 ở Sài Gòn, xưởng đúc chữ Nam Dương cho ra đời kiểu chữ viết dáng mềm mại, bay bướm, với nhiều nét quán quít nhau.

Trong cái cách giáo dục ở nước ta, năm 1981 Bộ Giáo dục cho ra đời kiểu chữ viết mới để dùng dạy trong nhà trường, thay kiểu chữ cũ. Kiểu chữ này nét đều, hướng đứng, đơn giản, viết bằng bút "bic", loại bút thông dụng ở thị trường rất tiện lợi. Song tính thẩm mỹ của chữ lớn còn hạn chế, viết chữ chưa được nhanh, vì cấu trúc một số chữ còn gây khó khăn cho sự liên kết giữa chữ trước với chữ sau.

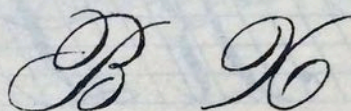
Trước kia chữ viết thường ở dạng hướng đứng, hoặc hướng nghiêng bên phải. Ngày nay xuất hiện nhiều kiểu chữ nghiêng bên trái.

Tuy ở vào thời buổi kỹ thuật in ấn phát triển với trình độ cao, nghề đúc chữ tinh vi, máy đánh chữ được sản xuất nhiều kiểu tối tân, chữ viết vẫn được sử dụng in sách, nhưng chữ viết tay là loại chữ được thông dụng nhất trong hoạt động lưu ký của con người. Học hành, ghi chép hàng ngày, thư từ trao đổi đều phải dùng đến chữ viết. Các tác phẩm văn thơ, công văn giấy tờ giao dịch, trước khi được in hay đánh máy ra nhiều bản, đều phải dùng chữ viết để phác thảo, sửa chữa. Học sinh khi bắt đầu ngồi vào ghế nhà trường, tập viết bằng kiểu chữ này.

Đặc điểm cấu trúc của chữ viết là xây dựng nét chữ không phải dùng compa và thước kẻ. Chữ cấu trúc tạo cho người viết được nhanh. Chữ hình thành do ngòi bút viết liên tục, từ điểm xuất phát của chữ đến điểm kết thúc của chữ. Ví dụ:



Tuy có chữ chia làm hai giai đoạn để viết, nhưng ở mỗi giai đoạn ngòi bút cũng phải viết liên tục từ điểm xuất phát đến điểm kết thúc mỗi giai đoạn. Ví dụ:



Hình dạng nét chữ phụ thuộc vào ngòi bút. Với ngòi bút dẹt đầu, nhọn đầu, bút lông, khi viết tạo thành nhiều cỡ nét. Với ngòi bút tròn đầu cứng, khi viết hình thành một cỡ nét.

Với ngòi bút dẹt đầu, nhọn đầu, bút lông, khi viết ngòi bút đưa theo hướng thuận thì hình thành nét mập, khi ngòi bút đưa theo hướng nghịch thì hình thành nét thanh. Chữ viết mang tính thẩm mỹ cao, nét mềm mại, uyển chuyển giàu tình cảm, đúng đắn, thân thiết. Nhưng tính thẩm mỹ của chữ phụ thuộc phần lớn vào kỹ thuật của người viết. Do đó muốn viết chữ đẹp cần phải rèn luyện để khi viết nét chữ được mượt mà, nhất là khi thực hiện các nét đưa theo hướng nghịch, các nét chuyển tiếp từ thanh sang mập, hay từ mập sang thanh.

Người ta cũng dùng OVC để làm chỗ dựa xây dựng chữ và dùng hình bình hành đối với chữ hướng nghiêng.

Sau đây là cách cấu trúc một số kiểu chữ viết hướng đứng, hướng nghiêng.

A B C D

E F G H I

J K L M

N O P Q R

S T U V

W X Y Z

Hình 11-28. Kiểu chữ Script Palace

A B C D E

F G H I J

ab c d e f g h i k l m n o p

Q R S M A O

q r s t u v w x y z

P Q R S T

U V W X Y

Hình II-29. Kiểu chữ Anglais



Hình II-30. Kiểu chữ Ronde

A B C D

E F G H I J K L

M N O P Q

R S T U V W X Y Z

abcdefghijklmnopqrstuvwxyz

abcdefghijklmnopqrstuvwxyz

Hình II-31. Kiểu chữ Batarde

A B C D E F
G H I J K L M N O
P Q R S T U V
W X Y Z
1 2 3 4 5 6 7 8 9
a b c d e f g h i j k l m
n o p q r s t u v x y z

Hình II-32. Kiểu chữ Mistral

abcede

fghijklmnopqrstuvwxyz

A B C D E F G H I J K L

M N O P Q R S T U

V W X Y Z 1 2 3 4 5 6 7 8

Hình 11-33. Kiểu chữ Alfçeta

A B C D
Đ E G H J K L
M N O P Q R S
T U V X Y
a b c d e g h i k l m
n o p q r s t u v x y

Hình II-34. Kiểu chữ viết mới trong cải cách giáo dục

III. CẤU TRÚC CHỮ CON

Trước kia, chữ con không ra đời cùng lúc với chữ lớn. Trên các tài liệu, văn bản lưu ký thời bấy giờ, người ta chỉ thấy dáng chữ lớn.

Do yêu cầu phải viết nhanh, viết gọn để phục vụ công việc giao dịch, ghi chép hàng ngày, nên chữ luôn luôn có sự biến đổi. Từ kiểu chữ lớn chân phương, được biến đổi ra nửa chân phương. Như kiểu chữ nửa Onciale (semi Onciale), nửa Gothique (semi Gothique) được biến đổi từ kiểu chữ lớn Onciale và chữ lớn Gothique, rồi biến đổi ra chữ viết tháu rồi ra chữ con.

Sự biến đổi từ chữ lớn ra chữ con thể hiện ở chỗ:

- Từ chữ lớn người ta bỏ bớt nét

B b, H h, L l, R r

- Có chữ bỏ bớt nét đọc dễ lẫn lộn với chữ khác, người ta thêm nét

D d, I i, Q q

- Hoặc chuyển ngôi thứ cơ nét

A → \wedge - α - ω - a

D - \mathcal{D} - d - d

E - \mathcal{E} - \mathcal{E} - \mathcal{E} - e

- Thay đổi các góc chữ cho thích hợp với ngòi bút

M m N n

Về sau, thời kỳ chữ lớn nào xuất hiện, thì có kiểu chữ viết tháu, kiểu chữ con của nó xuất hiện. Ở vào các thời kỳ chữ Romain thịnh hành thì chữ tháu và chữ con mang phong cách như chữ lớn. Khi kiểu chữ Onciale xuất hiện, thì kiểu chữ con của nó có dáng tròn trịa, nét mập đều. Khi chữ Gothique chiếm địa vị thống trị trong sách chép tay, thì kiểu chữ con của nó có dáng hẹp, có góc, có cạnh sắc nhọn như chữ lớn.

Sau khi ngành in ra đời một thời gian, người ta dựa theo cấu trúc của chữ in lớn để sáng tạo ra bộ chữ con. Sau đó chữ in con

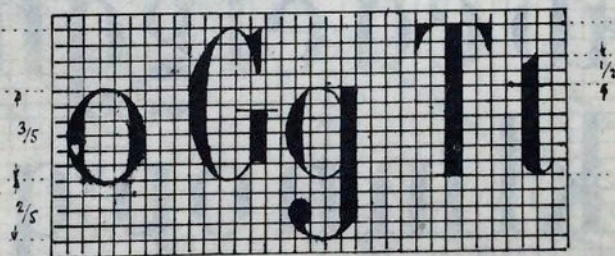
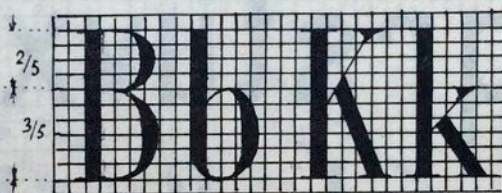
| Thế kỷ | | | | | | | | | |
|--------|-------|-----|--------|-----|-----|-------|------|-------|-------|
| II | V | VI | VII-IX | X | XI | XII | XIII | XIV | XV |
| a ɹ | ɹ | u | œ u | u a | u | a | ɑ ɑ | ɑ ɑ | ɑ |
| ɑ ɑ | ɹ | b | b | | | | B | β β | β β |
| c r | ç ç | c | z z | c ç | c o | c ç | c c | ç ɑ | c c c |
| ɔ ɑ | ɔ ɑ | d d | d d | | | ð | ð | ɔ | ɔ |
| ɛ ɪ | ɛ ɛ | e | ɛ ɛ | ɛ ɛ | ɛ ɛ | ɛ ɛ | ɛ ɛ | ɛ ɛ | ɛ ɛ |
| ʃ ʃ | ʃ ʃ | | ʃ ʃ | | | ʃ ʃ | ʃ ʃ | | ʃ ʃ |
| g g | g g | | g g | | g g | | g | g | g g |
| h h | h | h | h b | h h | | h h | h h | h | h h |
| | | | | k k | | k k | k | | |
| l l | l l | | l l | | | l l | l l | | l l l |
| m m | m m | | m m | m m | | m m | m m | m | m m |
| n n | n n | | n n | n n | n n | n n | n n | n n | n n |
| o o | o b | | o b o | | o o | o o | o o | o | o o |
| p p | p p | | | p p | | p p | p p | p p | p p |
| q q | q q | | q | | q q | q q | q q | | q q |
| r r | r r | | r r r | | r r | | | | r |
| s s | r r | | r r | | r r | s s | s r | s s | s |
| t t | | z z | t t | t t | t t | t t | t t | | t |
| | v v u | | u u | | | u u v | u u | v v | u v |
| | | | | ω | | ω | ω | | ω ω |
| | | | x x | | | x x | x x | x x | x x |
| | | | y r | | y y | y y | y y | y y | y y |
| z z | | | z z z | | | z z | z z | z z z | z z z |

Hình II-35. Sự biến đổi của chữ đầu và chữ con qua các thời kỳ

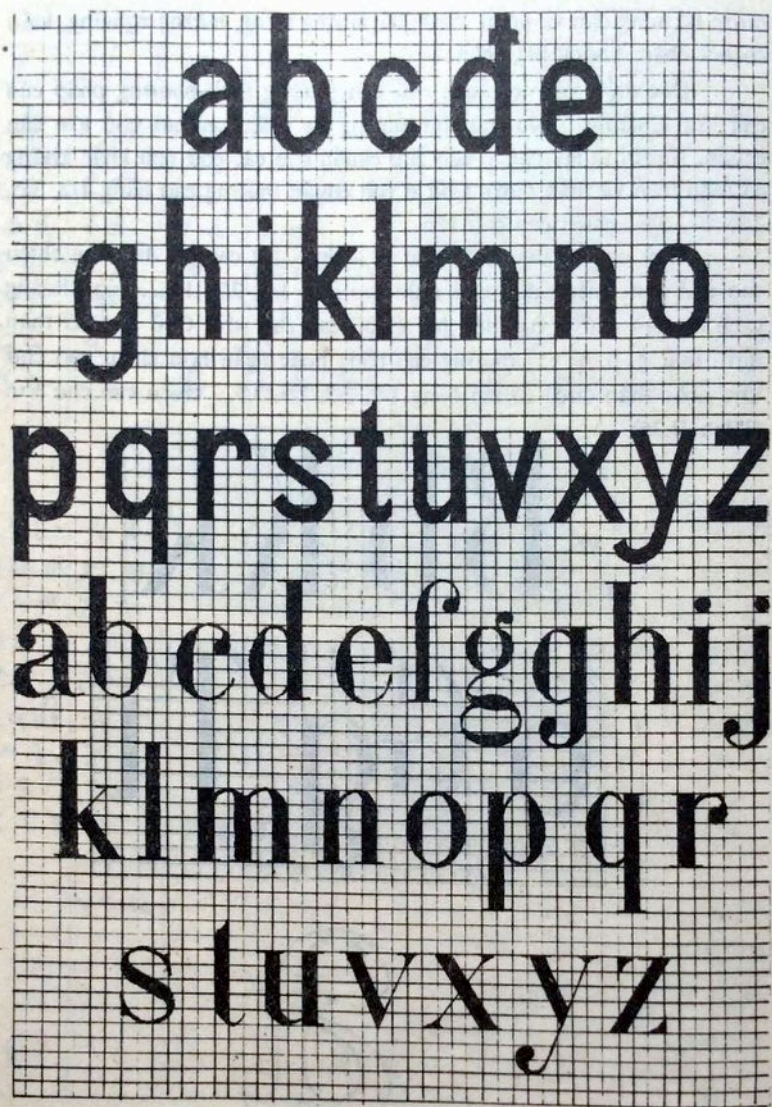
được bổ sung dần và hoàn chỉnh. đủ hướng đứng, hướng nghiêng, kiểu có nét chân, không nét chân...

Đặc điểm cấu trúc của chữ con thường theo phương pháp của chữ lớn. Chiều cao của chữ con thường lấy chiều cao của chữ lớn làm chuẩn. Người ta lấy chữ o con làm chuẩn cho các chữ con khác không có thân trên và thân dưới. Chữ o con chuẩn thường cao bằng $1/2$, $3/5$, $2/3$, $5/7$, $5/8$... chiều cao chữ lớn.

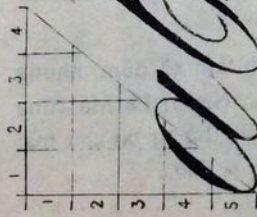
Chữ con có thân trên như b, d, h, k, l, t cao tối đa bằng chiều cao chữ lớn. Riêng đầu chữ t thì cao đến $1/2$, $2/3$, $1/3$... của khoảng cách từ đầu chữ o con đến hết chiều cao chữ lớn. Chữ con có thân dưới như g, p, q, y, j thường cao bằng hoặc ngắn hơn chiều cao chữ lớn, hoặc thân dưới có thể bằng $1/2$, $2/3$, $2/5$, $3/5$... chiều cao chữ lớn (Hình II.36).



Hình II-36



Hình II-37 a. Cấu trúc chữ con không nét chân, có nét chân



abcdefghijklmnopqrstuvwxyz
lmnopqrst
kuvwxz

Hình II-37 b. Cấu trúc chữ con của chữ viết






Về cỡ nét, nét đầu, nét chân, nét đuôi của các chữ con đều theo phong cách chữ lớn.

Chữ I, J lớn không có dấu chấm trên đầu, còn chữ i, j con phải có dấu chấm để phân biệt khi đứng cạnh các chữ u, n, m, y. Dáng của dấu chấm đó cũng nhất quán theo phong cách kiểu chữ: tròn, vuông, chữ nhật, bầu dục... và lực nét bằng nét chính của chữ.

Ở một số kiểu chữ, bụng của các chữ a, b, d hoặc ngực của các chữ g, p, q không phải từ chữ o, hay chữ c thêm thân trên hoặc thân dưới, mà có sự khác nhau. Mình của chữ m không phải từ chữ n gấp rưỡi lên, mà khoảng cách giữa hai nét chữ n rộng hơn khoảng cách giữa hai nét của chữ m.

Râu của chữ g con đặt bên phải đầu chữ hay ngay trên đầu chữ.

IV. CẤU TRÚC CHỮ SỐ

A. *CHỮ SỐ LA MÃ* Trước Công nguyên, ở Ai cập khi chữ còn là những hình vẽ tượng hình, thì người ta cũng dùng hình vẽ làm số đếm. Một gạch đứng 1 là số lẻ, hình quai xách  là số chẵn, hình dây cuộn  là số trăm, hình hoa sen  là số ngàn, hình ngón tay  là số chục ngàn, hình thánh thần  là số triệu.

Dân tộc nhiều nơi khác cũng dùng những hình cụ thể như mặt người, hình cái răng (lấy hình cái răng làm số 32 vì người có 32 răng), hình bàn tay, hình mũi tên... hay dùng các dấu, các hình hình học, như dấu chấm, vòng tròn, gạch ngang, gạch đứng để làm số đếm.

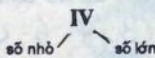
Người Hiêbrơ dùng chữ cái Latinh làm số đếm, nhưng theo thứ tự bộ chữ: A = 1, B = 2, C = 3, D = 4....

Người Hy Lạp cũng dùng chữ cái Latinh làm số đếm, nhưng theo thứ tự khác: I = 1, N = 100, X = 1.000... Người La Mã cũng dùng chữ cái Latinh làm số đếm, nhưng không theo thứ tự bộ chữ mà: I = 1, V = 5, X = 10, C = 100, B = 300, D = 500...

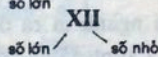
Đến nay chữ số La Mã được dùng trên thế giới là 7 chữ với giá trị sau: I = 1, V = 5, X = 10, L = 50, C = 100, D = 500, M=1.000

Muốn tính số lẻ giữa các số, thì người ta ghép số nhỏ vào bên phải số lớn để cộng thêm, ghép số nhỏ vào bên trái số lớn để trừ bớt. Ví dụ:

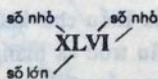
4 là 5 trừ đi 1 thì viết:



12 là 10 cộng thêm 2 thì viết:



46 là 50 trừ 10, cộng 5, cộng 1 thì viết:



Chữ số La Mã dùng không được tiện lợi, nhất là với những số lớn. Vì vậy người ta chỉ dùng ghi các niên hiệu, dùng đánh số các nội dung có tính tổng quát cho từng chủ đề lớn như các chương, các phần trong văn bản, hoặc dùng đánh số thứ tự các tập sách.

Đáng chữ số La Mã là đáng chữ lớn của bộ chữ. Cấu trúc của nó như cấu trúc chữ lớn, không có lối cấu trúc riêng. Chữ lớn của chữ viết không dùng làm chữ số La Mã.

Người ta còn dùng các chữ con a, b, c, d .. (kể cả chữ viết) để đánh số như chữ số La Mã trong các nội dung có tính chất chi tiết của văn bản, hoặc trong các sổ sách về tài chính, thống kê.

B. CHỮ SỐ ARẬP Trong khi ở châu Âu dùng chữ số La Mã, thì ở Ấn Độ cũng dùng chữ số để đếm. Lúc đầu, chữ số chỉ có 9 đáng, sau đó dùng với 10 con số từ 1 đến 0.

Chữ số Ấn Độ nhập vào Arập. Người Đông Arập dùng chữ số Ấn Độ dưới dạng:

1 2 3 4 5 6 7 8 9 0. (số 0 là cái chấm)

Còn người Tây Arập thì dùng chữ số Ấn Độ dưới dạng:

1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

Khoảng thế kỷ X, chữ số Arập nhập vào châu Âu. Qua quá trình sử dụng trong từng nước, chữ số được cải tiến dần. Người ta đưa thêm trang trí vào nét chữ, thêm đầu chữ, chân chữ, làm cho dáng chữ số Arập viết tay biến hóa dần. Đến thế kỷ XII thì có dạng:

1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

Đến thế kỷ XIII thì có dạng:

1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

Khi ngành in ra đời, các dáng chữ số Arập được cải tiến theo dáng chữ Latinh. Sau đó dáng chữ số Arập được quy định cấu trúc theo công thức và phong cách của bộ chữ. Kiểu chữ có nét chân, thì dáng chữ số cũng có nét chân. Kiểu chữ không nét chân, kiểu chữ viết thì dáng chữ số cũng được cấu trúc và mang phong cách tương tự. Do đó mà dáng chữ số Arập được ổn định như ngày nay.

Đặc điểm cấu trúc của chữ số Arập là cũng dùng ô vuông làm chỗ dựa xây dựng, dùng thước kẻ và compa để kẻ, như cấu trúc chữ lớn và chữ con. Chiều cao của chữ số Arập là chiều cao của chữ lớn. Minh của chữ số tùy thuộc phong cách bộ chữ lớn. Minh các chữ số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 0 nói chung đều bằng nhau, ít trường hợp khác nhau. Tỷ lệ giữa các cỡ nét mập, vừa, thanh cũng đồng tỷ lệ với chữ lớn. Chữ số Arập không có chữ con.

Ở một số kiểu chữ, có chữ số viết trôi lên khỏi hàng, có chữ số dịch xuống dưới hàng (kiểu chữ Garamont)

Trong bộ chữ số, có lúc người ta dùng chữ O của bộ chữ lớn để làm số 0 và chữ I của bộ chữ lớn làm số 1, không cần tạo dáng chữ mới, nếu thấy hài hòa và nhất quán về phong cách.

Chữ số Arập mang ý thức thực dụng rõ rệt hơn chữ số La Mã. Với 10 dáng khác nhau, khi đứng lẻ, lúc đứng đôi, hoặc ghép lại thành số lớn đều thuận tiện việc đọc và tính toán hơn chữ số La Mã. Đối với số lớn, để đọc được dễ dàng, tránh nhầm lẫn, cứ cách 3 con số, tính từ phải sang trái, người ta để cách một chút để phân biệt số ngàn, số triệu, số hàng ngàn triệu...

Ví dụ: 10 000 000 (mười triệu)

(ở bộ chữ Pacioli có trình bày cấu trúc chữ số)

1234567890

1234567890

123456789

Hình II-38. Cấu trúc chữ số không nét chân, có nét chân, chữ viết.

V. CẤU TRÚC VÀ BỐ TRÍ MŨ, DẤU, RÂU TRONG CHỮ QUỐC NGŨ

Cũng như nhiều nước khác trên thế giới, nước Việt Nam ta khi dùng bộ chữ Latinh làm Quốc ngữ, đều có thêm và bớt một số chữ, hoặc thêm mũ, râu vào chữ, thêm dấu vào chữ, vào từ, để thích ứng với tiếng nói của dân tộc nước mình.

Như người Pháp, khi dùng chữ Latinh làm Quốc ngữ, họ cũng thêm dấu, thêm râu, thêm mũ vào một số chữ:

- Thêm dấu \wedge vào các nguyên âm a o i u e (âge, pôle, ile, mûr, être...)
- Thêm dấu $\cdot\cdot$ vào các nguyên âm i e (faïence, naïf)
- Đánh dấu / vào các nguyên âm e (étê)
- Đánh dấu \backslash vào các nguyên âm e a u (mère, voilà, où)
- Thêm râu vào chữ c (façon)

Họ còn thêm vào bộ chữ nguyên âm kép oe

Khi nước ta dùng bộ chữ Latinh làm quốc ngữ, không có các chữ Đ U O ã Â Ê Ô, chưa có các dấu $\backslash / ? \sim \cdot$ đánh vào chữ, vào từ, thì được dùng chữ cái để thay như các bức điện tín ngày nay. Như vậy không tiện cho việc đọc và viết. Cho nên ta phải thêm vào, để cách đọc được thích hợp với tiếng Việt. Đồng thời trong bộ chữ quốc ngữ của ta không có các chữ J, F, W, Z của bộ chữ Latinh.

Tuy các dấu chữ, mũ chữ, râu chữ là nét nhỏ trong chữ, nhưng có phần quan trọng đối với ngôn ngữ của dân tộc. Nếu chữ Quốc ngữ ta không có dấu, mũ, râu thì nghĩa của từ sẽ khác, cách phát âm cũng khác xa, thậm chí có chữ nếu không có dấu, có mũ ta đọc không được. Ví dụ: từ "Chữ" nếu không có râu, dấu, ta có thể đọc là Chu Chú Chư Chứ... "Bắc dấu" nếu không có mũ, dấu ta có thể đọc là Bạc đầu Bắc đau ...

Chữ Quốc ngữ của ta có ưu việt ở chỗ: mỗi từ là một âm. Dù từ có một chữ hay 2, 3, 4, 5, 6, 7 chữ ghép lại, ta đọc từ đó cũng một âm. Mũ, dấu, ngoài việc tạo cho từ có nội dung khác từ không có mũ, dấu, còn tạo cho từ có âm thanh trầm bổng trong ca hát, tạo

cho từ có vần điệu bằng trắc trong văn thơ. Khi bàn về âm vận trong thi ca, thi sĩ Trần Đà Nguyễn Khắc Hiếu viết: “Thơ ca không phải là dàn nhạc, mà có cái mỹ thiện của dàn nhạc, không ti, không trúc, không kim, không thạch, không thổ, không các mà đọc lên, tiếng nghe vào tai thật như cung đàn réo rắt, sắt vàng chen nhau”. Vì vậy dấu, râu, mũ đối với chữ hết sức cần thiết.

Khi kẻ chữ, ta cần chú ý những nguyên tắc về cấu trúc và bố trí dấu, râu, mũ sau đây:

1. Phải nhất quán phong cách giữa dấu, râu, mũ với kiểu chữ. Nếu kiểu chữ là nét đều thì dấu, râu, mũ cũng nét đều. Nếu kiểu chữ có cả nét mập, vừa, thanh thì nét của dấu, râu, mũ cũng tương tự. Nên tránh các trường hợp: dáng chữ là nét mập mà dấu, râu, mũ mảnh khảnh; dáng chữ mềm mại, uyển chuyển mà dấu, râu, mũ bệ vệ; dáng chữ duyên dáng mà dấu, râu, mũ thô kệch; dáng chữ hướng nghiêng mà dấu, râu, mũ hướng đứng...

2. Râu chữ là một thành phần bắt buộc của chữ, không phải là nét phụ. Tuy trong khi kẻ chữ O, ta bắt đầu kẻ chữ O rồi thêm râu vào thành chữ O, cũng chẳng khác nào thêm đuôi vào O để thành chữ Q.

Râu chữ O, U, g nằm trong chiều cao của chữ, hoặc tùy kiểu chữ có thể cao trội hơn một ít.

3. Về dấu, có dấu câu và dấu chữ. Dấu câu thì có nhiều: . , ? ! ; () “ ” ... % , còn dấu chữ thì có / ~ ? ~ •

Về mặt đồ họa có dấu câu giống dấu chữ, nhưng khác nhau về vị trí. Đúng trong câu là dấu câu, đứng trên chữ, dưới chữ là dấu chữ. Do đó mà ý nghĩa giữa dấu câu và dấu chữ khác nhau hoàn toàn. Ví dụ: Khi dấu / nằm thấp trong câu là dấu phẩy, để ngắt câu, chỗ nghỉ nhanh khi đọc. Khi dấu • nằm thấp trong câu là dấu chấm câu, khi câu đã diễn đạt hết ý. Còn dấu / nằm trên chữ, dấu • nằm dưới chữ là dùng để cấu thành nội dung của từ, làm cho ý nghĩa và cách phát âm của từ đó khác hẳn khi từ đó không có dấu.

4. Sự gắn bó giữa chữ với mũ, với dấu rất là mật thiết, cần được biểu hiện một cách hài hòa, tức là phải xử lý tốt tỷ lệ giữa mũ với dấu, khi mũ, dấu đứng độc lập và khi mũ, dấu đi kèm nhau.

Khi mũ, dấu đứng độc lập thì cỡ phải để nguyên, hoặc phải cao, rộng hơn.

Khi mũ đi kèm với dấu / \ ? ~ thì phải thay đổi cỡ của mũ, hoặc cỡ của dấu. Việc thay đổi này còn tùy theo kiểu chữ và vị trí của từng loại mũ, từng loại dấu, mà để nguyên cỡ, hoặc thu ngắn chiều cao, thu gọn hay mở rộng bề ngang một cách hợp lý.

Ví dụ: Khi mũ ^ đi với dấu ? ~ thì mũ phải bớt chiều cao. Khi mũ v đi với dấu ? ~ thì mũ phải bớt chiều cao để đón dấu vào lòng. Còn khi mũ v đứng độc lập thì có thể để nguyên cỡ, hoặc nở rộng thêm tùy kiểu chữ.

5. Vị trí đặt mũ và đánh dấu trên chữ:

a) Khi đặt mũ trên chữ, phải bảo đảm trục dọc của chữ trùng trục dọc của mũ.

Â Ă Ô Ê

Đối với chữ in typô, trường hợp mũ ^ đi kèm với các dấu / \ ? vì diện tích khuôn chữ không thể nở rộng để dung nạp cả chữ, mũ và dấu, cho nên người ta phải xê dịch mũ lệch trục. *

à é

b) Các dấu chữ bao giờ cũng đánh vào nguyên âm theo các nguyên tắc sau:

- Khi từ có một nguyên âm, thì đánh dấu vào nguyên âm đó:

TÙ

- Khi từ có hai nguyên âm U, O đi liền nhau, thì đánh dấu vào nguyên âm O:

THƯỢNG

* Ở máy đánh chữ và chữ đúc in typô có sẵn / \ / \

- Khi từ có nhiều nguyên âm di liền nhau thì đánh dấu vào các nguyên âm **Ă Â Ô Ê Ơ Ư** :

TUẤN, XUỐNG, THUỞ, HUẾ, THỪA, XOẢN

- Khi từ có hai nguyên âm đứng trước phụ âm, thì đánh dấu vào nguyên âm đứng sau:

ĐOÀN, HOẠT


- Khi từ có ba nguyên âm không mũ, không dấu di liền nhau, thì đánh dấu vào nguyên âm đứng giữa:


THOÁI, KHUYÚ

- Khi đánh dấu vào chữ phải bảo đảm trục của dấu trùng trục dọc của chữ:

à é ọ y

Trừ các trường hợp sau đây:

- Khi dấu / đánh vào các chữ **Â Ê Ô** thì vị trí của dấu nằm về phía đông bắc của mũ, trên đường phân giác giữa trục dọc của chữ và đường nằm ngang. 

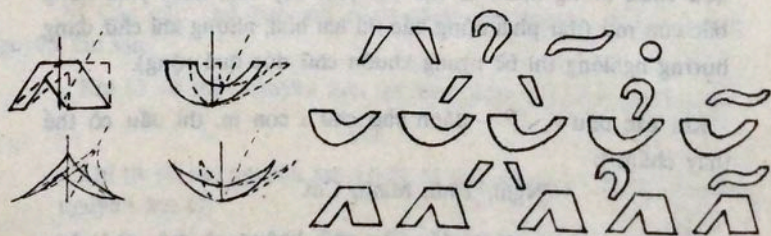
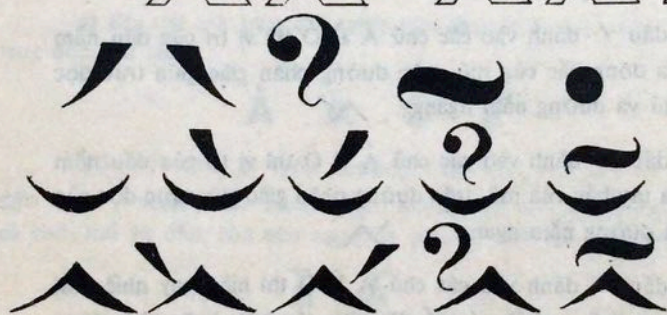
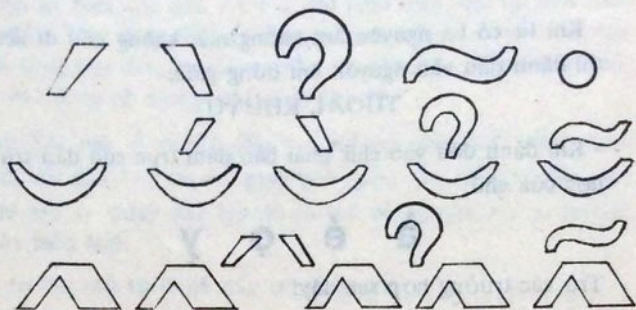
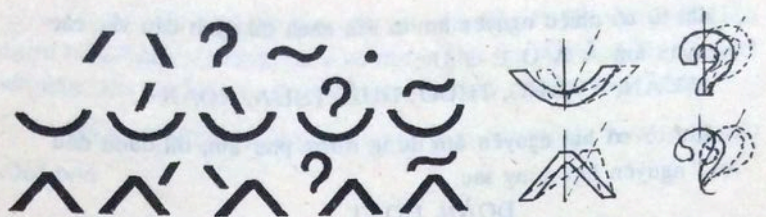
- Khi dấu \ đánh vào các chữ **Â Ê Ô** thì vị trí của dấu nằm về phía tây bắc của mũ, trên đường phân giác giữa trục dọc của chữ và đường nằm ngang. 

- Khi dấu ? đánh vào các chữ **Â Ê Ô** thì hiện nay nhiều tài liệu chưa thống nhất, có thể đặt phía tây bắc, hoặc phía đông bắc của mũ (đặt phía đông bắc thì hài hòa, nhưng khi chữ dạng hướng nghiêng thì bề ngang khuôn chữ dúc quá rộng).

- Khi các dấu / \ ? ~ đánh vào chữ i con in, thì dấu có thể thay chấm i:

Nghĩ, Tính, Minh, Chí.

c. Khi đặt mũ và đánh dấu vào chữ không có mũ, phải bảo đảm thống nhất khoảng cách giữa chữ với dấu và giữa chữ với



Hình II-39. Một số kiểu dấu, mũ hướng đứng, hướng nghiêng.

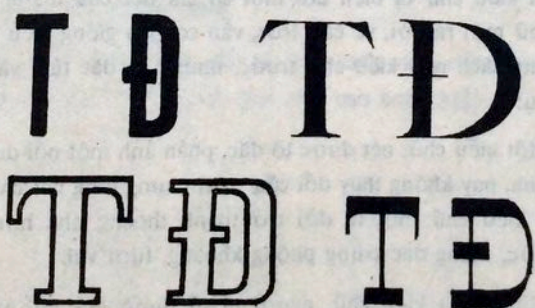
mũ. Khoảng cách đó bằng hoặc gấp 1,5; 2; 2,5 lần lực nét chính, tùy kiểu chữ

Ê Ó Æ Û

6. Cấu trúc dấu, mũ cũng theo phong cách của bộ chữ. Theo qui định về cỡ nét, thì các nét nghiêng đi từ phải sang trái hoặc từ dưới nghịch lên đều là nét thanh. Nhưng ở đây dấu / do vị trí độc lập và nhỏ so với hình chữ, nên người ta thường dùng cỡ mập như cỡ dấu \. Trái lại đối với mũ ^ thì nét bên trái vẫn tuân theo qui định chung là nét thanh, để cho nét bên phải mập. Đường kính của dấu • bằng lực nét chính.

7. Nét ngang chữ Đ: Chữ Đ là từ chữ D ta thêm nét ngang giữa. Nét ngang này cũng là nét cơ bản của chữ. Nó là cỡ mập, vừa hay thanh là tùy theo phong cách của bộ chữ. Thông thường cỡ của nét ngang này cùng cỡ với nét ngang của chữ T. Trong bộ chữ, nét ngang chữ T mập, thì nét ngang chữ Đ mập, nét ngang của chữ T vừa hay thanh thì nét ngang của chữ Đ cũng tương tự.

Tùy kiểu chữ mà nét ngang của chữ Đ nằm giữa nét đứng, hoặc cao hơn một chút. Chiều dài có thể ngắn phía trái, dài phía phải của nét đứng, hoặc hai bên bằng nhau.



Hình II-40. Nét ngang giữa của chữ Đ

SỰ BIẾN HÓA CỦA DÁNG CHỮ

I. KHÁI NIỆM VỀ SỰ BIẾN HÓA CỦA DÁNG CHỮ

Văn hóa nghệ thuật nói chung và kiến trúc nói riêng của các dân tộc, đều biến đổi theo chiều dài lịch sử, thì chữ cũng không giữ nguyên hình dáng, mà luôn luôn biến hóa theo qui luật phát triển của xã hội.

Từ khi chữ cái Latinh đầu tiên ra đời cho đến khi được thông dụng rộng rãi trên thế giới, thì dáng của các thành phần trong chữ luôn luôn có sự biến đổi không ngừng về đồ họa.

Khi các thành phần trong chữ bị biến đổi, thì xuất hiện kiểu chữ mới. Khi kiểu chữ mới ra đời, qua sử dụng, lại sản sinh nhiều kiểu chữ do biến hóa mới nữa. Cứ như thế, từ thế hệ này qua thế hệ khác, các kiểu chữ mới liên tiếp được bổ sung vào kho tàng kiểu chữ.

Sự biến hóa này có mức độ khác nhau, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, hoặc ngược lại. Từ biến đổi một số chi tiết của thành phần trong chữ, đến cao hơn là biến dạng.

Khi kiểu chữ bị biến đổi một số chi tiết của thành phần chữ, thì kiểu chữ mới ra đời, về cấu trúc, vẫn cơ bản giống kiểu chữ trước, mang phong cách như kiểu chữ trước, nhưng có đặc tính và ngôn ngữ mới. Ví dụ:

- Một kiểu chữ, nét được tô đặc, phản ánh một nội dung nghiêm chỉnh, nay không thay đổi cấu trúc, nhưng lòng nét chữ để trắng, thì kiểu chữ mới ra đời trở thành thoáng nhẹ hơn kiểu chữ trước, mang đặc trưng phóng khoáng, tươi vui.
- Cùng một kiểu chữ, người ta sử dụng chữ hướng đứng xen chữ hướng nghiêng, để nhấn mạnh một nội dung của từ mang dáng chữ khác dáng chữ của từ kia.

Khi kiểu chữ được biến đổi hầu hết các chi tiết của các thành phần trong chữ, tức là thành phần trong chữ bị thay đổi về đồ họa, thì kiểu chữ đã bị thay hình đổi dạng. Kiểu chữ mới ra đời có dáng khác hẳn kiểu chữ cũ, nó không còn mang cấu trúc cơ bản của kiểu chữ cũ, mà đã di vào khu vực kiểu chữ khác, mang phong cách mới, đặc tính mới, ngôn ngữ mới, gọi lên tình cảm và nội dung khác trước. Ví dụ:

- Từ kiểu chữ có nét chân, nay bỏ hết nét chân. Kiểu chữ mới ra đời là kiểu chữ không nét chân.
- Từ kiểu chữ có nét đứng thẳng, nay viết thành nét uốn lượn, mềm mại. Kiểu chữ mới trở thành kiểu chữ viết.

Kiểu chữ mới xuất hiện trong các trường hợp trên, có cấu trúc, phong cách, đặc tính, ngôn ngữ khác hẳn kiểu chữ cũ.

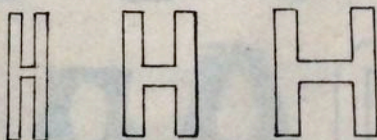
Những sự biến hóa của chữ là vô cùng phong phú và đa dạng. Trên đây mới nêu một số nét khái quát.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu một số nét về sự biến đổi của các thành phần trong chữ qua những kiểu chữ sưu tầm được.

II. CÁC DẠNG BIẾN HÓA CỦA DÁNG CHỮ

1. Biến đổi mình chữ:

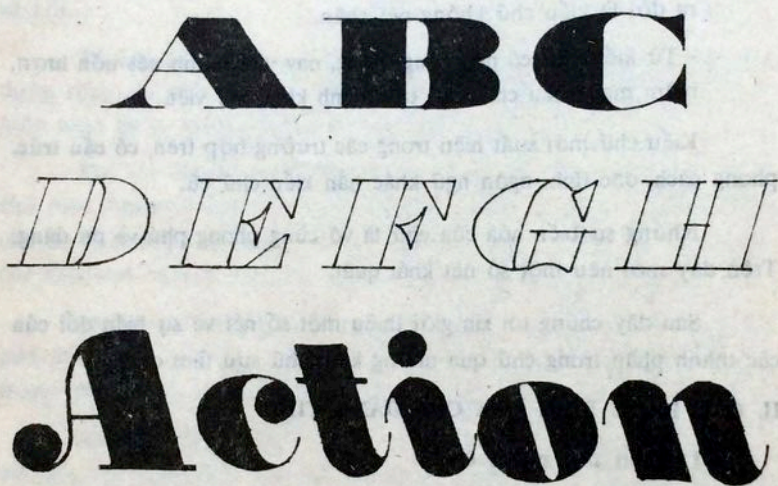
Mình chữ có thể biến đổi từ hẹp sang vừa, rộng, hoặc ngược lại. Sự biến đổi này cho ta cảm giác chữ cao hoặc thấp.



Hình III-1

2. Biến đổi về chiều hướng chữ:

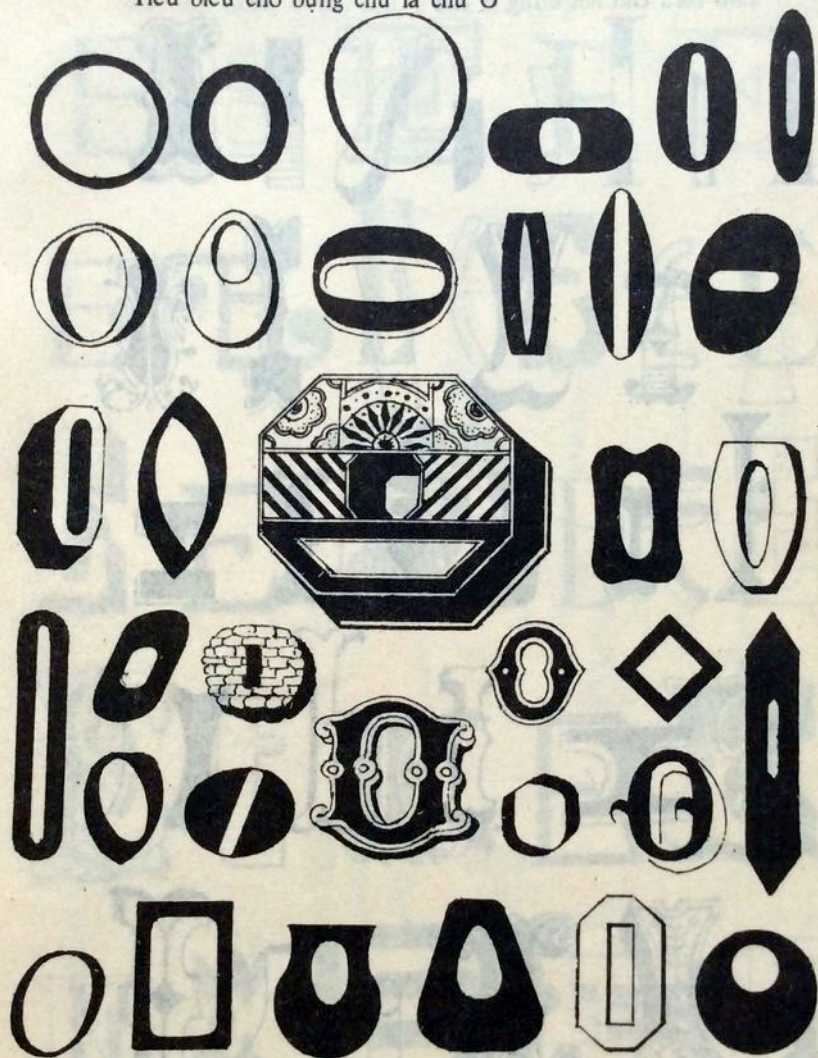
Kiểu chữ từ hướng đứng đối thành hướng nghiêng, hoặc ngược lại.



Hình III-2

3. Biến đổi bụng chữ:

Tiêu biểu cho bụng chữ là chữ O



Hình III-3

4. Biến đổi nét đứng:

Tiêu biểu cho nét đứng là chữ I



Hình III-4

5. Biến đổi nét ngang trên, giữa, dưới:

Các nét ngang ở các chữ E F L T.



Hình III-5

T T T T T T

T T T T T T

T T T T T

T T T T T T

Hnh III-6

6. Biến đổi nét đầu chữ, nét chân chữ:

∏ ∪ ∩ ∪ ∪ ∪ ∪

∪ ∪ ∪ ∪ ∪ ∪

∪ ∪ ∪ ∪ ∪ ∪

∪ ∪ ∪ ∪ ∪ ∪

∪ ∪ ∪ ∪ ∪ ∪

∪ ∪ ∪ ∪

Hình III-7

INININ

NONNN

NNNNN

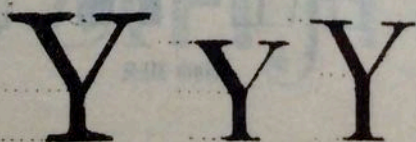
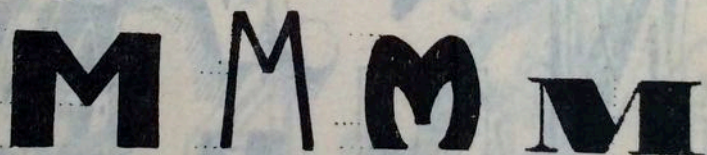
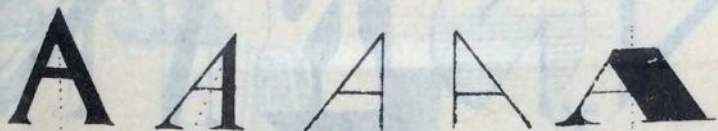
NNNN

NNNN

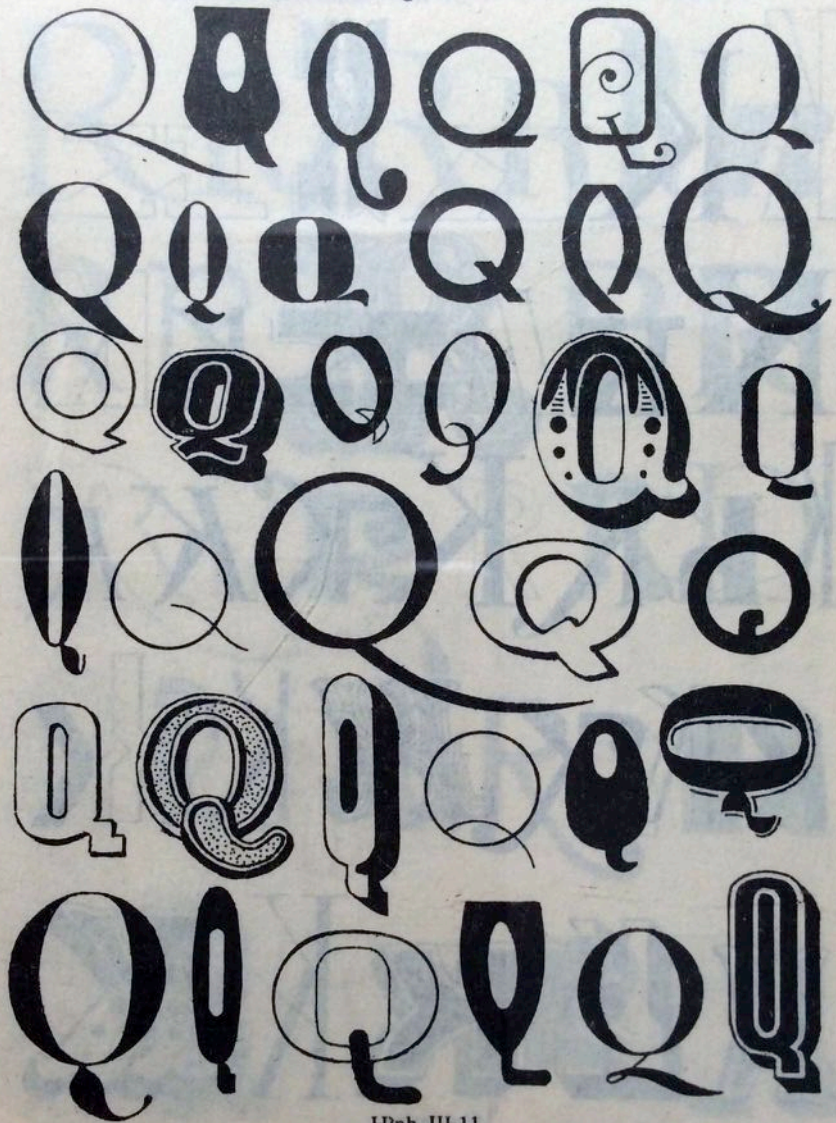
Flh III-9

7. **Biến đổi nét nghiêng:** Các nét nghiêng của chữ A giao nhau tại trục dọc của chữ, hoặc chệch về một bên so với trục đó.

Các nét nghiêng của các chữ K, M, X, Y giao nhau tại trục ngang của chữ, hoặc trên, hoặc dưới trục ngang và thường giao nhau tại trục dọc, hoặc chệch về một bên trục dọc khi nét bên trái của chữ quá mập.



8. Biến đổi đuôi chữ Q:



Hình III-11

9. Biến đổi mô và chân chữ K:



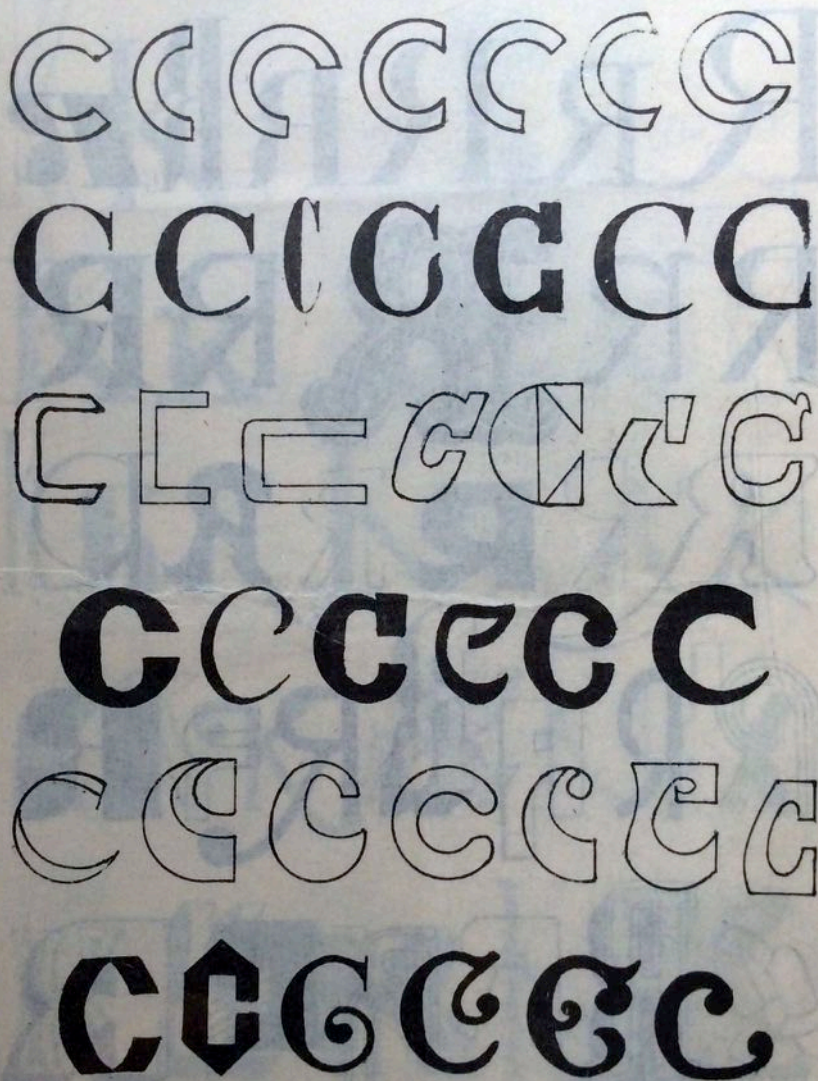
Hình III-12

10. Biến đổi chân chữ R:



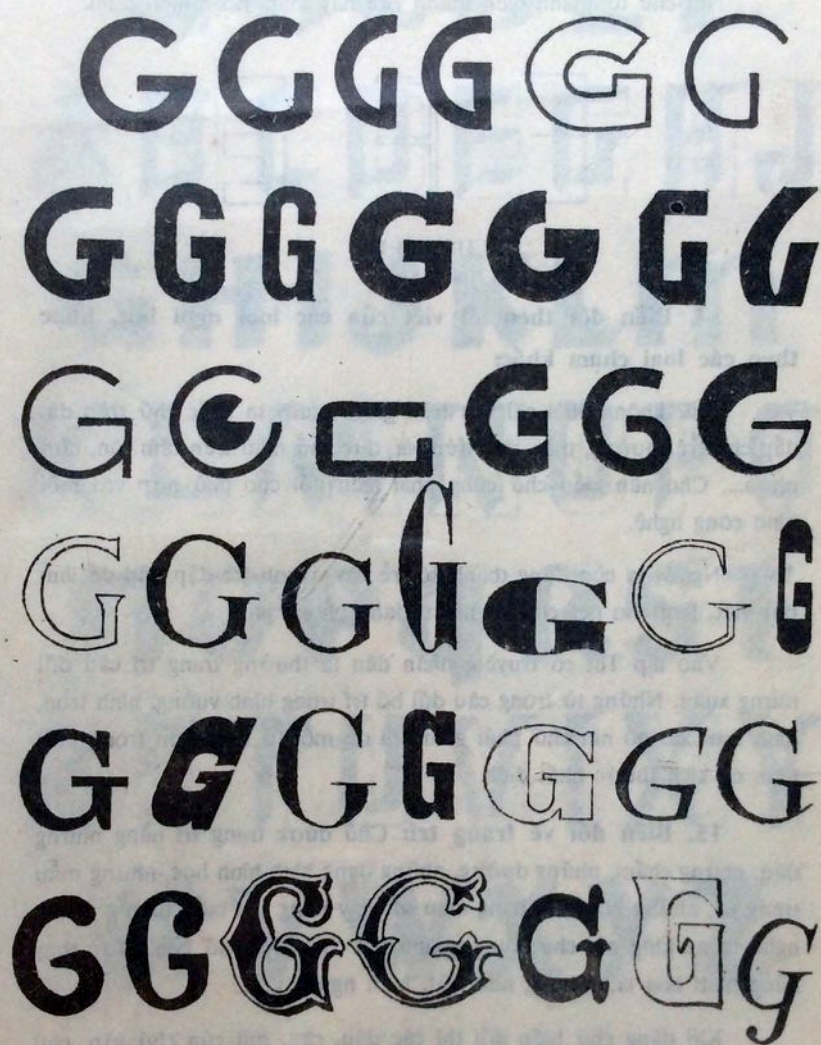
Hình III - 13!

11. Biến đổi mở và đuôi chữ C:



Hình III-14

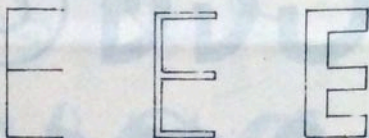
12. Biến đổi mở và gót chữ G:



Hình III-15

13. Biến đổi bề rộng nét chữ (lực nét):

Nét chữ từ thanh bện thành vừa hay mập, hoặc ngược lại.



Hình III-16

14. Biến đổi theo lối viết của các loại ngòi bút, hoặc theo các loại chạm khắc:

Chữ không phải chỉ viết trên giấy, người ta khắc chữ trên đá, đắp chữ trên tường, thêu chữ trên vải, đục chữ mẫu trên tấm tôn, tấm nhựa.... Cho nên kiểu chữ cũng phải biến đổi cho phù hợp với mỗi hình công nghệ.

Người ta còn dùng thanh cọ, rễ cây, thanh tre đập đập để làm bút viết, làm cho nét chữ có nhiều dạng phong phú.

Vào dịp Tết cổ truyền, nhân dân ta thường trang trí câu đối mừng xuân. Những từ trong câu đối bố trí trong hình vuông, hình tròn, hình thoi...do đó nét chữ phải biến đổi để mỗi từ nằm gọn trong một hình có kích thước nhất định.

15. Biến đổi về trang trí:

Chữ được trang trí bằng những dấu, những chấm, những đường, những dạng hình hình học, những mẫu trang trí, những họa tiết, bằng màu sắc hay bằng các biểu tượng ngành nghề trong lòng nét chữ, xung quanh nét chữ. Nét chữ còn được thay bằng hình hoa lá, có cây, hình vật, hình người v.v...

Khi dáng chữ biến đổi thì các dấu, râu, mũ của chữ lớn, chữ con, chữ số phải biến đổi theo cho phù hợp phong cách.

A B C D E F
A B C D E G H J
G H I J K L M
K L M N O P Q
N O P Q R S T
R S T U V I X Y
U V W X Y Z

Hình III-17. Kiểu chữ chạm đĩa, khắc gỗ

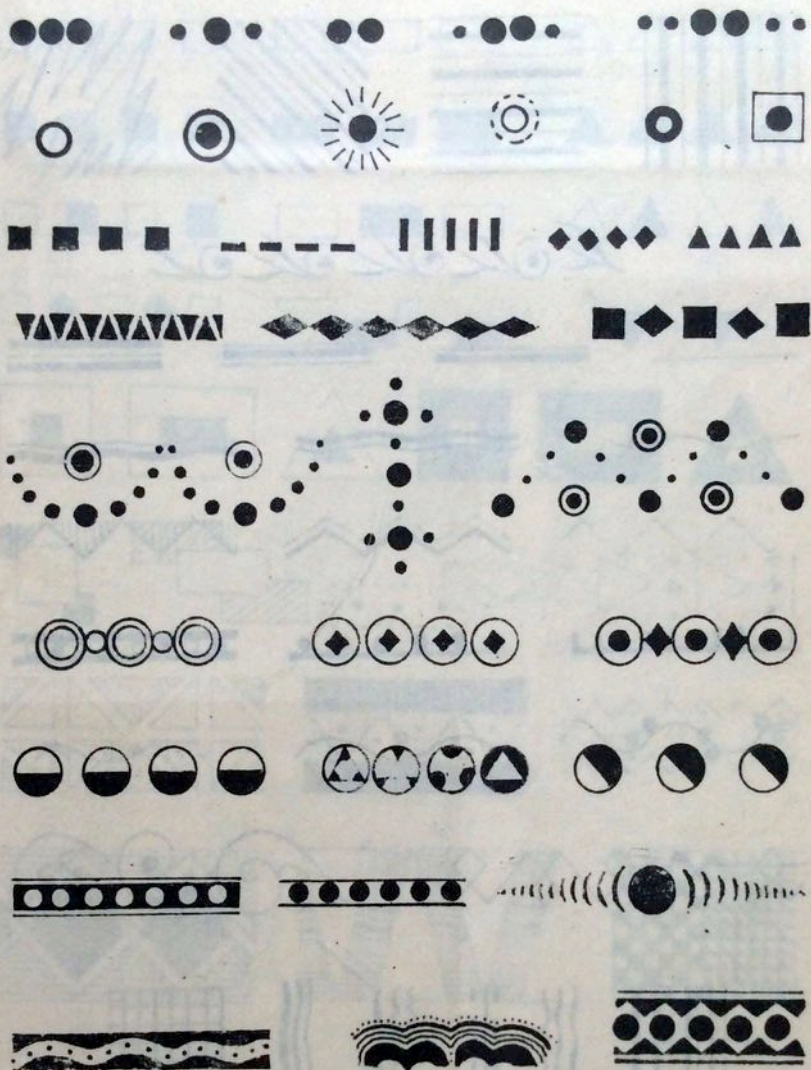
A B C D E F G H

I J K L M N O

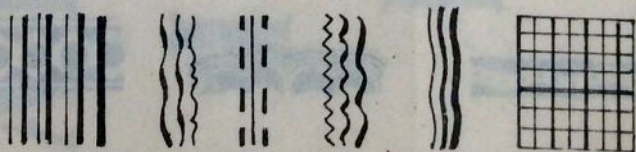
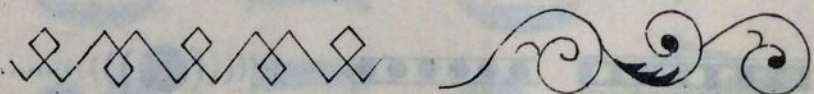
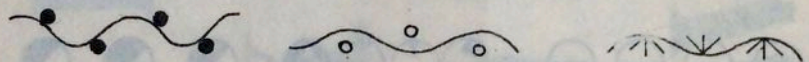
P Q R S T U

V W X Y Z

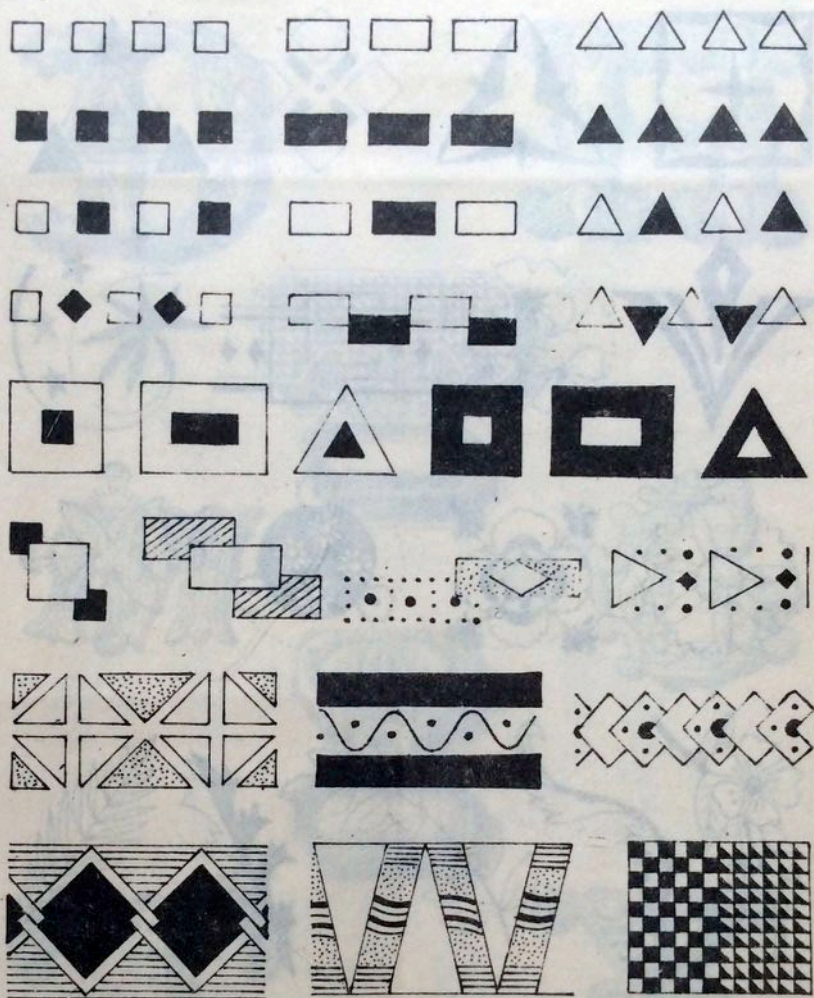
Hình III-18. Kiểu chữ có mẫu đục sẵn



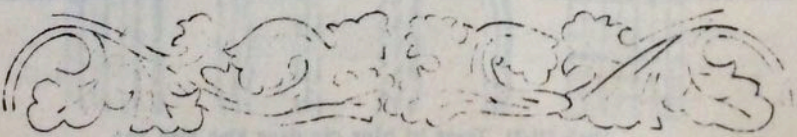
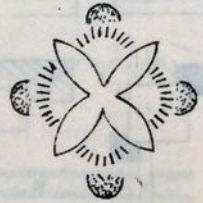
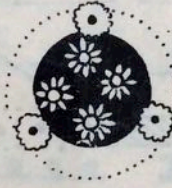
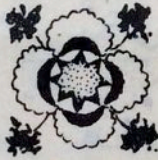
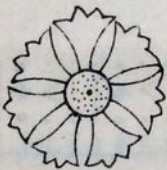
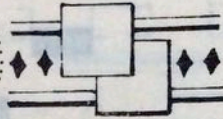
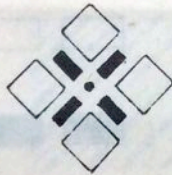
Hình III-19. Trang trí bằng dấu, chấm.



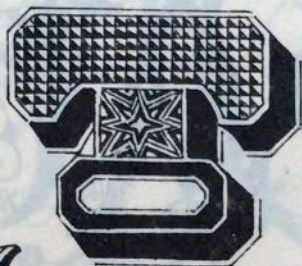
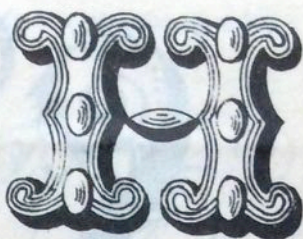
Hình III-20. Trang trí bằng đường nét.



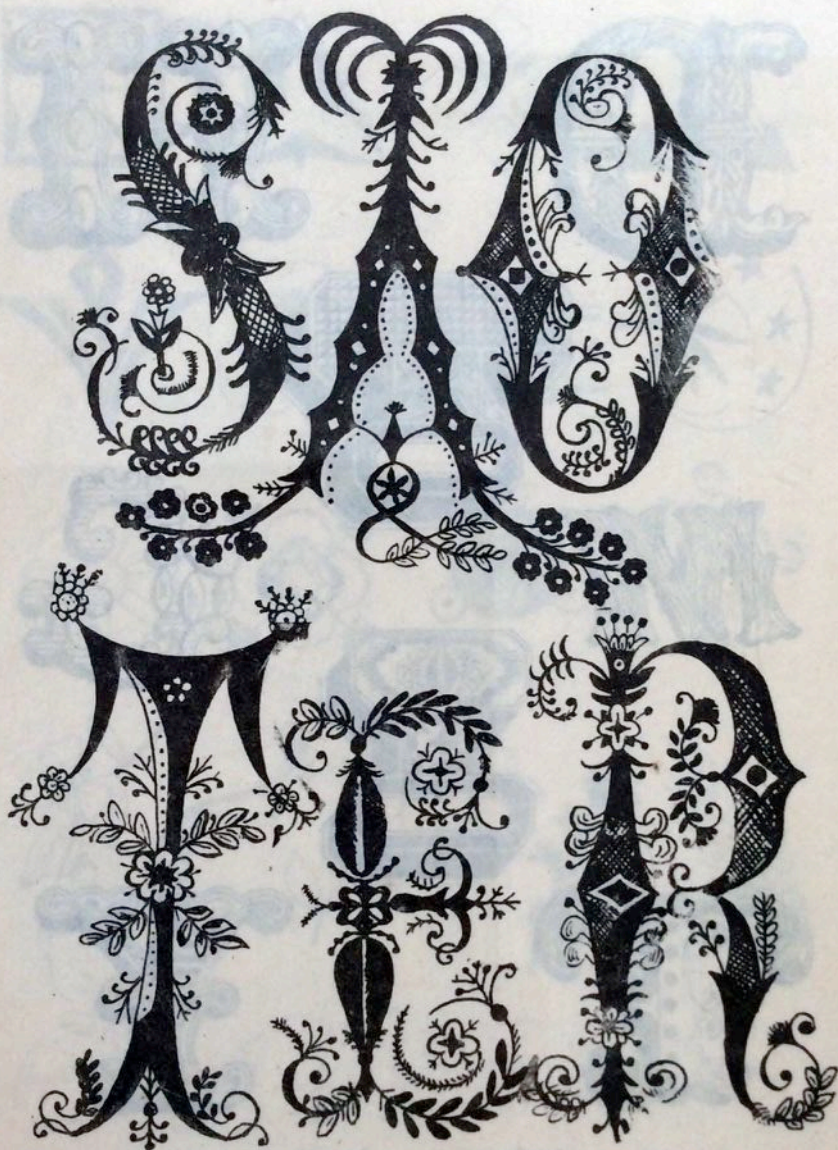
Hình III-21. Trang trí bằng các dạng hình hình học



Hình III-22. Trang trí bằng các dạng họa tiết



Hình III-23. Một số kiểu chữ dùng chấm, đường, hình hình học,
họa tiết để trang trí



Hình III-24: Một số kiểu chữ dùng chấm đường hình hình học, họa tiết dễ trang trí.

Riêng kiểu chữ viết, ngoài các dạng biến hóa trên, còn có những biến hóa vô cùng phức tạp và đa dạng.

- Nét chữ được đơn giản bớt:

B B, C C C, D D D D

H H H H Y Y, K K K

E E, G G G G, L L, Y Y

S S S, T T T, Q Q

l l, b b, h h, r r r, g g g

- Thay đổi trật tự viết:

A A, B B, F F, L X

H H H, P P P, R R R

- Từ viết liên tục trở thành viết không liên tục:

A A A, D D D, E E E

E T, L X

và các chữ A D D E G H T X Y ở bộ chữ cái cách giáo dục

- Từ viết không liên tục trở thành viết liên tục:

B B B, H L, Q Q Q Q

P P P, R R R

- Thay đổi kiểu dáng:

A A, Q Q, M M M

N N N, E E, V V

- Tăng thêm nét cho chữ:

A Q L E H

III. ẢN NGỮ CỦA CÁC DẠNG TRANG TRÍ:

Các dạng trang trí có đặc tính của nó. Phải biết sử dụng đúng chỗ, phù hợp nội dung kiểu chữ thì ngôn ngữ của chữ mới được biểu thị rõ, tính thẩm mỹ của chữ mới được nâng cao. Nếu sử dụng không đúng, thì chữ không còn mang thực chất nội dung, có khi còn làm cho kiểu chữ thêm ruộm rà, rậm rạp, lổ lảng.

Sau đây xin nêu một số đặc tính của đường nét, hình hình học, các dạng trang trí về hoa lá, cây, con thường gặp.

1. Đặc tính của đường nét:

- Đường thẳng đứng chỉ sự di lên, sự hoạt động, nói lên năng lực, triển vọng.
- Đường nằm ngang thể hiện sự nghỉ ngơi, sự yên tĩnh, cân bằng, sự chán nản bi quan.
- Đường gãy thể hiện sự hoạt động không ngừng, sự dẻo dai, bền bỉ.
- Đường nghiêng chỉ sự đổ ngã, sự mất cân đối, sự bối rối, khó khăn.
- Đường cong chỉ sự cố gắng, sự mềm dẻo, tính đa cảm, ủy mị
- Mẫu hình có đường làn sóng, có hình xoắn ốc, có đường gãy biểu thị sự hoạt động.

- Mẫu hình có đường nằm ngang, có sự cân đối giữa các khối và các đường biểu thị sự yên tĩnh.
- Mẫu hình có đường chấm sấp xếp không cân đối, không trật tự biểu thị sự hỗn loạn.
- Mẫu hình có dáng linh động, màu sắc tươi biểu thị sự vui vẻ.
- Mẫu hình có dáng nặng nề, màu sắc lạnh lẽo, âm đạm biểu thị sự buồn bã, bi quan.
- Mẫu hình có dáng cân đối, chắc khỏe biểu thị sự nghiêm nghị.
- Mẫu hình có các đường thẳng đứng, đường nằm ngang, đường nghiêng đối ngược nhau biểu thị sự vững vàng.

2. Đặc tính một số loài hoa

- Hoa đào, hoa mai ta thường trang trí ngày Tết tượng trưng cho sự đẹp đẽ, điều ước mơ, niềm hy vọng về sự đổi mới của mọi người, của gia đình, đất nước.
- Hoa lan biểu thị tình cảm trong sáng, cao thượng. Người ta tôn vinh hoa lan là “quân tử chi lan”, “vương giả chi lan”.
- Hoa phong lan tượng trưng cho hình ảnh những cô gái xinh đẹp đã hy sinh cả cuộc đời mình cho sự sống còn của dân tộc.
- Hoa cúc mùa xuân nói lên tình cảm vui vẻ chân thật, hình ảnh của nhan sắc rực rỡ, hoa cúc mùa thu biểu thị nỗi niềm lưu luyến lúc chia tay.
- Hoa nhài nói lên tâm hồn bình dị, trung thực, hồn nhiên.
- Hoa thược dược biểu thị cho công danh hiển đạt.
- Hoa hướng dương biểu thị cho lòng thủy chung son sắt, luôn luôn hướng về một mục đích.
- Hoa mẫu đơn (thiên hạ đệ nhất hoa), còn gọi là hoa phú quý, tượng trưng cho tấm lòng người phụ nữ nhân hậu, nhưng không bao giờ được gặp may mắn.

- Hoa huệ biểu trưng cho sự thủy chung và cao thượng.
- Hoa hồng là hoa tình yêu. Hồng trắng nói lên lời than vãn. Hồng sen đại ý như lời thề ước. Hồng thắm biểu thị lòng say mê cuồng nhiệt. Hồng nhung nói lên nỗi đau đớn in tim.
- Hoa lay ơn biểu thị sự hẹn hò gặp gỡ.
- Hoa cẩm chướng tượng trưng sự sẵn sàng nô lệ cho tình yêu.
- Hoa sen biểu trưng cho bậc "chính nhân quân tử", sự tinh khiết giữa bùn nhơ. Sen trắng tiêu biểu cho sự phồn thịnh, phi nhiều.
- Hoa phù dung tượng trưng cho phận hồng nhan bạc mệnh.
- Hoa phượng là hoa của mùa hè, hoa của học trò.
- Hoa trinh nữ (mắc cở) biểu thị cho tình yêu mới chớm.
- Hoa thủy tiên tượng trưng cho tình cảm chỉ tôn thờ riêng mình.
- Hoa uất kim hương (tulipe) tượng trưng cho những tâm hồn khao khát tự do.
- Hoa tu hú tượng trưng cho sự ân hận muộn màng.

3. Đặc tính một số loài cây, con

- Cành nguyệt quế biểu trưng cho sự chiến thắng.
- Cành ô liu tượng trưng cho ý chí hòa bình.
- Cây trúc biểu trưng cho tính cương trực rắn rỏi của kẻ trượng phu.
- Cây tùng biểu trưng cho người tráng sĩ giữa gió sương bão tố, người có tiết tháo vững vàng, ngay thẳng.
- Cây dâu chỉ tuổi già (Chinh phụ ngâm: Tuổi già bóng xế ngành dâu, sớm xem rồi xét ai hầu cho cha)

- Cây liễu chỉ thể chất yếu ớt của người phụ nữ, còn biểu trưng cho người yêu, người tình (Khóc Bằng Phi: *Sớm ngổ trưa sân liễu đứng ngồi*)

- Trúc mai chỉ tình nghĩa bền chặt keo sơn, tượng trưng cho đức tính trong sạch, giữ gìn khí tiết.

- Chim én là biểu tượng cho mùa xuân (Kiều: *Ngày xuân con én đưa thoi*)

- Chim bồ câu là biểu tượng cho hòa bình.

- Rồng là biểu tượng cho sức mạnh quyền uy của vua chúa.

- Phượng tượng trưng cho phụ nữ vương giả và quý tộc.

- Cọp, chúa sơn lâm, biểu tượng của sức mạnh bạo tàn, tư tưởng "hùng cứ nhất phương".

- Sư tử chỉ tính hung hãn hay ghen của người đàn bà, cái oai dữ của người vợ cả.

- Phượng loan (loan là con phượng cái) tượng trưng cho đôi lứa vợ chồng.

- Uyên ương (ương là con uyên cái) chỉ vợ chồng đoàn tụ thương yêu nhau.

- Cáo biểu trưng cho lòng gian ngoan xảo trá.

Trong văn học, nghệ thuật kiến trúc, trang trí, phong cảnh của phương Đông thường xuất hiện các dạng

Tứ quý: Mai, lan, cúc, trúc.

Tứ thú: Ngư, tiều, canh, mục.

Tứ linh: Long, ly (lân), quy, phượng.

Các cảnh thì có: Đào nguyên, bồng lai, kết nghĩa vườn đào.

Hoặc: lá lật, dơi ngậm kim tiền, lưỡng long triều nguyệt, lưỡng long tranh châu, long thăng, long giáng...

PHẦN BỐN

PHƯƠNG PHÁP KẼ VẼ CHỮ TRÊN GIẤY

Có nhiều phương pháp kẻ vẽ chữ. Tùy hoàn cảnh, điều kiện, tùy công cụ vật liệu mà áp dụng các phương pháp kẻ chữ khác nhau.

Ví dụ: dùng thước kẻ, compa, mực màu kẻ chữ trên giấy, khác với dùng cọ, sơn kẻ trên gỗ, trên vải hay trên tấm kim loại.

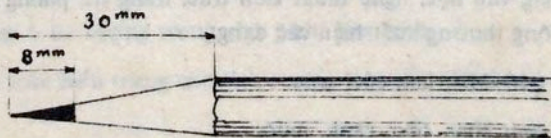
Ở đây xin giới thiệu một số nét chung khi kẻ vẽ chữ trên giấy, đại loại như kẻ một bản vẽ kỹ thuật, hoặc tấm panô.

I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

Muốn thực hiện bản vẽ được thuận lợi, có năng suất, thì trước khi bắt tay vào công việc, cần chuẩn bị các mục sau:

1. Chuẩn bị dụng cụ vẽ

- Bút chì dùng để kẻ phác nên dùng loại vừa, tức loại HB hoặc 2H. (Ký hiệu bút chì: H là cứng, B là mềm). Không nên dùng chì cứng quá, nét vẽ phác hẳn sâu khó tẩy xóa, hay mềm quá nét kẻ phác không sắc, khi tẩy xóa dễ làm bẩn bản vẽ. Đầu chì phải vót cho thuận đều (Hình IV-1). Khi kẻ, đầu chì phải sát cạnh thước, vừa kẻ vừa xoay bút chì, để nét kẻ không có chỗ to chỗ nhỏ.



Hình IV-1

- Bút mực gồm các loại ngòi bút vẽ, kẹp mực (tire ligne), compa đều phải mài mó để bảo đảm nét vẽ sắc sảo, mượt mà, không cào xước giấy, mực xuống đều. Dùng đá mài loại mịn, hoặc giấy nhám số 0 để mài.

Ngòi bút vẽ, mỗi cỡ nét nên sắm một ngòi. Hiện nay thị trường có các loại bút kim ngoại nhập có nhiều cỡ nét, dùng rất thuận tiện, nhưng đòi hỏi phải có mực đặc biệt mới sử dụng được.

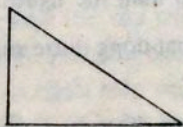
Các loại bút kẻ, ngòi bút, khi dùng xong phải rửa sạch mực trong ngoài, lau khô. Kẹp mực và compa khi dùng không lấy nhiều mực. Compa không mở khẩu độ quá 70° .

- Bút tô mực, màu là bút lông, bút nhỏ. Bút lông có loại nhọn đầu và loại dẹt đầu. Loại dẹt đầu dành cho họa sĩ dùng. Tô nét chữ dùng loại nhọn đầu. Bút lông tốt thì lông tập trung vào đầu ngòi, không có lông tõe ra. Không nên ngâm bút lông vào nước, làm tõe đầu ngòi. Khi dùng, không chấm ngòi sát đáy lọ mực, cần bám theo. Khi rút lên để mực, màu chảy bớt. Cầm bút nghiêng so với mặt giấy 75° , chỉ ấn $1/5$ đầu ngòi vào giấy. Dùng xong rửa sạch, đậy nắp quán bút, tránh mối mọt gặm đầu ngòi.

- Thước kẻ có êke, thước bẹt, thước thủy tinh tròn, thước kẻ đường cong.

Êke thường dùng một bộ hai chiếc, một chiếc góc đỉnh 45° , một chiếc góc đỉnh 60° . Thước kẻ đường cong mỗi bộ nhiều cái. Các loại thước kẻ thường bằng gỗ hay bằng nhựa. Cần giữ gìn để mép thước không bị móp. Mép thước phải thật thẳng. Muốn kiểm tra độ thẳng ta làm như sau: đặt bút chì vào mép thước, kẻ một đường thẳng bằng chiều dài cạnh thước, xoay thước (hoặc tờ giấy) 180° kẻ đường thẳng chồng lên. Nếu hai đường thẳng trùng khít nhau là thước thẳng.

Ngoài ra còn phải chuẩn bị các dụng cụ để cố định bản vẽ như kẹp giấy, đinh mũ, hòn dè. Gôm để tẩy các nét kẻ phác nên dùng loại mịn để không tróc giấy. Cắt vát miếng gôm và dùng chỗ nhọn để tẩy (Hình IV-2). Chuẩn bị lưới lam để cạo bỏ chỗ mực vẽ thừa và kính lúp để nhìn rõ chỗ cạo và kiểm tra nét vẽ.



Hình IV-2

2. Chuẩn bị vật liệu

- Giấy để vẽ dùng loại khi tô mực màu không bị nhòe.
- Mực phải thật đen. Muốn thứ độ đen, vẽ trên giấy can soi qua ánh sáng.
- Bông gòn hay giấy bản để lau bản vẽ. Giẻ để lau ngòi bút (hoặc miếng mút). Giấy để bảo vệ bản vẽ (giấy thấm hoặc giấy gói hàng).

3. Chuẩn bị nơi làm việc

Nơi vẽ phải đủ ánh sáng. Ánh sáng tự nhiên nên đến từ phía trái người vẽ để tránh bóng. Bóng đèn trong phòng bố trí chệch trên trần về phía trước mặt, không được từ sau lưng đến, sẽ đổ bóng lên bàn. Chỗ làm việc không để có gió lùa làm bay bản vẽ, rớt dụng cụ, đổ mực, tạt mưa.

Mặt bàn vẽ phải bằng phẳng, diện tích bàn phải rộng đủ đặt bản vẽ, các dụng cụ cần thiết và thuận tiện cho hoạt động của người vẽ. Không nên chật quá làm cho cánh tay người vẽ không dựa được lên bàn, làm cho bản vẽ chìa lơ lửng ngoài mép bàn, dễ bị gấp hoặc rơi tụt.

Ghế ngồi không nên thấp hoặc cao quá. Tùy thị lực từng người mà bố trí chiều cao ghế sao cho khoảng cách từ mắt đến bản vẽ hợp lý. Thông thường khoảng cách đó đối với người không bị viễn thị, cận thị là 25-35cm. Có thể dùng bàn có mép trước nâng hạ được, hoặc ghế có thiết bị thay đổi chiều cao để điều chỉnh khoảng cách đó khi cần thiết. Theo tiêu chuẩn vệ sinh học thì bàn cao bằng 46% chiều cao thân thể người, ghế bằng 27% chiều cao thân thể người.

Bản vẽ đặt sao cho người vẽ có thể hoạt động được xung quanh, hoặc dùng mặt bàn có thiết bị xoay.

Các dụng cụ, vật liệu vẽ phải để nơi dễ lấy khi dùng, dễ cất khi không cần đến. Nên để ở gần mép bàn, hoặc trên giá phía tay phải, vừa tầm lấy.

Lọ mực, giẻ ướt lau ngòi bút là thứ dễ gây hư hỏng bản vẽ. Có khi bản vẽ sắp hoàn thành mà bị dây mực, thì bao nhiêu công sức phải bỏ đi. Vì vậy lọ mực phải cố định vào mép bàn, thấp hơn mép bàn, bên tay phải. Khi lấy mực, ngòi bút dang dầy mực, không được vung mạnh qua bản vẽ.

II. TRÌNH TỰ VẼ

Sau khi cố định các mép giấy của bản vẽ bằng đinh mũ, hòn dè, ta dùng bông gòn hay giấy bản lau qua mặt giấy vẽ để lau bụi bặm. Khi nghiên cứu xong việc bố cục các hàng chữ, các kiểu chữ mang nội dung phù hợp công việc, ta dùng bút chì kẻ phác chữ. Bố trí khoảng trống giữa chữ với chữ, giữa từ với từ hợp lý. Cần chú ý, để khi nhìn chữ được thẳng hàng thì các chữ có nét cong phải vẽ chia ra khỏi hàng một lượng $h/50$, các chữ có nét nhọn phải vẽ chia ra khỏi hàng một lượng $h/30$ (h là chiều cao chữ) và để các nét nhìn được đồng cỡ thì lực nét ngang nên vẽ nhỏ hơn một tí, lực nét cong nên vẽ lớn hơn một tí so với các nét đứng đồng cỡ.

Vẽ phác xong thì đồ mực. Trên mặt giấy vẽ, ta phủ tờ giấy bảo vệ, chỉ để lộ chỗ vẽ, để phòng ruồi ăn nét mực, cánh tay dựa lên làm dáy mồ hôi, khi đồ mực bị nhòe.

Trước tiên đồ các đường viền của chữ. Đồ các nét ngang chân chữ, đầu chữ. Đồ các nét đứng. Đồ các nét nghiêng. Nên dùng thước thủy tinh tròn để kẻ thì tốt nhất, nếu các nét chữ không dài quá. Tiếp đến, dùng compa quay các cung tròn, rồi quay các nét tròn. Khi kẻ hết mực giữa chừng, lúc tiếp không nên quay chổng lên, mà cách ra một tí, sau lấy bút nối lại. Kẻ xong đường viền, ta dùng bút sắt dẹt đầu, bút lông hoặc kẹp mực tô lông nét chữ. Khi tô, điều khiển đầu bút đi từ mép trái của chữ vào lòng nét chữ. Nếu tô từ mép phải vào thì không thuận chiều ngòi bút, chỗ tô bị đầu ngòi bút che khuất, mực dễ chệch ra ngoài mép chữ. Vì vậy khi tô mép phải của nét chữ, người vẽ phải đổi vị trí ngòi bút, hoặc xoay bản vẽ (xoay mặt bàn).

Tiếp đến là hoàn chỉnh các chỗ giáp mối của các nét tròn, chỗ các vòng compa gặp nhau, tô các góc của nét đầu, nét chân chữ, đuôi

chữ, gót chân, mỏ chữ. Sau cùng là mũ dấu. Khi mực thật khô mới được tẩy các nét chì kẻ phác.

Kẻ chữ phải bắt đầu từ bên trái bản vẽ sang phải, từ trên xuống dưới, để tránh tay đè vào các chữ đã kẻ xong.

Một nét chữ đẹp (chuẩn) phải bảo đảm mực trong lòng nét chữ đều đặn, không có chỗ đậm, chỗ nhạt, mép nét chữ sắc sảo, mượt mà, không có chỗ xù xì.

Khi kẻ đường viền, khi tô mực, khi nối chỗ tiếp giáp của nét, có thể mực không gọn trong lòng nét chữ, các góc không vuông vức, thì ta dùng lược lam cẩn thận cạo bỏ chỗ thừa. Khi cạo phải lót chỗ cạo lên mặt cứng (kính, mica). Hết sức chú ý kéo làm rách giấy và chỗ cạo bị xù xì. Dùng kính lúp để kiểm tra nét chữ và cạo bỏ các chỗ không đạt yêu cầu.

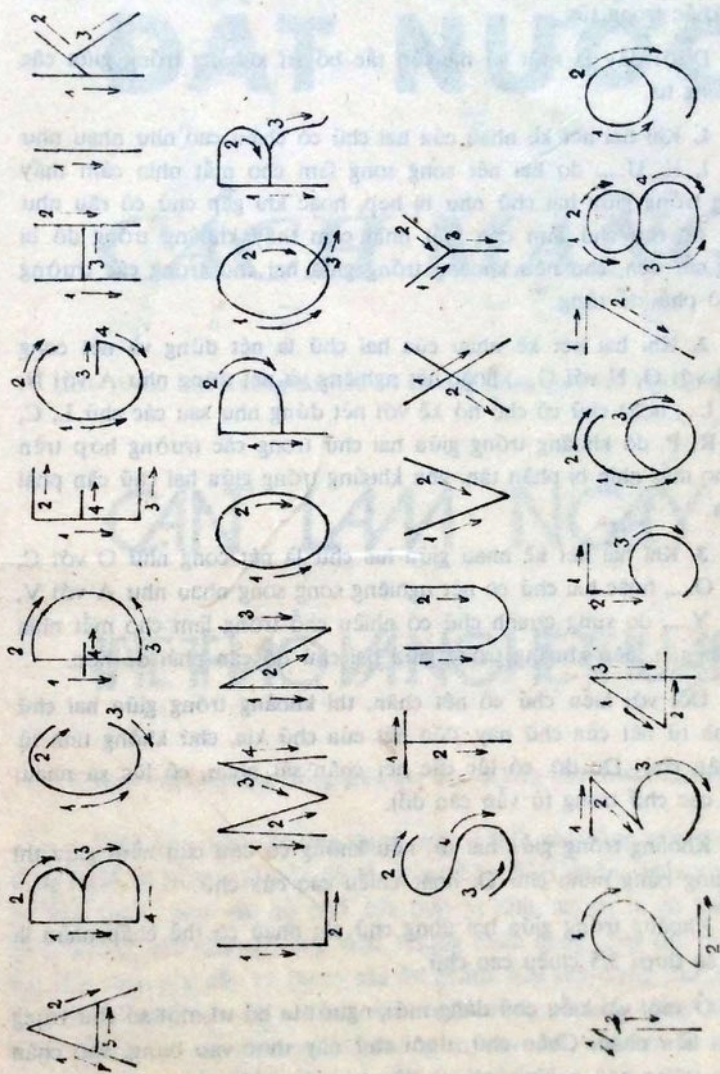
III. BỐ TRÍ KHOẢNG TRỐNG GIỮA CÁC CHỮ TRONG TỪ

Giữa chữ này với chữ kia trong từ, cũng như giữa từ này với từ khác trong câu, đều phải có những khoảng trống cần thiết để đọc được dễ dàng và bảo đảm tính cân đối trong việc bố cục.

Một kiểu chữ dù có dáng đẹp đến đâu, nhưng bố trí khoảng trống không thích hợp, thiếu cân đối, gây khó đọc, thì chữ không còn có thể đẹp được. Cho nên việc bố trí khoảng trống giữa các chữ, các từ là một yếu tố cần thiết để bảo đảm sự thành công trong việc trình bày.

Khoảng trống giữa chữ với chữ, giữa từ với từ không thể chia đều một cách máy móc bằng thước đo, mà phải bố trí sao cho hợp nhãn. Việc bố trí khoảng trống đó phải linh hoạt. Khoảng trống đó để rộng, để hẹp hay vừa là do diện tích cần trình bày, do kiểu chữ có mình rộng hay hẹp, do cỡ nét của chữ thanh hay mập, do hướng chữ đứng hay nghiêng, chữ có nét chân hay không nét chân, nét chân ngắn hay dài quyết định.

Ví dụ: Kiểu chữ nét đều thanh, thì khoảng trống cần để hẹp cho dễ đọc. Kiểu chữ nét đều mập, thì khoảng trống phải để rộng, giữa từ với từ không được để hẹp hơn mình chữ.



Hình IV-3. Trình tự kẻ chữ không nét chân

Thông thường người ta lấy khoảng trống giữa hai chữ có nét đứng song song nhau làm khoảng cách chuẩn cho tất cả các khoảng trống khác trong từ.

Dưới đây là một số nguyên tắc bố trí khoảng trống giữa các chữ trong từ.

1. Khi hai nét kề nhau của hai chữ có chiều cao như nhau như H, N, I, E, U..., do hai nét song song làm cho mắt nhìn cảm thấy khoảng trống giữa hai chữ như bị hẹp, hoặc khi gặp chữ có râu như U, O, do râu chữ làm cho mắt nhìn cảm thấy khoảng trống đó bị vướng nét đen, cho nên khoảng trống giữa hai chữ trong các trường hợp đó phải để rộng

2. Khi hai nét kề nhau của hai chữ là nét đứng và nét cong như H với O, N với G..., hoặc nét nghiêng và nét đứng như A với N, V với I..., hoặc chữ có chỗ hứ kề với nét đứng như sau các chữ L, C, E, K, R, P, do khoảng trống giữa hai chữ trong các trường hợp trên làm cho mắt nhìn bị phân tán, nên khoảng trống giữa hai chữ cần phải để vừa.

3. Khi hai nét kề nhau giữa hai chữ là nét cong như O với C, D với O..., hoặc hai chữ có nét nghiêng song song nhau như A với V, A với Y..., do xung quanh chữ có nhiều chỗ trống làm cho mắt nhìn dễ phân tán, nên khoảng trống giữa hai chữ đó cần phải để hẹp.

Đối với kiểu chữ có nét chân, thì khoảng trống giữa hai chữ vẫn tính từ nét của chữ này, đến nét của chữ kia, chứ không tính từ nét chân chữ. Do đó, có lúc các nét chân sát nhau, có lúc xa nhau, nhưng các chữ trong từ vẫn cân đối.

Khoảng trống giữa hai từ, nếu không có dấu câu nằm giữa thì nói chung bằng mình chữ O, hoặc chiều cao của chữ.

Khoảng trống giữa hai dòng chữ sát nhau có thể chấp nhận là không sát dưới $\frac{3}{5}$ chiều cao chữ.

Ở một vài kiểu chữ dáng mới, người ta bố trí một số chữ trong từ dính liền nhau. Chân chữ, đuôi chữ này thọc vào bụng, vào chân chữ kia trông ngộ nghĩnh, nhưng vẫn bảo đảm hài hòa.

ĐẤT NƯỚC

H H R R V

CÁCH MẠNG

H H V V V

Hình IV-4a. Các trường hợp bố trí khoảng trống giữa các chữ trong từ

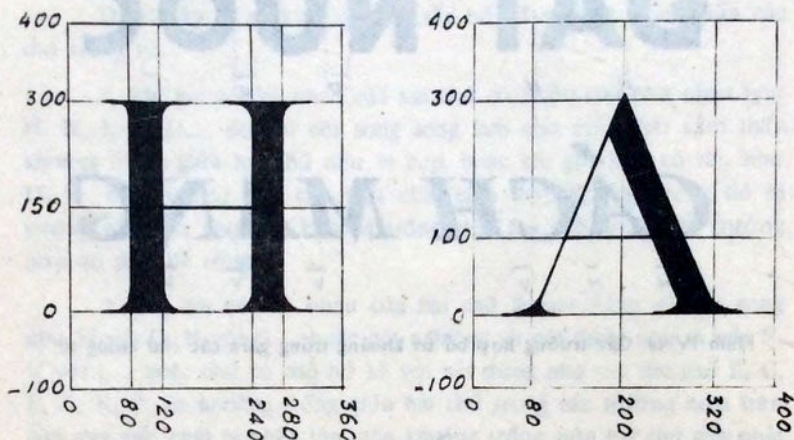
CẦN LÀM NGAY

THỂ THAO VÀ NGHỆ THUẬT

Hình IV-4b. Khoảng trống giữa các chữ ở kiểu chữ Avant Garde

Ngày nay, với việc ứng dụng máy vi tính vào công việc chế bản, công nghệ in bằng chữ đúc đã tỏ ra lạc hậu. Với những kiểu chữ làm từ liệu, được nạp vào bộ nhớ của máy vi tính, người ta có thể thực hiện dương bản những trang sách, những nhãn hàng, thay đổi màu sắc nét chữ theo yêu cầu kỹ thuật của ấn phẩm. Khi xây dựng chữ, tác giả có thể dựa vào tọa độ các nét chữ, hoặc dùng phương pháp liên kết điểm để kẻ các nét chữ, có thể phóng to, thu nhỏ, xóa bỏ, tu sửa nét chữ trên máy vi tính, mà không phải làm bằng tay.

Máy vi tính ra đời đã nâng cao chất lượng và tốc độ in ấn, sẽ mở đường cho việc sáng tác nhiều kiểu chữ mới lạ, hấp dẫn, đầy tính khoa học và thẩm mỹ.



Hình IV-5. Dựa vào tọa độ nét chữ, kẻ chữ trên máy vi tính.

IV. SỬ DỤNG MÀU SẮC TRONG KÊ CHỮ

1. Khái niệm về màu sắc và cách pha màu trong hội họa

Từ cổ xưa, con người đã cho rằng người lạc quan nhìn mọi cái qua cặp kính hồng. Trái lại khi có chuyện buồn thì nhìn cái gì cũng thấy một màu xám xịt. Đúng là: *"Khi vui non nước cũng vui, khi buồn sáo thổi kèn chơi cũng buồn"*.

Ngày nay khoa học đã chứng minh rằng màu sắc có tác dụng đến tâm lý con người. Mỗi màu sắc gây ra trong óc người một phản ứng. Ví dụ màu lơ gây cảm giác yên tĩnh, màu xanh gây cảm giác an toàn.

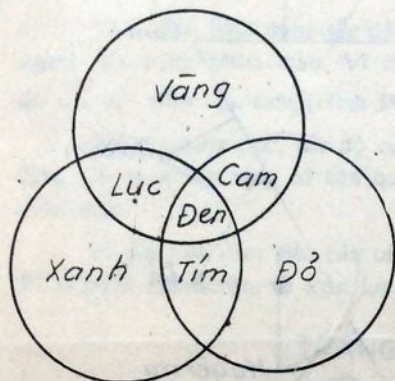
Người đi mua hàng, chẳng phải ngẫu nhiên, khi đi qua cửa hàng, họ chú ý nhiều đến hàng hóa có bao bì gây cảm tình cho họ.

Vì vậy, để tăng phần thẩm mỹ, để làm cho chữ được tươi sáng, nổi bật so với cảnh sắc chung quanh, để gây sự chú ý của người đọc

đến nội dung cần biểu thị, thì ngoài việc chọn kiểu chữ thích hợp nội dung, người ta còn dùng màu để kẻ chữ, hoặc kẻ chữ trên nền màu.

Việc pha và sử dụng màu sắc thế nào cho hài hòa để đạt yêu cầu nội dung mong muốn trong từng hoàn cảnh cụ thể, là vấn đề có nội dung rộng, ở đây chúng tôi chỉ xin giới thiệu một số nét chính.

Trong hội họa có ba màu cơ bản: vàng (vàng chanh), đỏ, xanh (lam, dương). Màu cơ bản còn gọi là màu bậc 1.



Hình IV-6

màu:

Vàng cam (nghệ) = Vàng + Cam

Đỏ cam (gạch) = Đỏ + Cam

Huyết dụ (hoa lựu) = Đỏ + Tím

Chàm = Tím + Xanh

Xanh lục (phí thủy) = Xanh + Lục

Vàng lục (lá mạ, lưu hoàng) = Vàng + Lục

Sáu màu trên được gọi là màu bậc 3

Với cách pha trộn như trên cho màu bậc 2 và bậc 3 đứng cạnh nhau cùng số lượng đôi một, ta được 12 màu bậc 4. Màu bậc 3 và màu bậc 4 gọi là màu chồng kép.

Tiếp đến là ba màu hình thành do pha thứ tự đôi một ba màu cơ bản:

Cam = Đỏ + Vàng

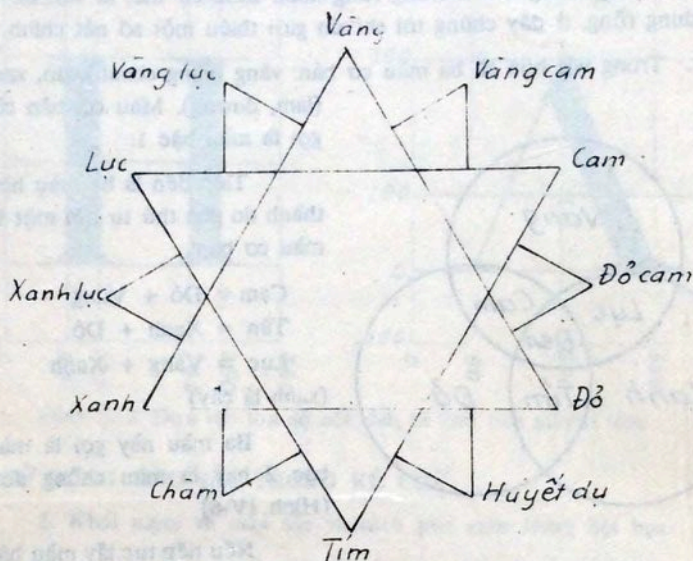
Tím = Xanh + Đỏ

Lục = Vàng + Xanh
(xanh lá cây)

Ba màu này gọi là màu bậc 2 hay là màu chồng đơn (Hình IV-6)

Nếu tiếp tục lấy màu bậc 1 và bậc 2 đứng cạnh nhau pha cùng số lượng đôi một, ta có 6

Tất cả các màu trên và những màu trung gian của chúng, gọi là màu có sắc, hợp lại thành bảng phân màu tượng trưng ở bản vẽ hình sao dưới đây (Hình IV-7).



Hình IV-7

Màu đen, màu trắng và màu trung gian của chúng là màu xám, là màu trung hòa, nó không nằm trong bảng phân màu. Nó là màu không sắc.

Các màu có sắc biểu hiện các đặc tính như: sắc độ, cường độ màu và độ sáng của màu. Còn màu không sắc khác nhau chỉ về độ sáng.

Hiện nay, trên thị trường có bán 12 màu đã pha sẵn, ta không cần tìm cách pha trộn, mà chỉ pha các màu trung gian của chúng và tìm cách kết hợp màu sẵn có đó cho được hài hòa khi sử dụng.

2. Những yếu tố của màu sắc

Để định màu sắc trong hội họa, người ta dùng các yếu tố:

a. **Sắc:** Để chỉ vị trí của màu nào đó trong bảng phân màu, hoặc trong quang phổ.

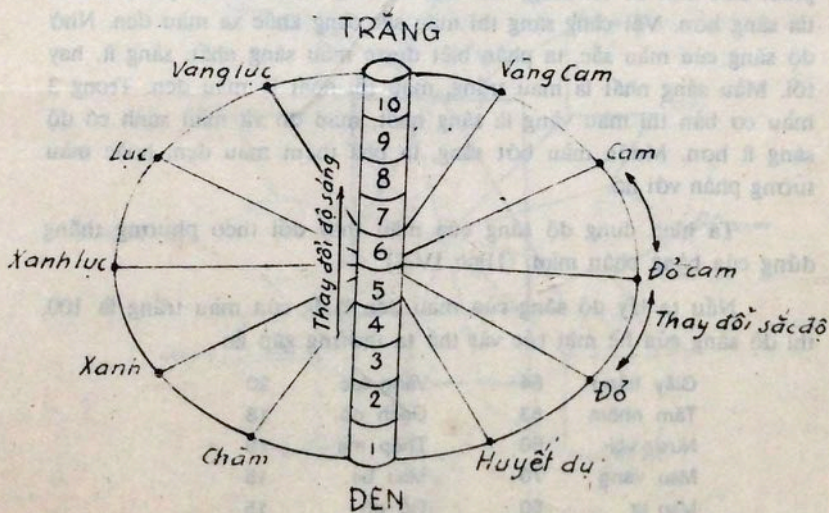
Sắc độ của màu sắc là tính chất cơ bản xác định sự khác nhau của màu có sắc này, so với màu có sắc khác.

Ví dụ: Đỏ khác lục, cam khác vàng

Ta có thể hình dung sắc độ của màu thay đổi trên mặt phẳng ngang của bảng phân màu. Ví dụ: Sự thay đổi sắc độ của màu đỏ \rightarrow đỏ cam \rightarrow cam (Hình IV-8)

Trong quang phổ, sắc độ của màu phụ thuộc vào tần số dao động của sóng ánh sáng có liên quan đến độ dài của các bước sóng khác nhau.

Ví dụ: Các cảm giác của ta về màu đỏ xuất hiện khi có sóng dài 780-610 milimicrôn, về màu lục 560-490 milimicrôn,..., về màu tím



Hình IV-8

460-380 milimicrôn. Ngoài các giới hạn này thì con người không còn cảm giác được màu sắc. Các sóng với tần số dao động nằm ở vùng cao hơn màu tím mang tên tia cực tím. Các sóng với tần số dao động nằm ở vùng thấp hơn của màu đỏ, mang tên tia hồng ngoại. Tia cực tím và tia hồng ngoại là hai đầu mút của quang phổ.

b. Cường độ màu để chỉ mức độ đậm, nhạt của màu, hay là mức độ biểu hiện sắc độ của màu sắc. Cường độ màu được xác định bởi số lượng tương đối giữa màu có sắc và màu trắng.

Sắc độ của màu nào đó biểu hiện càng mạnh, thì màu đó càng đậm. Muốn cho cường độ màu giảm, thì ta pha thêm màu trắng.

Ở ngành in, người ta còn dùng "tram" dạng chấm, hình vuông, quả trám, đường chéo...với kích thước khác nhau, khoảng cách khác nhau để tăng, giảm cường độ của màu sắc.

c. Độ sáng của màu để chỉ mức độ khác nhau của màu nào đó với màu đen. Độ sáng của màu sắc được xác định bởi số lượng ánh sáng được chiếu vào, hoặc được phản ánh. Mặt của vật thể này có thể phản ánh một số tia sáng, mặt của vật thể khác có thể phản ánh ít tia sáng hơn. Vật càng sáng thì màu sắc càng khác xa màu đen. Nhờ độ sáng của màu sắc, ta phân biệt được màu sáng nhất, sáng ít, hay tối. Màu sáng nhất là màu trắng, màu tối nhất là màu đen. Trong 3 màu cơ bản thì màu vàng là sáng nhất, màu đỏ và màu xanh có độ sáng ít hơn. Muốn màu bớt sáng, ta pha thêm màu đen, hoặc màu tương phản với nó.

Ta hình dung độ sáng của màu thay đổi theo phương thẳng đứng của bảng phân màu. (Hình IV-8).

Nếu ta lấy độ sáng của màu đen là 0, của màu trắng là 100, thì độ sáng của bề mặt các vật thể ta thường gặp là:

| | | | |
|------------|----|----------|----|
| Giấy trắng | 84 | Vàng lục | 20 |
| Tấm nhôm | 83 | Gạch đỏ | 18 |
| Nước vôi | 80 | Thép mạ | 16 |
| Màu vàng | 70 | Màu be | 15 |
| Màu lơ | 50 | Gỗ gỗ | 15 |
| Gỗ | 38 | Đỏ sẫm | 10 |
| Bê tông | 32 | Màu tím | 5 |
| Màu cam | 30 | | |

d. Màu nóng, màu lạnh

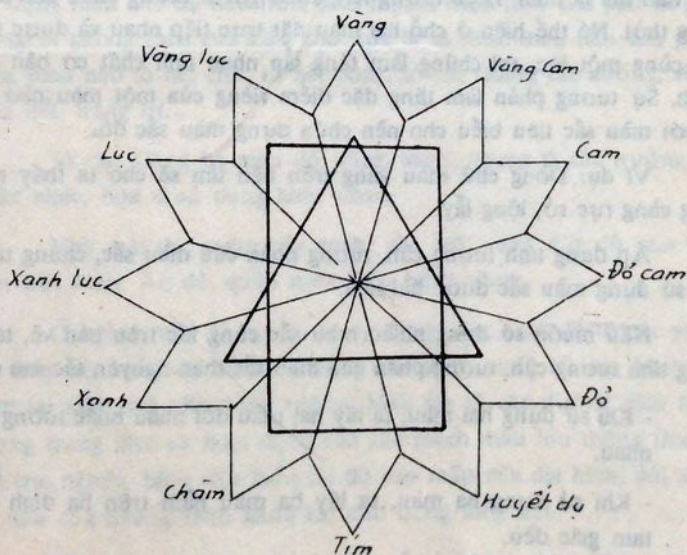
Xét về độ sáng của màu, người ta còn phân ra màu nóng và màu lạnh.

Màu nóng là màu có bước sóng và năng lượng lớn, như màu đỏ, gợi lên cảm nghĩ về nắng, về lửa, là màu có độ sáng lớn, gây cảm giác gần lại, sáng sủa, nhẹ nhàng, rộng lớn hơn. Những màu đi từ vàng lục đến tím (theo chiều kim đồng hồ trong bảng phân màu) bao gồm màu vàng, màu đỏ và các màu trung gian của chúng, là màu nóng.

Màu lạnh là màu có bước sóng và năng lượng nhỏ, như màu tím, gợi lên cảm nghĩ về nước, về bầu trời, băng giá, bóng tối... là màu có độ sáng kém, gây cảm giác an thần, êm dịu, ấm cúng, lắng chìm, nặng nề, xa xôi hoặc bé nhỏ hơn. Những màu đi từ tím đến vàng lục và các màu trung gian của chúng là màu lạnh.

đ. Màu tương cận, màu tương phản

Qua bảng phân màu (Hình IV-9) ta thấy:



Hình IV-9

- Màu cam đứng giữa màu vàng cam và đỏ cam, màu vàng đứng giữa màu vàng cam và vàng lục..., gọi đó là những màu tương cận.

Màu tương cận là hai hay nhiều màu cùng chung một màu chủ yếu khi pha và đứng kề nhau trong bảng phân màu.

- Màu vàng đối diện với màu tím, màu cam đối diện với màu xanh, màu đỏ đối diện với màu lục... Đó là những màu tương phản.

Màu tương phản là những màu đối nhau trong bảng phân màu, khi pha không cùng chung một màu chủ yếu.

Nếu từ bảng phân màu ta kẻ những hình tam giác đều, thì ba màu nằm trên ba đỉnh của tam giác, như vàng, đỏ, xanh, cam, tím, lục...cũng được gọi đó là những màu tương phản (nhẹ).

Sự tương phản, tương cận của màu sắc là thuộc về đặc tính cơ bản của các cảm giác thị giác. Cùng một màu nào đó ta có thể cảm giác thấy lúc thì sáng hơn, lúc thì tối hơn, do chỗ nó nằm trên phông nền nào mà ta nhìn. Hiện tượng này được gọi là tương phản ánh sáng đồng thời. Nó thể hiện ở chỗ hai màu đặt trực tiếp nhau và được tiếp thu cùng một lúc, thì chúng làm tăng lẫn nhau tính chất cơ bản của mình. Sự tương phản làm tăng đặc điểm riêng của một màu nào đó, so với màu sắc tiêu biểu cho nền chứa đựng màu sắc đó.

Ví dụ: Dòng chữ màu vàng trên nền tím sẽ cho ta thấy màu vàng càng rực rỡ, lộng lẫy.

Áp dụng tính tương cận, tương phản của màu sắc, chúng ta có thể sử dụng màu sắc được hài hòa.

Nếu muốn sử dụng nhiều màu sắc cùng lúc trên bản vẽ, ta áp dụng tính tương cận, tương phản của màu sắc theo nguyên tắc sau đây:

- Khi sử dụng hai màu, ta lấy hai màu đối nhau hoặc tương cận nhau.
- Khi sử dụng ba màu, ta lấy ba màu nằm trên ba đỉnh một tam giác đều.
- Khi sử dụng bốn màu, ta lấy bốn màu nằm trên bốn đỉnh một hình vuông, hoặc bốn đỉnh một hình chữ nhật.

- Khi sử dụng 5, 6 màu, ta lấy các màu nằm trên đỉnh hình 5, 6 cạnh.... (Hình IV-9)

Khi tô màu cần chú ý mấy điểm sau:

- Khi tô không để mặt giấy gồ ghề. Cần quét trước một lớp nước để tẩy chất mỡ, bụi bặm, tạo điều kiện cho màu thấm đều, để khô mới tô màu lên.

- Màu nên pha nhạt hơn màu mong muốn một chút, tô làm hai lần sẽ đậm như màu mong muốn. Tô lần trước để khô mới tô lần sau. Khi tô không được để màu đọng thành vũng. Mảng tô lớn lần trước dùng bút tô quét ngang, lần sau bút tô quét dọc, thì màu mới đều.

3. Ấn ngữ của màu sắc

Màu sắc cũng có ngôn ngữ riêng. Tuy ta tuân theo nguyên tắc sử dụng màu như đã nêu trên, ta còn phải chọn màu cho phù hợp nội dung và phong cách của kiểu chữ, tức là ta chọn màu nào làm phông nền, màu nào tô nét chữ, tô nét bóng, tô các chấm, các đường, vẽ các họa tiết, trang trí....

Ví dụ: Cũng ba màu đỏ, vàng, xanh, nhưng ở các trường hợp khác nhau, họa sĩ sử dụng khác nhau:

Nhà mái đỏ, vườn cây xanh, nền trời vàng. Cờ đỏ, sao vàng, nền trời xanh. Áo đỏ, quần xanh thêu bông vàng.

Ở ngành bản đồ, người ta sử dụng màu xanh để tô các yếu tố về thủy hệ, biểu thị niềm hy vọng mà sông, suối, hồ ao, kênh rạch đem lại màu mỡ cho đồng ruộng. Màu đỏ tô các đường giao thông, tượng trưng như sự hoạt động của các mạch máu lưu thông trong cơ thể con người. Màu nâu biểu thị độ cao thấp của địa hình, nói lên sự ẩn náu của những tiềm năng kín đáo trong lòng đất.

Một kiểu chữ vui mà tô màu sắc âm đạm, lạnh lẽo, một kiểu chữ buồn mà tô màu sắc sỡ, diêm dúa là điều nên tránh.

Sau đây chúng tôi xin nêu đặc tính của một số màu:

- Màu đỏ biểu thị sự kích thích, sự hoạt động, sự giục giã, sự chiến đấu, sự nồng nàn say đắm.
- Màu hồng biểu thị sự trẻ trung, tươi vui, hăng say, yêu thương.
- Màu vàng biểu thị vui vẻ, yêu đời, nhí nhánh, huy hoàng.
- Màu cam biểu thị sự bùng nổ, nóng nảy, say sưa, bộp chộp, kiêu hãnh.
- Màu lơ biểu thị sự yên lành, nghỉ ngơi, mát mẻ, êm dịu, hòa bình.
- Màu xanh biểu thị sự trầm tĩnh, hy vọng, trung thành.
- Màu tím biểu thị sự thần thiết, thơ mộng, huyền ảo, khoan dung và biểu tượng cho lễ nghi.
- Màu nâu biểu thị cho sự an phận, kín đáo.
- Màu đen biểu thị sự tuyệt vọng, tang tóc, buồn khổ.
- Màu trắng biểu thị sự ngây thơ, trong trắng, trang trọng, thanh khiết.

Người ta còn sử dụng xen kẽ các màu với nhau để tạo ra những cảm giác mong muốn như sau:

- Màu tối nổi rõ trên nền màu sáng cho ta ấn tượng về sự mạnh mẽ.
- Màu sáng nổi rõ trên nền màu tối, cho ta ấn tượng nhẹ nhàng.
- Màu lạnh có xen kẽ một thoáng chút màu nóng thì màu lạnh sẽ ấm hơn.
- Màu nóng có xen kẽ một thoáng chút màu lạnh thì màu nóng sẽ mát dịu hơn.
- Những màu nóng sáng (vàng, vàng cam, cam, đỏ cam) đặt phía trên kích thích tâm trí; đặt bên cạnh làm cho ấm áp hơn; đặt phía dưới làm cho nhẹ nhàng hơn và như đỡ lên cao.

- Những màu nóng tối (huyết dụ, tím) đặt phía trên gây ấn tượng cô đơn, tăng thêm tính bệ vệ; đặt bên cạnh gây ảo tưởng bao che; đặt phía dưới gây ấn tượng vững chắc.

- Những màu lạnh tối (chàm, xanh, xanh lục) đặt phía trên gây cảm giác đe dọa; đặt bên cạnh gây cảm giác lạnh lẽo; đặt phía dưới gây cảm giác nặng nề và lồi cuồn.

- Những màu lạnh sáng (vàng lục, lục) đặt phía trên làm cho tâm hồn như bừng sáng; đặt bên cạnh như có tác dụng hướng dẫn đường đi; đặt phía dưới gây ấn tượng nhấn bóng, làm cho người như muốn chạy rảo bước.

Phối hợp màu hài hòa, sử dụng màu đúng chỗ, bản kẻ chữ sẽ tăng phần thẩm mỹ, đạt được yêu cầu về nội dung và tình cảm mong muốn, nhất định sẽ thành công trong việc trình bày.

PHẦN NĂM

MỘT SỐ GỢI Ý VỀ SỬ DỤNG CHỮ

I. NGUYÊN TẮC CHUNG TRONG VIỆC SỬ DỤNG CHỮ

Ngày nay chữ Latinh mà nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới đang dùng làm Quốc ngữ, được sản xuất ra rất nhiều kiểu. Mỗi kiểu chữ ra đời đều mang phong cách, ngôn ngữ, đặc tính riêng. Vì vậy, khi sử dụng chữ, tùy yêu cầu nội dung công việc, tùy hoàn cảnh cụ thể mà ta lựa chọn kiểu chữ nào có khả năng phản ánh được nội dung cần diễn đạt và sử dụng cỡ chữ nào để bảo đảm sự hài hòa về bố cục.

Dùng chữ đúng chỗ, đúng cách thì nghệ thuật của chữ được nâng lên, nội dung được phản ánh sâu sắc, khai thác được đặc tính của kiểu chữ, góp phần làm sống động nội dung. Trái lại, sử dụng chữ không thích hợp và sai nguyên tắc, thì dù kiểu chữ đẹp mấy cũng không phát huy tác dụng.

Nguyên tắc trong việc sử dụng chữ là: Biết vận dụng ngôn ngữ và đặc tính riêng của từng kiểu chữ, biết hướng đặc tính của kiểu chữ vào việc phản ánh nội dung công việc và thích ứng với từng hoàn cảnh cụ thể.

II. ĐẶC TÍNH CƠ BẢN CỦA KIỂU CHỮ

Qua dáng dề họa, người ta phân biệt mỗi dáng chữ có phong cách như sau:

1. Chữ không nét chân có phong cách chung là rõ ràng, chắc khỏe, minh bạch, dứt khoát, gọn gàng, đơn giản, phản ánh nội dung nhạy bén, có sức thu hút nhanh người đọc. Người đọc chỉ lướt qua, cũng nắm được nội dung. Nhưng chữ không nét chân có phần khó khăn, cứng nhắc.

2. Chữ có nét chân có phong cách chung là đứng đắn, trang nghiêm, đường bệ, duyên dáng, có khả năng gợi cảm xúc, dễ làm cho người ta chú ý. Chữ mang tính thẩm mỹ, tính khoa học, xây dựng tỉ mỉ công phu.

3. Chữ viết có phong cách mềm mại, phong nhã, yêu kiều, bay bướm, phóng khoáng, lịch thiệp, thân thiết, mang tính thẩm mỹ cao.

Mỗi dáng chữ lại có nhiều kiểu cấu trúc khác nhau về hướng chữ (đứng, nghiêng), về mình chữ (rộng, vừa, hẹp), về độ đặc rỗng của nét, về tỷ lệ cỡ nét (đều nét, nhiều cỡ nét), về bụng chữ (chân phương, éo lá), về cấu trúc đầu chữ, chân chữ, đuôi chữ, mỏ chữ, cho nên ngoài phong cách chung, mỗi kiểu chữ còn có đặc tính riêng, ngôn ngữ riêng.

Dựa theo cấu trúc chữ, người ta phân loại các đặc tính của chữ như sau:

- Loại chữ có mình vừa, nét cỡ vừa thì chững chạc, cân đối, tao nhã.
- Loại chữ có nét mập đều thì bệ vệ, chắc chắn, khỏe mạnh.
- Loại chữ có nét rất thanh và nét rất mập thì dễ gây cảm xúc và dễ làm cho người ta chú ý.
- Loại chữ có hướng nghiêng gợi cảm xúc thanh thoát, nhẹ nhàng dễ chịu.
- Loại chữ có nét rộng giữa thì vui tươi, thoải mái, phóng khoáng.
- Loại chữ có nét ngang mập hơn nét đứng thì nặng nề, cục mịch.
- Loại chữ có nét chân, nét cỡ vừa, mình hẹp thì đứng đắn trang nhã.
- Loại chữ có chữ O bụng nghiêng về một bên, có các chữ K, R, Q chân và đuôi choãi ra thì duyên dáng.

- Loại chữ có đầu chữ A cắt chéo hình lòng chảo, nét ngang giữa của các chữ E, H, A nằm cao hơn trục ngang của chữ, đuôi và chân các chữ P, R, Q, N, E, K, L mềm mại thì nghiêm chỉnh, trang nhã.

- Loại chữ có nét chân dài, mình chữ rộng, tỷ lệ giữa các cỡ nét quá chênh lệch thì ngộ nghĩnh, không được nghiêm trang, tề chỉnh.

- Loại chữ theo kiểu chữ viết thì yêu kiều, bay bướm, phóng khoáng, giàu tình cảm.

Thời xưa, người ta tin rằng, từ chữ viết có thể nhận biết được cá tính, khả năng và thế giới nội tâm của con người. Môn "Xem tướng chữ" đã đưa vào chương trình khoa Tâm lý học của sinh viên ở một số nước. Các nhà nghiên cứu nét chữ (graphologue) đã kết luận:

- Chữ viết ấn mạnh nói lên thể lực, năng khiếu, cảm tính và nghị lực.

- Chữ viết yếu và không đều biểu hiện sự thiếu tin tưởng, thiếu quyết đoán.

- Chữ viết rời rạc hay nhấc bút là người mơ mộng, không thực tế.

- Chữ viết quá nghiêng là dấu hiệu sự thiếu kiên trì, không ổn định.

- Chữ viết thật thẳng đứng là người có tính tình kín đáo, trầm tính.

- Chữ viết rộng rãi, mình doãng ra là người có nghị lực, thích giao du, không khách khí, khao khát thành công.

- Chữ viết cứ to dần về cuối từ là người láu lỉnh, thận trọng.

- Chữ viết với dòng chữ leo dốc chứng tỏ người vui vẻ, phấn chấn.

- Chữ viết với dòng chữ chúm xuống biểu thị sự chán nản.

III. KIỂU CHỮ PHỤC VỤ CÁC ĐỐI TƯỢNG

Thời đại ngày nay, chữ được sử dụng khắp nơi, trong mọi lĩnh vực, và vô cùng đa dạng. Người ta tạm chia thành các đối tượng phục vụ của chữ như sau:

- Kiểu chữ phục vụ cho sách báo.
- Kiểu chữ phục vụ cho các công việc thông thường và quảng cáo kinh doanh.

1. Kiểu chữ phục vụ cho sách báo

Kiểu chữ dùng in sách báo yêu cầu phải rõ ràng, dễ đọc, đáng chữ đứng đắn, trang nhã, dù cả bộ chữ lớn, chữ con, chữ số, dấu chữ, dấu câu, đáng chữ có nét chân, không nét chân, chữ viết, hướng đứng, hướng nghiêng. Người ta còn dùng kiểu chữ lớn, kiểu chữ kiểu cách để sử dụng làm chữ đầu câu gọi là kiểu chữ Initiales. Kiểu chữ này thường không có chữ con.

Người ta còn trang bị một số bộ chữ ngoại ngữ để chú thích các từ quốc ngữ được dịch hay phiên âm tiếng nước ngoài, chữ Hy Lạp dùng trong toán học và khoa học, các mũi tên đường và liên kết (flèches et lignes de raccordement), các chỉ chạy quanh (filets), các dấu trang trí (signes décoratifs), các ký hiệu chuyên ngành như các ký hiệu của công thức toán học, hóa học, các ký hiệu về thiên văn, khí tượng, bưu điện, thực vật, làm vườn, thương mại, đo lường, tiền tệ, khách sạn, du lịch, cắm trại, âm nhạc, âm học, phát thanh, truyền hình, tôn giáo.... Mỗi loại chữ, dấu, ký hiệu phải có nhiều cỡ (corps). Nói chung nhà in nào cũng phải chuẩn bị đầy đủ.

Nhưng đối với các tít sách, tít các bài báo thì phải chọn kiểu chữ cho phù hợp loại sách và nội dung quyển sách.

Sách có nhiều loại: khoa học-kỹ thuật, văn hóa-nghệ thuật, nhân tình đạo lý, lịch sử, an ninh, du lịch, thể thao, danh lam thắng cảnh, y học, thực vật, động vật, môi trường, nghề nghiệp.... Mỗi loại có nội dung muôn hình, muôn vẻ. Cũng là tiểu thuyết tâm lý xã hội, nhưng nội

dung quyển sách này có thiên tình sử éo le với kết cuộc tan vỡ, quyển kia có kết cuộc hạnh phúc tràn trề. Cũng là chuyện lịch sử, nhưng có lịch sử một thời đại, lịch sử một danh nhân, một bậc anh hùng với chiến công lừng lẫy, một bậc anh hùng với chiến công thầm lặng. Có nội dung nói lên cái chính thắng cái tà, có nội dung nói lên cái ác thắng cái thiện...

Tít sách chỉ mấy dòng ngắn gọn, thậm chí chỉ mấy từ, có nhiệm vụ nêu được nội dung chính của sách. Nếu sử dụng kiểu chữ phù hợp (có thể kết hợp màu sắc, hình vẽ và phông nền) người đọc tít có thể hình dung câu chuyện trong sách xảy ra ở phương Đông hay phương Tây, vào ngày xa xưa hay hiện tại, kết cuộc bi thảm hay rạng rỡ, chính nghĩa thắng hung tàn hay ngược lại. Thậm chí người đọc có thể tưởng tượng ra hình ảnh, qui mô, màu sắc, bản chất, đặc tính của sự vật, hiện tượng được mô tả trong sách.

Thông thường, đối với các tác phẩm văn học-nghệ thuật, tài liệu khoa học-kỹ thuật thì dùng kiểu chữ khiêm tốn, trang nhã như kiểu chữ có nét chân nét cỡ vừa, kiểu chữ có các chữ P, R, Q, N, E, L với đuôi và chân mềm mại, kiểu chữ có các chữ O, Q mà bụng hơi nghiêng.

Tít các sách chính trị, các loại sách có tính chất kinh điển thì dùng các kiểu chữ đúng đắn, nghiêm chỉnh. Có thể dùng kiểu chữ có nét chân ngắn, hoặc nét chân bụ, kiểu chữ không nét chân mình hẹp, nét cỡ vừa.

Tít các sách tôn giáo, lịch sử phương Tây nên dùng kiểu chữ thời kỳ Tôn giáo, như các kiểu chữ Quadrata, Rustica, Onciale, Gothique. Tít sách lịch sử phương đông thường dùng kiểu chữ có nét hình dốt tre, trúc, kiểu chữ nét bút nho trên nền rỗng, mây, loan, phương.

Tít các bài báo mang tin tức quan trọng và sốt dẻo, cần thu hút mạnh sự chú ý của người đọc, người đọc chỉ lướt qua cũng nắm được nội dung, thì dùng kiểu chữ nét đều mập, kiểu chữ có nhiều cỡ nét, kiểu chữ có nét mập và nét thật mập.

Chữ con cũng làm tít các tác phẩm về thơ ca, về thiếu niên nhi đồng, các tác phẩm nêu nhân vật bình thường nhưng làm nên việc lớn.

Kiểu chữ kiểu cách cũng dùng làm tít sách báo nếu nội dung phù hợp.

2. Kiểu chữ phục vụ các công việc thông thường và quảng cáo, kinh doanh

a. Kiểu chữ phục vụ các công việc thông thường (còn gọi là công việc vặt). Nếu nội dung công việc nghiêm túc, đặt nơi trang trọng, có tính chất lâu dài, như khẩu hiệu, trích ngôn lân tự, danh nhân, thì nên dùng kiểu chữ có nét chân, nhưng tránh nét chân dài, mình chữ rộng, tỷ lệ giữa các cỡ nét không nên quá chênh lệch. Dùng chữ không nét chân cỡ vừa cũng được, nhưng dễ tạo cảm giác khô cứng.

Với các khẩu hiệu, trích ngôn dùng thời gian ngắn, thì nên dùng kiểu chữ không nét chân với nét đều, mình hẹp, bố cục thành từng mảng, dễ đọc, không nên dùng kiểu chữ có nét chân, kẻ công phu, mất thì giờ.

Kiểu chữ phục vụ công việc mà người đọc lướt qua phải nắm ngay nội dung, như các bảng cáo thị nơi công cộng, panô, áp phích, bảng hướng dẫn giao thông, bảng ghi tên đường phố, bảng số xe, hoặc các ghi chú trên phương tiện giao thông, một dòng hay nhiều dòng, với cỡ lớn nào đó từ xa đã trông thấy, thì dùng kiểu chữ không nét chân cỡ vừa, cỡ mập, hoặc kiểu chữ có nét chân thật ngắn, hoặc nét chân bụ. Các kiểu chữ đó và kiểu chữ viết dùng ghi các mục giới thiệu trên màn truyền hình, dùng ghi thuyết minh phim thì dễ đọc hơn các kiểu chữ khác.

Kiểu chữ phục vụ công việc giao tiếp, như các loại thiệp, tiêu đề giấy viết thư, thì dùng kiểu chữ không nét chân với nét đều thanh, cỡ vừa, các kiểu chữ viết duyên dáng, đúng đắn, lịch sự. Ở các thiệp cưới, tên cô dâu, chú rể còn dùng kiểu chữ Gothique vừa nghiêm chính, vừa trang nhã.

Diễn viết các loại văn bằng, giấy khen thưởng thì dùng kiểu chữ của ngòi bút dẹt đầu, vừa trang trọng, vừa thẩm mỹ.

Tít bìa các sổ sách văn phòng như sổ công văn đi, đến, hồ sơ cán bộ nhân viên, sổ xuất nhập vật tư, sổ quỹ..., sau khi dùng xong còn lưu trữ lâu dài, thì dùng các kiểu chữ đứng đắn, trang nhã không nét chân và có nét chân. Ở phương Tây người ta thường dùng kiểu chữ "bưu chính".

Các kiểu chữ phục vụ công việc có nội dung vui tươi thì dùng kiểu chữ phóng khoáng, như kiểu chữ có nét chân cỡ vừa, cỡ thanh, các kiểu chữ nét rộng giữa, hoặc tô màu sắc vui tươi như màu hồng, màu vàng.

Các kiểu chữ phục vụ công việc có nội dung đau buồn, tang tóc thì kiểu chữ có dáng nặng nề, nét chữ tô màu sắc lạnh lẽo, âm đạm.

b. Kiểu chữ phục vụ công việc quảng cáo kinh doanh. Đó là các kiểu chữ dùng để vẽ, in, đắp, đúc, chạm khắc, thêu...trực tiếp trên sản phẩm, hoặc trên bao bì sản phẩm, là các kiểu chữ dùng kẻ vẽ các bảng quảng cáo nghề nghiệp, tuồng kịch, tít phim, chương trình dạ hội, dùng kẻ bảng nhà hàng, cửa hiệu, cơ quan xí nghiệp, trường học..., dùng kẻ các đề mục giới thiệu thành tích ở các nhà bảo tàng, nhà truyền thống, giới thiệu linh năng, mẫu mã hàng hóa ở các cuộc triển lãm, hội chợ, dùng trong trang trí nội thất, ghi tộc họ ở mí nhà, dùng quảng cáo lịch năm..v.v.

Các kiểu chữ thuộc loại này, yêu cầu phải luôn luôn mới lạ, hấp dẫn, đường nét bay bướm, vui nhộn, ngộ nghĩnh, màu sắc rực rỡ. Người ta thường dùng đủ các kiểu chữ có nét chân, không nét chân, kiểu chữ viết, kiểu chữ kiểu cách, kiểu chữ có nét rất mập, hoặc có nét ngang mập, kiểu chữ có khối đặc, kiểu chữ có trang trí giữa nét chữ, xung quanh nét chữ, giữa khối chữ, xung quanh khối chữ, kiểu chữ nổi, kiểu chữ chìm, kiểu chữ nhìn từ trên xuống, nhìn từ dưới lên, nhìn từ cạnh sang, nhìn từ gần đến xa, kiểu chữ nằm, kiểu chữ nghiêng, kiểu chữ uốn gập, chữ lồng vào nhau. Có khi dùng hình vẽ hoa lá, cỏ cây, hình

người, hình vật, mảnh tôn uốn, cây gỗ ghép, biểu tượng ngành nghề làm nét chữ.

Đối với các sản phẩm mà chữ ghi quá nhỏ như ở mặt đồng hồ đeo tay, đồ trang sức bằng kim hoàn, ở ngòi bút máy, ở băng tìm sóng của radio....thì nên dùng kiểu chữ không nét chân nét đều thì mới dễ đọc.

Kẻ bảng hiệu quảng cáo kinh doanh, tuy dùng các kiểu chữ mới lạ, hấp dẫn, bay bướm, vui nhộn, ngộ nghĩnh, nhưng không được rườm rà, rậm rạp, có độ lún hợp lý để người đi lướt qua đọc được ngay. Nên tìm các kiểu chữ phù hợp nội dung công việc. Ví dụ như nghề thợ ảnh có kiểu chữ dạng sáng tối, kiểu chữ Flash (kiểu chữ nhìn qua diaphragme của máy ảnh), nghề chế biến gỗ có kiểu chữ mà nét là cành cây hay mảnh gỗ uốn ghép, nghề cắt kính có kiểu chữ Choc (chạm vỡ), nghề sản xuất vật liệu xây dựng có kiểu chữ mà nét là gạch hay đá xây, nghề điện tử có kiểu chữ điện tử, nghề gò hàn có kiểu chữ là mảnh tôn uốn ghép, nghề chế biến hải sản có kiểu chữ mà trong lòng nét chữ có tôm cá nhảy bơi, nghề kim hoàn có kiểu chữ chạm bạc. Công việc có nội dung trong sáng thì dùng kiểu chữ Cristal (trong sáng như pha lê)..v..v..

Kiểu chữ tên cơ quan, trường học, bệnh viện nên dùng kiểu chữ đứng dẫn, nghiêm chỉnh, tránh kiểu chữ lơ lửng, ngộ nghĩnh.

Hiện nay, nhiều cơ quan Nhà nước có bảng hiệu tại trụ cổng, khuôn khổ vừa nhỏ, chữ chìm, rất khó đọc, khó tìm.

Kiểu chữ dùng triển lãm ở nhà truyền thống, ở nhà bảo tàng có nội dung nghiêm chỉnh, phải dùng kiểu chữ nghiêm trang, đứng dẫn.

Cửa hàng, cửa hiệu có hoạt động ban đêm, thì bảng hiệu thường dùng các kiểu chữ nổi, các kiểu chữ mà nét là đèn huỳnh quang, đèn nhấp nháy.

Kiểu chữ nét đèn còn dùng giới thiệu nội dung chương trình dạ hội, dùng lưu ý khách một vấn đề nào đó như giữ gìn vệ sinh công cộng, thông báo giờ bay, giờ chạy của tàu xe, chúc mừng năm mới, chào mừng đoàn khách....

Ghi tộc họ ở mái nhà, thì dùng kiểu chữ đắp nổi.

Khắc chìm ở các bia văn thì dùng kiểu chữ khắc bia.

Trang trí cho đồ gỗ thì dùng kiểu chữ khắc gỗ.

Kiểu chữ thêu thì dùng loại uốn chuyển, bay bướm. Nhưng thêu cò, thêu hoành phi câu đối thì kiểu chữ phải trang nhã, đúng đắn.

Kiểu chữ in trên áo, trên đồ da thì tùy tính chất sản phẩm mà sử dụng các kiểu chữ mạnh chắc, bay bướm, kiểu chữ kiểu cách, kiểu chữ có nét đặc, nét rõ. Nhưng in trên áo vận động viên thì dùng kiểu chữ không nét chân, nét đều vừa hay mập (tùy theo màu áo mà nét đặc hay rõ giữa) để đồng đội và trọng tài dễ theo dõi khi di chuyển.

Kiểu chữ ở ổ bánh mùng tân hôn, sinh nhật thì dùng kiểu chữ mềm mại, đúng đắn, thân thiết như kiểu chữ viết, kiểu chữ không nét chân mình vừa, nét đều.

Một số nơi trong nội bộ xí nghiệp, nhà hàng, muốn cấm lưu thông ban đêm thì dùng kiểu chữ đèn Stop.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, gần đây có một số tờ báo cho ra những kiểu chữ dưới dạng tranh biếm họa, để phê phán những hiện tượng tiêu cực, thiếu văn minh lịch sự trong cuộc sống.

Các kiểu chữ phục vụ quảng cáo, kinh doanh rất đa dạng. Nhưng kiểu chữ có nội dung phù hợp công việc chưa nhiều, nên ở các bảng hiệu, nhãn hàng người ta phải vẽ thêm hình hay biểu trưng để làm rõ thêm nội dung quảng cáo. Ví dụ: bên cạnh tên hiệu bán dược phẩm vẽ con rắn quấn ly rượu, tên hiệu chụp hình có vẽ máy ảnh, nhãn mì ăn liền vẽ một tôm, hai tôm v.v...

Trên thực tế đã có nhiều kiểu chữ mang nội dung phù hợp, nhưng không được ai giới thiệu đặc tính, phong cách, nội dung, nên người dùng không biết để dùng, người đọc không rõ nội dung ý nghĩa.

Chúng tôi xin giới thiệu tại phụ lục III một số kiểu chữ quảng cáo.

Chữ số cũng như chữ, được sử dụng rộng rãi trong quảng cáo, không phải chỉ để đếm và tính toán.

Trước kia chữ số La Mã được trình bày trên mặt nhiều kiểu đồng hồ.

Chữ số Ả-rập, ngoài việc dùng tính toán, dùng ghi năm xây dựng ở mái nhà, ghi niên hiệu ở các bia văn, ghi bảng số tàu xe, số nhà, số đường phố, đánh số thứ tự vận động viên thi đấu, còn đóng vai trò quan trọng trong việc quảng cáo các hàng công, nông nghiệp, quảng cáo các kiểu đồng hồ, máy tính, lịch năm, kê bảng số nhà hàng, cửa hiệu, kê bảng hướng dẫn giao thông. Trên các bảng biểu thống kê giới thiệu thành tích ở các cuộc triển lãm, ở các nhà truyền thống, chữ số có khả năng minh họa, thuyết minh nội dung với độc giả như một bức tranh hay một văn bản.

IV. PHỐI HỢP CÁC KIỂU CHỮ KHI SỬ DỤNG

Trong khi sử dụng chữ, ta cần biết phối hợp các kiểu chữ, thì mới nâng cao nghệ thuật sử dụng chữ, góp phần phản ánh rõ ý nghĩa của chủ đề, nhằm đạt yêu cầu cao nhất của nội dung.

Đối với nội dung công việc có nhiều dòng, nhiều từ thì song song với việc bố cục hợp lý các vế chính, vế phụ trong câu, để ý nghĩa được chặt chẽ, người ta thường phối hợp xen kẽ các kiểu chữ với nhau, cỡ chữ lớn xen kẽ cỡ chữ nhỏ, chữ có nét chân xen chữ không nét chân, hoặc chữ viết, chữ nét mập xen chữ nét thanh, chữ hướng đứng xen chữ hướng nghiêng trong việc trình bày tít sách, các loại thiệp, các nhãn hàng, các loại quảng cáo, panô, áp phích hoặc trong các công việc vật khác.

Người ta còn sử dụng chữ có màu sáng tối xen nhau khớp với nội dung các từ đó.

Trong việc phối hợp sử dụng chữ, muốn làm nổi bật ý chính, ý phụ của chủ đề, thì dáng chữ đóng vai trò chính trong chủ đề, phải chọn kiểu chữ có đặc tính phù hợp nội dung, cỡ chữ phải lớn hơn, đặt ở vị trí chính trong bố cục. Còn dáng chữ đóng vai trò phụ, ở vị trí ý nghĩa bổ sung cho chủ đề, thì kiểu chữ, ngoài việc mang đặc tính phù hợp nội dung ra, phải là kiểu chữ khác, cỡ chữ phải nhỏ hơn.

TRUYỆN KIỀU

NGUYỄN DU

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP

Hình V-1

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Hình V-2

3 1 2

**GIỮA
CHÚNG TA**

Hình V-3

TÓ HỮU
LÊ VĂN HẢO

từ ấy

thơ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

Hình V-4

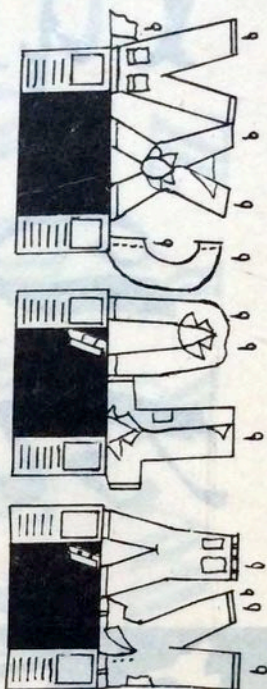
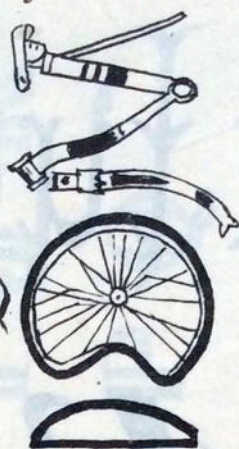
A B C
D E F G H I J K
L M N O P Q
R S T U V
W X Y Z

Hình V-5. Kiểu chữ “Bưu chính”

Vũ i t h o i
Đ A U
B U Ō N



Hình V-6.



Hình V-7. Chữ dưới dạng tranh biếm họa

The Dutchess County

SHAKESPEARE
DRAMA

FESTIVAL

THE COMEDIES

OCT. 4-18

THE BARN, MILLBROOK, N.Y.

Hình V-8. Quảng cáo Festival kịch Sêcxpia của nước ngoài

Tránh lối dùng nhiều loại chữ và nhiều kiểu chữ đồng cỡ xen lẫn nhau, mà không rõ loại nào là chính của chủ đề.

Những ý kiến trên và những kiểu chữ làm ví dụ mà chúng tôi trình bày trên, mới chỉ là những gợi ý, với hy vọng giúp bạn đọc một ít khái niệm về sử dụng chữ. Vì dáng chữ và cách sử dụng chữ là một hình nghệ thuật, cũng như các hình nghệ thuật khác, nó luôn luôn được sáng tạo và biến đổi không ngừng. Nó cũng có "mode" của từng thời kỳ. Nó phải hấp thu có lựa chọn các dáng chữ tinh hoa và cách trình bày ưu việt của thế giới, đồng thời biết kế thừa những kiểu chữ mang màu sắc đậm đà của dân tộc. Người sử dụng chữ không nên quá "ham" dáng chữ lạ, không phù hợp với tâm lý người đọc, hoặc quá khư khư với những dáng chữ cũ, cách trình bày sáo mòn mà phải nắm vững đặc tính, phong cách của từng kiểu chữ, nắm vững nội dung công việc cần thể hiện, nắm hoàn cảnh cụ thể nơi trình bày mà sử dụng kiểu chữ nào, kiểu chữ mới hay kiểu chữ cũ, cho linh hoạt và sáng tạo. Ngày nay, người đọc rất ngại đọc các kiểu chữ rườm rà rậm rạp, họ cảm thấy đau đầu, nhức mắt với kiểu chữ có màu sắc chói chang, cho nên, người sử dụng phải có trách nhiệm làm sao cho người đọc không bị ó nhiễm về tâm hồn, không bị ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, đồng thời ra sức góp phần đưa nghệ thuật sử dụng chữ ở nước ta lên một trình độ cao.

LỜI BẠT

Chữ Quốc ngữ ra đời với sự chuyển hóa từ chữ tượng hình Ai Cập cổ xưa. Dáng chữ là một biểu hiện bằng đồ họa của tư tưởng. Nghệ thuật tạo dáng chữ phát triển gắn liền với sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, trang trí qua các thời kỳ cổ Hy Lạp, La Mã, Tôn giáo, Phục hưng, Baroque, Cổ điển, Cận đại, Hiện đại.

Trước kia chữ chỉ được viết bằng tay hay chạm khắc. Khoa học ngày càng tiến bộ, nhiều kiểu chữ được sáng tạo không ngừng và ngày càng mang tính khoa học, tính thẩm mỹ cao.

Mỗi kiểu chữ ra đời, qua sử dụng được biến hóa thành kiểu chữ mới. Kiểu chữ mới đó lại được biến hóa thành kiểu chữ mới khác, làm cho kho tàng kiểu chữ của thế giới và mỗi nước càng thêm phong phú. Mỗi kiểu chữ có công thức cấu trúc riêng, có ngôn ngữ, đặc tính, phong cách riêng phản ánh một nội dung nào đó. Dựa theo dáng chữ, người ta chia thành 4 loại: Chữ không nét chân, chữ có nét chân, chữ viết và chữ kiểu cách. Kiểu chữ kiểu cách thường là từ ba kiểu chữ kia biến hóa ra.

Khi cấu trúc chữ, người ta thường dùng ô vuông làm chỗ dựa xây dựng chữ, dùng thước kẻ và compa để kẻ các nét chữ. Người ta còn dùng màu sắc, các dạng họa tiết để trang trí chữ. Các dạng họa tiết và màu sắc có ẩn ngữ, nếu dùng không phù hợp nội dung thì kiểu chữ có thể trở nên lố lăng. Ngày nay, với máy vi tính, người ta dựa vào tọa độ các nét chữ để xây dựng chữ, không phải vẽ bằng tay.

Bộ chữ Quốc ngữ khác bộ chữ Latinh là có thêm chữ Đ, thêm râu, mũ vào chữ, thêm dấu vào chữ, vào từ và không có các chữ F J Z W. Khi kẻ chữ cần phải bố trí dấu, râu, mũ vào chữ vào từ và khoảng trống giữa chữ với chữ, giữa từ với từ, giữa dòng với dòng cho hợp lý để bảo đảm tính cân đối trong việc bố cục.

Khi sử dụng chữ, ta phải biết vận dụng ngôn ngữ và đặc tính riêng của từng kiểu chữ, biết hướng đặc tính của kiểu chữ vào việc phân ảnh nội dung công việc và thích ứng với hoàn cảnh cụ thể. Ngoài ra ta còn phải biết phối hợp xen kẽ các kiểu chữ, cỡ chữ để nâng cao tính thẩm mỹ và đạt yêu cầu nội dung cao nhất trong việc trình bày.

Thời Phục Hưng mở màn cho nghệ thuật chữ in, thời đại máy vi tính nhất định sẽ tạo bước ngoặt mới cho việc phát triển nghệ thuật chữ cao hơn nữa.

PHỤ LỤC

ABC

DEFGHIJKLMNOP

QRSTUVWXYZ

123456789

abcdefghijklmnopqr

stuvwxyz

Kiểu chữ Garamont italique

A B C D E F
G H I J K L M
N O P Q R S T
U V W X Y Z

a b c d e f g h i
j k l m n o p q r
s t u v w x y z

Kiểu chữ Clarendon

abcdefghijklmnop

ghijklmnopqrstuvwxyz

ABCDEFGHIJK

LMNOPQRS

TUVWXYZ

A B C D E
F G H I J K L
M N O P Q
R S T U V W
X Y Z

Kiểu chữ Egypte italique

FLE S J
AURT K XV
CYND
OMWQ
GHPB
123456789
SĀIGŌN

Kiểu chữ Vendome

V Y T K A

M W

R E S B P F J L

O D U Q

H C X G N

I Z

1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

Kiểu chữ Vendome italique

A B C D E
F G H I J K K
J L M M N
O P Q R R S T
U V W X Y Z

Kiểu chữ Antique

A B C D E
F G H I J K L M
N O P Q
R S T U V Y X W Z
1 2 3
4 5 6 7 8 9

Kiểu chữ Initiale hẹp,

A B C D E
F G H J K L M N
O P Q R S T U
V W X Y Z
1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

Kiểu chữ Italian

ABC

DEF

GHIJKLM

NOPQRST

UVWXYZ

abcdefghijklmn

opqrst

uvwxyz

123456789

Kiểu chữ Walter Schenk

A B C D E F

G H I J K

L M N O P Q

R S T U V W

X Y Z

2 3 4 5 6 7 8

Kiểu chữ Chisel (1850)

A B C D
E F G H I J K L
M N O P Q R
S T U V W
X Y Z

A B C D E F G H
I J K L M N
O P Q R S T U V
W X Y Z

A B C

D E F

G H I J K L

M N O P Q

R S T U V

W X Y Z

a b c

d e f g h i j k l m n o

p q r s t u v w x y z

abcdefg

hijklmnopqrstuvwxyz

ABCDEFGHIJKLMNO

PQRSTUVWXYZ

1234567890

A B C D
E F G H I J
K L M N O Q
P R S T
U V W X Y Z

1 2 3
4 5 6 7 8 9

Kiểu chữ University

A a B b C c D d
E e F f G g H h I i J j K k L l
M m N n O o P p Q q R r S s T t U u V v
W w X x Y y Z z
2 3 4 5 6 7 8

Kiểu chữ Blippo

A A B B C C
D E E G H
K K L M N O O Q
P R R R S S T
T U U V V
W X Y Z
1 2 3 4 5 6 7 8

Kiểu chữ Busorama

A A B C
D E F G H H I J
K K L L M M
N N O P Q R R S
T U U V V W
W X Y Y Z
1 2 3 4 5 6 7 8 9

Kiểu chữ Tabasco

A B C D
E F G H J K
L M N O P
Q R S T U V
W X Y Z

Kiểu chữ điện tử

A B C D E

F G H I J K L M N

O P Q R S T

U V W X Y Z

1986

254570

Kiểu chữ Stop

A B C

D E G H I

K L M N O P

Q R S T U

V X Y

a b c d e g h i k

l m n o p q r s

t u v w x y

A B C D

E G H I K L M N O P Q

R S T U V X Y

a b c d e g h i k l m n o p

q r s t u v x y

A B C

D E F G H I

J K L

M N O P Q

R S T U

V X Y Z

A B C D E F
G H I J
K L M N O P O
R S T U V
W X Y Z
1 2 3 4 5 6
7 8 9

a b c d e

g h i k l

m n o p

q r s t u

v x y

ABC

DEFGHIJKLMNOPQRSTU

VZWXYZ

1234567890

ABC
DEFG
HIJK
LMNO
PQRS
TUVW
XYZ

123
456
789
0

AACA
EFAFA
FGAHT
KALALA
LNTRP
RASST
STHUT
VWV

Kiểu chữ Avant garde nét thanh

ABC
DEFG
HIJK
LMN

OPQ
RST
UVW
XYZ

123
345
678
90

AACA
©EFA
RGAH
KALALA

LNTR
RASSST
STTHUT
VVW

Kiểu chữ Avant garde nét vừa

ABC
DEFG
HIJK
LMN

OPQ
RST
UVW
XYZ

123
345
678
90

ACA
©EAEA
RGAHT
KALALA

LNTR
RASSST
STTHUT
VVW

Kiểu chữ Avant garde nét mập

A B C
D E F G H
I J K L M
N O P Q
R S T U V
W X Y
Z

Kiểu chữ Alex Stock

DALLÉ

GONGO

SPRING

Các kiểu chữ nghệ thuật

A B C
D E F G H
I J K L M
N O P Q
R S T U V W
X Y Z

Kiểu chữ Choc

a b c d
e f g h i j k
l m n o p
q r s t u v w
x y z
1 2 3 4 5 6 7 8 9

A B C D E

A B C D E F G

H I J K L M N

O P Q R S T U

V W X Y Z

H G N I K

Kiểu chữ African và kiểu chữ viết lịch sử

L M N O

P R S T W

1 2 3 4 5 6 7 8 9

✓ a b c d e f g h i j k l m
n o p q r s t u v w x y z

W X Y Z

W W S W W W

CALDER

SYMPHONIE

DISNEY

GARRON

KILBE

TRONG SÁNG

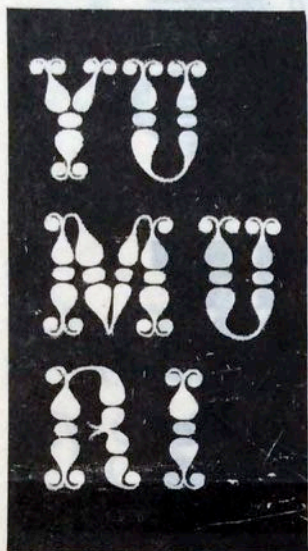
A B C D E f G H
I K L M N O P
R S T U V W X Y Z



HUE

**THRE
THRE
BLES**

**BAXON
CFGEL**



MORELIA

FLORIDA

ITALIA

COTTILLON

RIO PAPALOAPAN

TRADITIONS

W A R P O O

Ä Ö S E Ñ

W O M G

T A A R

A B C
D E F G H I J K
L M N O P Q
R S T U V
X Y Z
1 2 3 4 5 6 7 8 9

Kiểu chữ Jackson

A B C D E F

G H I J K L N

M O P Q R S

T U V W X Y

1 2 3 4 5

6 7 8 9 0

Kiểu chữ Flash

A B C D

I J K L M

S T U V

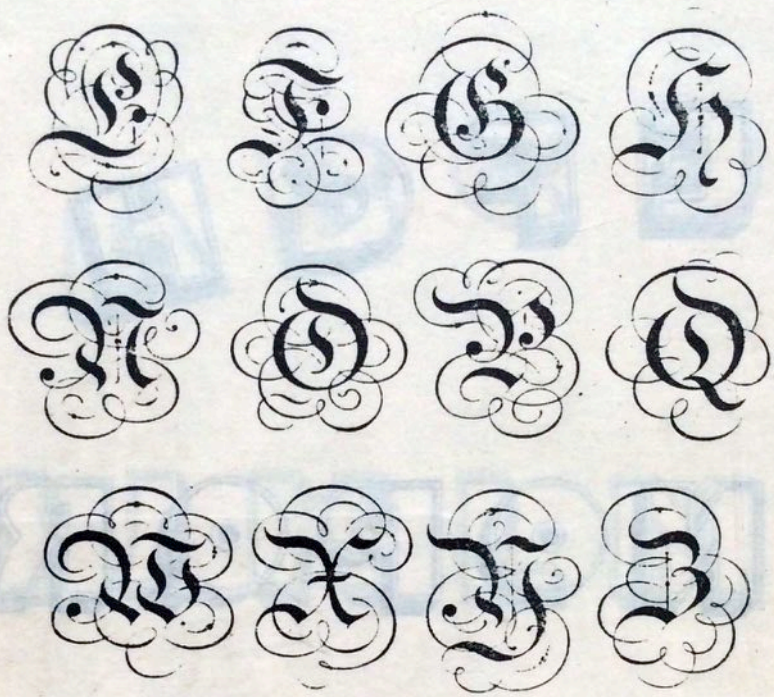
Kiểu chữ Gill mật

E F G H

N O P Q R

W X Y Z

John Day Company 1938



o p q r s t u v w x y z

Kiểu chữ Gothique năm 1888

A B C D

E F G H

I J K L M

ab c d e f g h i j k l m n

A B C D E F G

O P Q R S T

A B C D E F

N O P Q R S

Y Z 1 2 3 4

abcdefghijklmnopkl

wxyz 1234

H I J K L M N

U V W X Y Z

G H I J K L M

T U V W X

5 6 7 8 9

m n o p q r s t u v

5 6 7 8 9

MEXICO

K O P T I T A

NEON

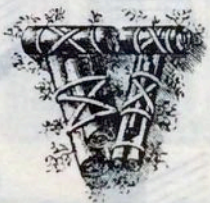
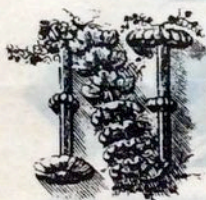
P U E B L A

SAVOIR BOIRE

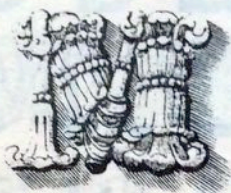
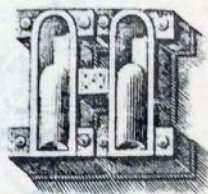
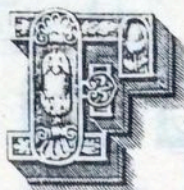
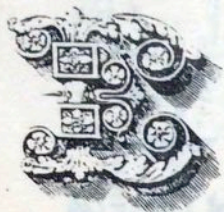
varios aspectos

A B C
D E F G H I K
L M N O P Q R
S T U V X
Y Z

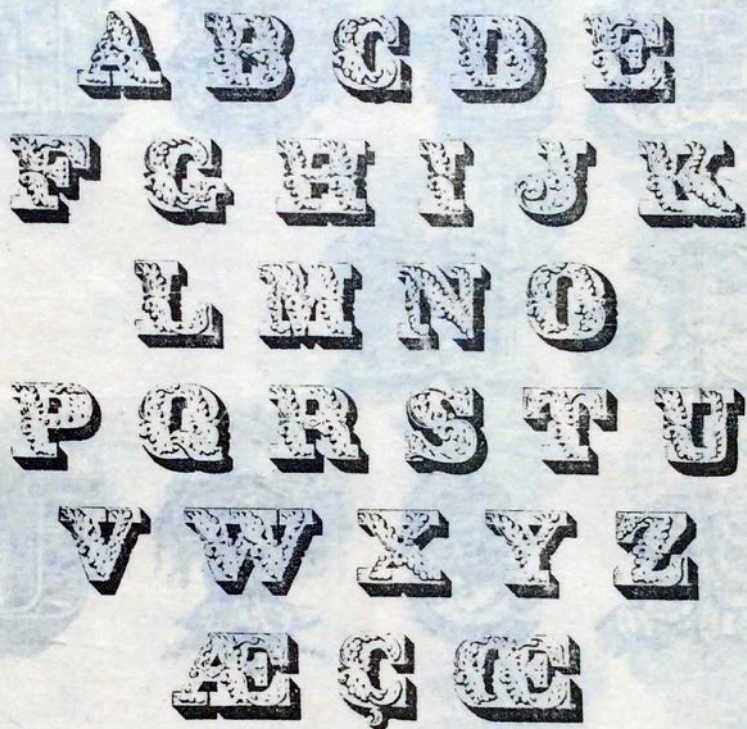
XX's the First National Co. (1941)



Kiểu chữ Fratelli Santerini, Cesena (1841)



Lettras en bois ciselées



Fonderies Deberny & Peignot

Kiểu chữ Deberny và Peignot

A B C D E F

G H I J K

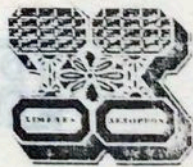
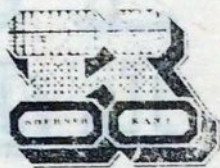
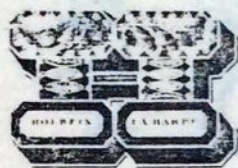
L M N O P

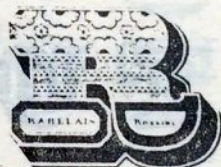
Q R S T U

V W X Y Z

R O D I N

Kiểu chữ Deberny và Peignot





Kiểu chữ Lapidaire Monstre (1834)

R E D

A B C D E F

G H I J K L

M N O P Q R

S T U V W

X Y Z

R O S E S

Kiểu chữ Paul Sollberger

A B C D E F G H I

J K L M N O P Q R

S T U V X Y

a b c d e f g h i k l m

n o p q r s t u v x y

GRAFIK



Kiểu chữ nghệ thuật

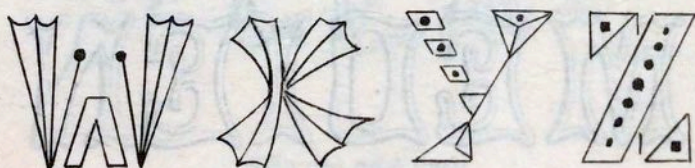
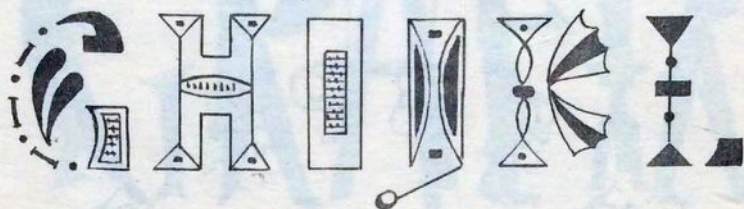
BINGEN

E O P A

L A B A N

HISTORIA

MEDIEN



Kiểu chữ quảng cáo của Hungari

ZENTRALE
ZENTRALE
ZENTRALE

hot

boutique
fantasque

Foto

at the
top hand ball



Kiểu chữ Macdonald (1820-1830)

BY
PETER
BIRCH

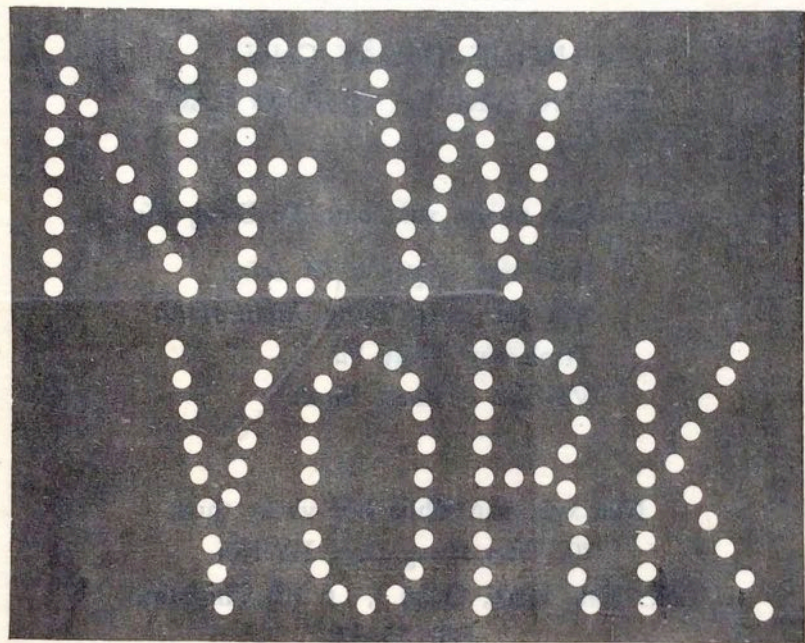
GÀN
ĐIÊN
VA



PHÍA TRƯỚC
PHÍA SAU

HANOI

TRƯỜNG KINH ĐỒ 23



SIKON

Kiểu chữ đèn nhấp nháy và đèn huỳnh quang

K.S. HỒ XUÂN HẠNH

NGHỆ THUẬT CHỮ
TRANG TRÍ VÀ QUẢNG CÁO

Chịu trách nhiệm xuất bản: Tô Đăng Hải

Biên tập: Nguyễn Trí Dũng

Sửa bài: Trí Dũng, Xuân Hạnh

Trình bày: Thụy Vũ

Vẽ bìa: Xuân Hạnh

*

Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật
70, Trần Hưng Đạo, Hà Nội
28, Đồng Khởi, Quận I, t.p Hồ Chí Minh
ĐT: 25062

In 2000 cuốn khổ 13x19cm tại Nhà in Trần Phú tp. Hồ Chí Minh.
Nộp lưu chiểu tháng 2 năm 1992. Số xuất bản 17/KHKT
